

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)
ĐẶNG THỊ KIM NGÀ - XUÂN THỊ NGUYỆT HÀ - NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
DAY HỌC XÓA MÙ CHỮ
TIẾNG VIỆT
KỲ 1

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

BẢNG KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Chữ cụ thể	Chữ được viết tắt
Học viên	HV
Giáo viên	GV
Dùng bút	DB
Đặt bút	ĐB
Đường kẻ	ĐK
Ví dụ	VD

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu hướng dẫn dạy học xóa mù chữ Tiếng Việt – Kỳ 1 được biên soạn nhằm giúp giáo viên, cán bộ quản lý tham gia xóa mù chữ thực hiện tốt Chương trình Xóa mù chữ ban hành kèm theo Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung hướng dẫn gồm 2 phần:

Phần 1. Những vấn đề chung;

Phần 2. Hướng dẫn cụ thể.

Các tác giả xin trân trọng cảm ơn Vụ Giáo dục thường xuyên - Bộ Giáo dục và Đào tạo, các chuyên gia, các thành viên góp ý, phản biện, thẩm định đã định hướng, góp ý và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi hoàn thành tài liệu này.

Rất mong các thầy giáo, cô giáo góp ý kiến để tài liệu được chỉnh lý đáp ứng tốt hơn yêu cầu dạy học trong lần xuất bản tiếp theo.

Các tác giả

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NÓI ĐẦU	3

Phần 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. MỤC TIÊU MÔN HỌC.....	9
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	10
III. NỘI DUNG GIÁO DỤC	11
IV. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.....	13
V. CẤU TRÚC TÀI LIỆU XÓA MÙ CHỮ TIẾNG VIỆT, KỲ 1	17
VI. MỘT SỐ CHỈ DẪN VỀ DẠY HỌC VẦN	18
VII. MỘT SỐ CHỈ DẪN VỀ CÁCH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC	18

Phần 2 HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

HỌC VẦN	20
Bài 1. LÀM QUEN VỚI CHỮ VIẾT (2 tiết).....	20
Bài 2. a b c \ / (2 tiết)	21
Bài 3. o ô ơ ơ ~ (2 tiết).....	23
Bài 4. d đ • (2 tiết).....	26
Bài 5. e ê i (2 tiết)	28
Bài 6. h g gh (2 tiết)	30
Bài 7. ÔN TẬP (2 tiết)	32
Bài 8. k kh l (2 tiết).....	34
Bài 9. m n nh (2 tiết)	36
Bài 10. ng ngh gi (2 tiết)	38

Bài 11. u ư (2 tiết).....	40
Bài 12. q-qu y (2 tiết)	42
Bài 13. p - ph v (2 tiết)	44
Bài 14. ÔN TẬP (2 tiết) k kh l m n nh ng ngh gi u ư q - qu y p - ph v.....	47
Bài 15. r s (2 tiết)	49
Bài 16. t th (2 tiết)	51
Bài 17. ch tr x (2 tiết)	53
Bài 18. ia ua ưa (2 tiết).....	55
Bài 19. CHỮ HOA (2 tiết)	58
Bài 20. ÔN TẬP (2 tiết) r s t th ch tr x ia ua ưa	59
Bài 21. ai ay â-ây (2 tiết).....	61
Bài 22. oi ôi ơi (2 tiết)	63
Bài 23. ui ưi (2 tiết)	66
Bài 24. uôi ươi (2 tiết).....	68
Bài 25. ÔN TẬP (2 tiết) ai ay ây oi ôi ơi ui ưi uôi ươi.....	70
Bài 26. ao eo (2 tiết)	72
Bài 27. au âu (2 tiết)	74
BÀI 28. êu iu (2 tiết).....	77
BÀI 29. ươu ươi (2 tiết)	79
Bài 30. iêu yêu (2 tiết).....	81
Bài 31. ÔN TẬP (2 tiết) ao, eo, êu, iu, au, âu, ươu, ươi, iêu, yêu.....	84
Bài 32. ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ (2 tiết).....	86
Bài 33. an ă - ăn ân (2 tiết)	88
Bài 34. on ôn ơn (2 tiết).....	90
Bài 35. en ên un (2 tiết)	93
Bài 36. in iên yên (2 tiết).....	95
Bài 37. uôn ươn (2 tiết)	97
Bài 38. ÔN TẬP (2 tiết) an ă - ăn ân on ôn ơn en ên un in iên yên uôn ươn.....	100
Bài 39. at ăt ăt (2 tiết)	102

Bài 40. ot ôt ơt (2 tiết).....	104
Bài 41. et êt it (2 tiết)	107
Bài 42. ut ưt iêt yêt (2 tiết)	109
Bài 43. uôt ươt (2 tiết)	112
Bài 44. ÔN TẬP (2 tiết) at ăt ât ot ôt ơt et êt it ut ưt iêt yêt uôt ươt.....	114
BÀI 45. am ăm âm (2 tiết).....	116
Bài 46. om ôm ơm (2 tiết).....	119
Bài 47. em êm im (2 tiết)	121
Bài 48. um uôm (2 tiết)	123
Bài 49. ươm iêm yêm (2 tiết).....	126
Bài 50. ÔN TẬP (2 tiết) am ăm âm om ôm ơm em êm im um uôm ươm iêm yêm	128
BÀI 51. ap ăp âp (2 tiết).....	130
BÀI 52. op ôp ơp (2 tiết)	133
Bài 53. ep êp ip (2 tiết)	135
BÀI 54. up ươp iêp (2 tiết).....	137
Bài 55. ÔN TẬP (2 tiết) ap ăp âp op ôp ơp ep êp ip up ươp iêp	140
Bài 56. ang ăng âng (2 tiết)	142
Bài 57. ong ông (2 tiết)	144
Bài 58. ung ương (2 tiết).....	146
Bài 59. iêng uông ương (2 tiết).....	149
Bài 60. anh ênh inh (2 tiết)	151
Bài 61. ÔN TẬP (2 tiết) ang ăng âng ong ông ung ương iêng uông ương anh ênh inh.....	154
Bài 62. ac ắc âc (2 tiết).....	156
Bài 63. oc ôc (2 tiết).....	158
BÀI 64. uc ưc (2 tiết).....	161
Bài 65. iêc uôc ươc (2 tiết)	163
BÀI 66. ach êch ich (2 tiết)	166
Bài 67. ÔN TẬP (2 tiết) ac ắc âc oc ôc uc ưc iêc uôc ươc ach êch ich....	168

Bài 68. oa oe (2 tiết)	170
BÀI 69. oai oay (2 tiết)	173
Bài 70. oan oăn (2 tiết)	175
BÀI 71. oang oăng oanh (2 tiết)	177
BÀI 72. oat oăt (2 tiết)	180
BÀI 73. oac oăc oach (2 tiết)	182
Bài 74. ÔN TẬP (2 tiết) oa oe oai oay oan oăn oang oăng oanh oat oăt oac oăc oach	185
Bài 75. uê uy uơ (2 tiết)	187
Bài 76. uya uây (2 tiết)	189
Bài 77. uân uât (2 tiết)	191
Bài 78. uyên uyêt uyt (2 tiết)	194
Bài 79. VẦN ÍT DÙNG (2 tiết) uyū uynh uych uênh uêch	196
Bài 80. eng ec uêu oao oeo oam oăm (2 tiết)	199
BÀI 81. ÔN TẬP (2 tiết)	201
BÀI 82. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (2 tiết)	203
LUYỆN TẬP TỔNG HỢP	204
Chủ điểm: GIA ĐÌNH	204
Bài 1. CHIẾC ÁO MỚI NGÀY XUÂN (3 tiết)	204
Bài 2. KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ (3 tiết)	206
Bài 3. CON YÊU BỐ (3 tiết)	208
Chủ điểm: THIÊN NHIÊN ĐẤT NƯỚC	210
Bài 4. SỰ TÍCH VÙNG ĐẤT ĐỎ TÂY NGUYÊN (3 tiết)	210
Bài 5. VIỆT NAM (3 tiết)	213
Bài 6. HƯƠNG RỪNG (3 tiết)	215
Chủ điểm: CUỘC SỐNG QUANH TA	218
Bài 7. TIẾNG THÁC LENG GUNG (3 tiết)	218
Bài 8. LỜI CỦA CÂY (3 tiết)	220
Bài 9. BUỔI SÁNG MÙA HÈ TRONG THUNG LŨNG (3 tiết)	222

BÀI 10. TẤM GƯƠNG HIẾU HỌC (2 tiết)	224
Bài 11. EM YÊU NHÀ EM (3 tiết).....	227
BÀI 12. CHỊ THOA CHĂM HỌC (3 tiết)	229
Chủ điểm: THIÊN NHIÊN – ĐẤT NƯỚC	231
BÀI 13. ĐÁM MÂY ĐEN (3 tiết)	231
Bài 14. CON CHIM CHIÈN CHIẾN (3 tiết).....	233
Bài 15. RỪNG CỌ QUÊ TÔI (3 tiết)	236
Chủ điểm: CUỘC SỐNG QUANH TA	238
BÀI 16. LÃO NÔNG NGƯỜI MÔNG TRỒNG RỪNG (3 tiết)	238
Bài 17. TIẾNG RU (3 tiết)	240
Bài 18. TIẾT KIỆM NƯỚC (3 tiết)	243
Chủ điểm: GIA ĐÌNH	245
Bài 19. CUỘC SỐNG CỦA GIA ĐÌNH CÁ CON (3 tiết).....	245
Bài 20. LỬA ẤM BÀN HON (3 tiết)	247
Bài 21. VỀ THĂM BÀ (3 tiết)	250
Chủ điểm: THIÊN NHIÊN ĐẤT NƯỚC	252
Bài 22. TÀI NGUYÊN RỪNG VIỆT NAM (3 tiết)	252
Bài 23. CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC (3 tiết)	254
Bài 24. LÀM SẠCH MÔI TRƯỜNG (3 tiết)	256
Chủ điểm: CUỘC SỐNG QUANH TA	259
Bài 25. TƯƠNG THÂN TƯƠNG ÁI (3 tiết).....	259
Bài 26. NHỚ ƠN (3 tiết)	261
Bài 27. CÓ CÔNG MÀI SẮT CÓ NGÀY NÊN KIM (3 tiết)	264
Chủ điểm: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC	266
Bài 28. CHÀNG TRAI LÀNG PHÙ ỨNG (3 tiết).....	266
Bài 29. CỘT CỜ HÀ NỘI (3 tiết).....	269
Bài 30. NGƯỜI CON GÁI ANH HÙNG(3 tiết).....	271
Bài 31. ÔN TẬP (3 tiết).....	274
Bài 32. TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP (3 tiết)	275

I. MỤC TIÊU MÔN HỌC**1. Mục tiêu chung**

1.1. Giúp học viên hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính. Môn Tiếng Việt giúp học viên bước đầu khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn; có tình yêu đối với tiếng Việt và văn học; có ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc, góp phần gìn giữ và phát triển các giá trị văn hóa Việt Nam; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và bước đầu có khả năng hội nhập quốc tế.

1.2. Giúp học viên phát triển các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt môn Tiếng Việt giúp học viên phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giúp học viên hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể: yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương; có tình yêu tiếng Việt và hình thành thói quen giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt; có ý thức đối với cội nguồn; có hứng thú học tập, có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với gia đình, cộng đồng và xã hội; góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2.2. Giúp học viên bước đầu hình thành các năng lực chung, phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản: đọc đúng, trôi chảy văn bản; hiểu được nội dung, thông tin chính của văn bản; liên hệ, so sánh ngoài văn bản; viết đúng chính tả, ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn, bài văn ngắn (chủ yếu là bài văn kể và tả); phát biểu rõ ràng; nghe hiểu ý kiến người nói.

Bước đầu hình thành và phát triển năng lực văn học với yêu cầu phân biệt được thơ và truyện, biết cách đọc thơ và truyện; hiểu và biết xúc động trước cái đẹp, cái thiện của con người và thế giới xung quanh được thể hiện trong các văn bản văn học.

1.3. Giúp học viên hình thành phương pháp học tập, phương pháp tư duy, cách thức vận dụng các kiến thức, kĩ năng thu nhận được làm cơ sở cho việc học tập suốt đời.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Tiếng Việt góp phần hình thành, phát triển ở học viên những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Phần thứ nhất.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

1.1. Năng lực ngôn ngữ

- Đọc đúng, trôi chảy và diễn cảm văn bản; hiểu được nội dung chính của văn bản, chủ yếu là nội dung tường minh; bước đầu hiểu được nội dung hàm ẩn như chủ đề, bài học rút ra từ văn bản đã đọc.

Yêu cầu đọc gồm về kĩ thuật đọc và kĩ năng đọc hiểu. Đối với kỳ 1 và kỳ 2, chú trọng yêu cầu đọc đúng với tốc độ phù hợp và đọc hiểu nội dung đơn giản của văn bản. Đối với kỳ 3, kỳ 4 và kỳ 5, chú trọng nhiều hơn đến yêu cầu đọc hiểu nội dung cụ thể, hiểu chủ đề, hiểu bài học rút ra được từ văn bản.

- Từ kỳ 1 đến kỳ 3, viết đúng chính tả, từ vựng, ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn văn ngắn; ở kỳ 4 và kỳ 5 bước đầu viết được bài văn ngắn hoàn chỉnh, chủ yếu là bài văn kể, tả và bài giới thiệu đơn giản.

Viết được văn bản kể lại những câu chuyện đã đọc, những sự việc đã chứng kiến, tham gia, những câu chuyện do học viên liên tưởng, tưởng tượng; miêu tả những sự vật, hiện tượng quen thuộc; giới thiệu về những sự vật và hoạt động gần gũi với cuộc sống của học viên. Viết đoạn văn nêu những cảm xúc, suy nghĩ của học viên khi đọc một câu chuyện, bài thơ, khi chứng kiến một sự việc gợi cho học viên nhiều cảm xúc; nêu ý kiến về một vấn đề đơn giản trong học tập và đời sống; viết một số kiểu văn bản như: bản tự thuật, tin nhắn, giấy mời, thời gian biểu, đơn từ,...; bước đầu biết viết theo quy trình; bài viết cần có đủ ba phần (mở bài, thân bài, kết bài).

- Trình bày dễ hiểu các ý tưởng và cảm xúc; bước đầu biết sử dụng cử chỉ, điệu bộ thích hợp khi nói; kể lại được một cách rõ ràng câu chuyện đã đọc, đã nghe; biết chia sẻ, trao đổi những cảm xúc, thái độ, suy nghĩ của mình đối với những vấn đề được nói đến; biết thuyết minh về một đối tượng hay quy trình đơn giản.

- Nghe hiểu với thái độ phù hợp và nắm được nội dung cơ bản; nhận biết được cảm xúc của người nói; biết cách phản hồi những gì đã nghe.

1.2. Năng lực văn học

Phân biệt văn bản truyện và thơ (đoạn, bài văn xuôi và đoạn, bài văn vần); nhận biết được nội dung văn bản và thái độ, tình cảm của người viết; bước đầu hiểu được tác dụng của một số yếu tố hình thức của văn bản văn học (ngôn từ, nhân vật, cốt truyện, vần thơ, so sánh, nhân hoá). Biết liên tưởng, tưởng tượng và diễn đạt có tính văn học trong viết và nói.

Đối với kỳ 1, kỳ 2: nhận biết được văn bản nói về ai, về cái gì; nhận biết được nhân vật trong các câu chuyện, vần trong thơ; nhận biết được truyện và thơ.

Đối với kỳ 3, kỳ 4 và kỳ 5: biết cách đọc diễn cảm văn bản văn học; kể lại, tóm tắt được nội dung chính của câu chuyện, bài thơ; nhận xét được các nhân vật, sự việc và thái độ, tình cảm của người viết trong văn bản; nhận biết được thời gian và địa điểm, một số kiểu vần thơ, nhịp thơ, từ ngữ, hình ảnh đẹp, độc đáo và tác dụng của các biện pháp tu từ nhân hoá, so sánh. Hiểu được ý nghĩa hoặc bài học rút ra từ văn bản. Viết được đoạn, bài văn kể chuyện, miêu tả thể hiện cảm xúc và khả năng liên tưởng, tưởng tượng.

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC

KỠ 1 (260 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KĨ THUẬT ĐỌC <ul style="list-style-type: none">- Ngồi (hoặc đứng) thẳng lưng; sách, vở mở rộng trên mặt bàn (hoặc trên hai tay). Giữ khoảng cách giữa mắt với sách, vở khoảng 25cm.- Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (có thể đọc chưa thật đúng một số tiếng có vần khó, ít dùng), chữ số (từ 0 đến 9) và các số thường gặp.- Thuộc bảng chữ cái tiếng Việt.- Đọc đúng và rõ ràng đoạn văn hoặc văn bản ngắn. Tốc độ đọc khoảng 30 – 50 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu kết thúc câu hay ở chỗ kết thúc dòng thơ.- Bước đầu biết đọc thầm.- Nhận biết được bìa sách và tên sách. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học	KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT <ol style="list-style-type: none">1. Bảng chữ cái tiếng Việt, âm, vần, thanh; chữ và dấu thanh, chữ số; quy tắc chính tả phân biệt: c và k, g và gh, ng và ngh; quy tắc viết hoa: viết hoa chữ cái đầu câu, viết hoa tên riêng.2. Vốn từ theo chủ điểm: Từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm gần gũi.3. Công dụng của

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p>Đọc hiểu nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh. - Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ. <p>Đọc hiểu hình thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được hình dáng, hành động của nhân vật thể hiện qua một số từ ngữ trong câu chuyện dựa vào gợi ý của giáo viên. - Nhận biết được lời nhân vật trong truyện dựa vào gợi ý của giáo viên. <p>Liên hệ, so sánh, kết nối</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nhân vật yêu thích nhất và bước đầu biết giải thích vì sao. <p>Văn bản thông tin</p> <p>Đọc hiểu nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản về các chi tiết nổi bật trong văn bản. - Trả lời được câu hỏi: “Văn bản này viết về điều gì?” với sự gợi ý, hỗ trợ của giáo viên. <p>Đọc hiểu hình thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được trình tự của các sự việc trong văn bản. 	<p>dấu chấm, dấu chấm hỏi: đánh dấu kết thúc câu.</p> <p>4. Từ xưng hô thông dụng khi giao tiếp ở nhà và ở trường; một số nghi thức giao tiếp thông dụng ở nhà và ở trường: chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép.</p> <p>KIẾN THỨC VĂN HỌC</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Câu chuyện, bài thơ 2. Nhân vật trong truyện <p>NGŨ LIỆU</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Văn bản văn học <ul style="list-style-type: none"> - Truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện ngắn, đoạn văn miêu tả, tục ngữ, ca dao dân ca về gia đình, sức khỏe, lao động sản xuất, môi trường, thiên nhiên, đất nước. - Đoạn thơ, bài thơ (gồm cả đồng dao). <p>Độ dài của văn bản: truyện và đoạn văn miêu tả khoảng 90 - 130 chữ, thơ khoảng 50 - 70 chữ.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Văn bản thông tin: giới thiệu những sự vật, sự việc gần gũi
<p>VIẾT</p> <p>KĨ THUẬT VIẾT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết ngồi viết đúng tư thế: ngồi thẳng lưng; hai chân đặt vuông góc với mặt đất; một tay úp đặt lên góc vở, một tay cầm bút; không tì ngực vào mép bàn; khoảng cách giữa mắt và vở khoảng 25cm; cầm bút bằng ba ngón tay (ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa). - Viết đúng chữ viết thường, chữ số (từ 0 đến 9); biết viết chữ hoa. - Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng các chữ <i>c, k, g, gh, ng, ngh</i>. - Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 - 35 chữ theo các hình thức nhìn - viết (tập chép), nghe - viết. <p>VIẾT CÂU, ĐOẠN VĂN NGẮN</p> <p>Quy trình viết</p> <p>Bước đầu trả lời được những câu hỏi như: Viết về ai? Viết về cái gì, việc gì?</p>	

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p>Thực hành viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe. - Điền được phần thông tin còn trống, viết câu trả lời hoặc viết lại câu đã nói để giới thiệu bản thân dựa trên gợi ý. 	<p>với học viên. Độ dài của văn bản: khoảng 90 chữ.</p>
<p>NÓI VÀ NGHE</p> <p>Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói rõ ràng, nói liền mạch cả câu. Có ý thức khắc phục lỗi phát âm (nếu có). - Trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. - Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe. - Biết giới thiệu ngắn về bản thân, gia đình, đồ vật yêu thích dựa trên gợi ý. <p>Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. - Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học. - Nghe một câu chuyện và trả lời được các câu hỏi: Ai? Cái gì? Khi nào? Ở đâu? <p>Nói nghe tương tác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. - Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. 	<p>3. Gợi ý chọn văn bản: lựa chọn những văn bản có nội dung về đời sống gia đình, văn hóa xã hội, xây dựng đất nước, bảo vệ tổ quốc.</p> <p>4. Các từ ngữ có ý nghĩa tích cực, phù hợp với học viên.</p>

IV. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Phương pháp giáo dục

1.1. Định hướng chung

- Chương trình lấy tư tưởng dạy học tập trung vào người học, phát huy tính tích cực, chủ động của học viên trong học tập làm phương châm trong việc thực hiện phương pháp dạy học.

- Đối với người lớn, cần chú trọng việc học qua thực hành, trải nghiệm, rèn luyện theo mẫu và thảo luận. Người lớn đã tiếp nhận tiếng Việt một cách tự nhiên trong môi trường xã hội qua các giai đoạn trưởng thành cho nên dạy học tiếng cho người lớn là cố gắng giúp họ ý thức được cách tổ chức của tiếng nói đó và cách

sử dụng nó một cách có ý thức (không chỉ hoàn toàn tự nhiên). Việc này được thực hiện chủ yếu bằng cách phân tích ngữ liệu và đối chiếu những hiện tượng giống nhau (hiện tượng đồng âm, đồng nghĩa), những hiện tượng khác nhau (hiện tượng trái nghĩa, nhiều nghĩa) của bản thân hệ thống tiếng Việt và sử dụng tiếng Việt trong những tình huống khác nhau.

1.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các năng lực đặc thù

a) Phương pháp dạy đọc

Mục đích chủ yếu của dạy đọc là giúp học viên biết đọc và tự đọc được văn bản; thông qua đó mà bồi dưỡng, giáo dục phẩm chất, nhân cách của học viên. Đối tượng đọc gồm văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Mỗi kiểu văn bản có những đặc điểm riêng, vì thế cần có cách dạy đọc hiểu văn bản phù hợp.

- Dạy đọc hiểu văn bản nói chung: Yêu cầu học viên đọc trực tiếp toàn bộ văn bản, chú ý quan sát các yếu tố hình thức của văn bản, từ đó có ấn tượng chung và tóm tắt được nội dung chính của văn bản; tổ chức cho học viên tìm kiếm, phát hiện, phân tích, suy luận ý nghĩa các thông tin chính trong văn bản; hướng dẫn học viên liên hệ, so sánh giữa các văn bản, kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân học viên,... để hiểu giá trị của văn bản, biết vận dụng, chuyển hoá những giá trị ấy thành niềm tin và hành vi ứng xử của cá nhân trong cuộc sống hằng ngày.

- Dạy đọc hiểu văn bản văn học: Văn bản văn học cũng là một loại văn bản, nên dạy đọc hiểu văn bản văn học cũng cần tuân thủ cách đọc hiểu văn bản nói chung. Tuy nhiên, văn bản văn học có những đặc điểm riêng vì thế giáo viên tổ chức cho học viên tìm hiểu, giải mã văn bản văn học theo một quy trình phù hợp với đặc trưng của văn bản nghệ thuật.

Phương pháp dạy đọc phải tập trung kích hoạt việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc. Hướng dẫn và khích lệ học viên chủ động, tự tin trong tiếp nhận tác phẩm; biết so sánh đối chiếu, liên hệ mở rộng, huy động vốn hiểu biết cá nhân, sử dụng trải nghiệm cuộc sống của bản thân để đọc hiểu, trải nghiệm văn học, phát hiện những giá trị đạo đức, văn hoá và triết lí nhân sinh, từ đó biết vận dụng, chuyển hoá thành giá trị sống. Khi dạy học đọc hiểu, giáo viên có những gợi ý, nhưng không lấy việc phân tích, bình giảng của mình thay thế cho những suy nghĩ của học viên; tránh đọc chép và hạn chế ghi nhớ máy móc. Sử dụng đa dạng các loại câu hỏi ở những mức độ khác nhau để thực hiện dạy học phân hóa và hướng dẫn học viên đọc hiểu văn bản, hình thành kĩ năng đọc.

Tuỳ vào đối tượng học viên ở từng giai đoạn và thể loại của văn bản văn học mà vận dụng các phương pháp, kĩ thuật và hình thức dạy học đọc hiểu cho phù hợp như: đọc phân vai, kể chuyện, đóng vai để giải quyết một tình huống, sử dụng câu hỏi, hướng dẫn ghi chép trong tiến trình đọc bằng các phiếu ghi chép, phiếu học tập, nhật kí đọc sách, tổ chức cho học viên thảo luận về văn bản,... Một

số phương pháp dạy học khác như đàm thoại, vấn đáp, diễn giảng, nêu vấn đề,... cũng cần được vận dụng một cách phù hợp theo yêu cầu phát triển năng lực cho học viên.

b) Phương pháp dạy viết

Mục đích của dạy viết là rèn luyện tư duy và cách viết, qua đó mà giáo dục phẩm chất và phát triển nhân cách của học viên. Vì thế khi dạy viết, giáo viên chú trọng yêu cầu tạo ra ý tưởng và biết cách trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo và có sức thuyết phục.

Giáo viên tập trung vào yêu cầu hướng dẫn học viên các bước tạo lập văn bản, thực hành viết theo các bước và đặc điểm của kiểu văn bản. Thông qua thực hành, giáo viên hướng dẫn học viên phân tích các văn bản ở phần đọc hiểu và văn bản bổ sung để nắm được đặc điểm của các kiểu văn bản, quy trình tạo lập văn bản; sử dụng các câu hỏi giúp học viên xác định được mục đích và nội dung viết; giới thiệu các nguồn tư liệu, hướng dẫn cách tìm ý tưởng và phác thảo dàn ý; hướng dẫn học viên viết văn bản; tự chỉnh sửa và trao đổi dựa trên các tiêu chí đánh giá bài viết.

Nội dung dạy viết có hai yêu cầu: dạy kĩ thuật viết và dạy viết đoạn văn, văn bản. Dạy kĩ thuật viết (tập viết, chính tả) chủ yếu sử dụng phương pháp thực hành theo mẫu. Dạy viết đoạn văn, bài văn một cách linh hoạt, có thể sử dụng các phương pháp như rèn luyện theo mẫu, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, viết sáng tạo,...

Giáo viên sử dụng những phương pháp như phân tích mẫu, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, gợi mở,... để hướng dẫn học viên hình thành dàn ý, lựa chọn cách triển khai, diễn đạt; tổ chức cho học viên thực hành viết văn bản, có thể viết từng phần: mở bài, kết bài, một hoặc một số đoạn trong thân bài.

Tổ chức dạy viết đoạn và bài văn thường gồm các hoạt động chủ yếu như: nêu nhiệm vụ mà học viên cần thực hiện; yêu cầu học viên làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc theo nhóm; tổ chức trình bày kết quả làm việc, thảo luận về các nhiệm vụ được giao và tự rút ra nội dung bài học; nhận xét, đánh giá,...; sau khi viết xong, học viên cần có cơ hội nói, trình bày những gì đã viết.

c) Phương pháp dạy nói và nghe

Mục đích của dạy nói và nghe là giúp học viên có khả năng diễn đạt, trình bày bằng ngôn ngữ nói một cách rõ ràng, tự tin; có khả năng hiểu đúng; biết tôn trọng người nói, người nghe; có thái độ phù hợp trong trao đổi, thảo luận. Dạy nói và nghe không chỉ phát triển năng lực giao tiếp mà còn giáo dục phẩm chất và nhân cách học viên.

Trong dạy nói, giáo viên tổ chức cho học viên thực hành; hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài thuyết trình và trình bày trước nhóm, tổ, lớp; cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận.

Trong dạy nghe, giáo viên hướng dẫn học viên cách nắm bắt được nội dung nghe, cách hiểu và đánh giá quan điểm, ý định của người nói; cách kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, tôn trọng những ý kiến khác biệt; cách hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

Đối với kĩ năng nói nghe tương tác, giáo viên hướng dẫn học viên biết lắng nghe và biết đặt câu hỏi để hiểu nội dung nghe, biết nói theo lượt lời trong hội thoại, biết dùng các phương tiện nghe nhìn khác để hỗ trợ cho lời trình bày miệng.

Thực hành nghe nói là hoạt động chính, nhằm rèn kĩ năng nghe nói cho học viên. Để tạo điều kiện cho mọi học viên được thực hành nói, giáo viên linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động học tập như: yêu cầu từng cặp học viên nói cho nhau nghe hoặc học viên trình bày bài nói trước nhóm, lớp; tổ chức cho học viên thảo luận, tranh luận, qua đó hiểu được tính chất tương tác của ngôn ngữ nói và hình thành thái độ tích cực, hợp tác khi trao đổi, thảo luận và có khả năng giải quyết vấn đề qua trao đổi, thảo luận; chia nhóm, lắng nghe nhận xét, rút kinh nghiệm dựa trên những hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá mà giáo viên cung cấp.

2. Đánh giá kết quả giáo dục

2.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của học viên nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và những tiến bộ của học viên trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học viên và nâng cao chất lượng giáo dục.

2.2. Yêu cầu đánh giá

Đánh giá học viên thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về kỹ năng đọc, viết, nói, nghe được quy định trong Chương trình xóa mù chữ môn Tiếng Việt. Việc đánh giá thái độ đối với môn học của học viên được tích hợp vào việc đánh giá 4 kỹ năng: đọc, viết, nói, nghe.

Đánh giá thường xuyên là đánh giá các kỹ năng đọc, viết, nói nghe của học viên; Đánh giá định kỳ bằng bài kiểm tra viết, tích hợp đọc hiểu những kiến thức cần yếu về Tiếng Việt. Đánh giá viết ở mức độ 1 gồm có 2 phần: viết chính tả và viết đoạn văn 4 - 5 câu; mức độ 2: viết bài văn ngắn.

Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học viên; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của học viên; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh kết quả học tập giữa các học viên, không tạo áp lực cho học viên.

2.3. Cách thức đánh giá

Đánh giá trong môn Tiếng Việt được thực hiện bằng hai cách: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá học viên, học viên đánh giá lẫn nhau, học viên tự đánh giá.

Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm cuối một mức do cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lí hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình, tài liệu học tập. Đánh giá định kì thường thông qua các đề kiểm tra viết. Đề kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết tự luận (một hoặc nhiều câu).

V. CẤU TRÚC TÀI LIỆU XÓA MÙ CHỮ TIẾNG VIỆT, KỲ 1

1. Phân bố số tiết học

- Học vần: 82 bài (bao gồm cả ôn tập, kiểm tra) x 2 tiết = 164 tiết
- Luyện tập tổng hợp: 32 bài (bao gồm cả ôn tập, kiểm tra) x 3 tiết = 96 tiết

2. Cấu trúc bài học

- Phần Học vần gồm các bài học như sau:
 - + 1 bài làm quen với việc học Tiếng Việt.
 - + 19 bài học chữ cái ghi âm (gồm cả bài ôn tập)
 - + 60 bài học vần (gồm cả bài ôn tập)
 - + 2 bài ôn tập, kiểm tra cuối phần Học vần.
- Phần Luyện tập tổng hợp:
 - + 30 bài x 3 tiết = 90 tiết
 - + 2 bài ôn tập, kiểm tra cuối kì II = 6 tiết

Phần Luyện tập được thiết kế luân phiên theo 3 chủ điểm *Gia đình, Thiên nhiên đất nước, Cuộc sống quanh ta*. Mỗi chủ điểm có 3 bài học, sau khi hết một vòng 3 chủ điểm thì các bài học tiếp theo sẽ quay vòng lại 3 chủ điểm đó. Chủ điểm cuối cùng là *Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*.

Mỗi chủ điểm gồm 3 bài học với các hoạt động cụ thể như sau:

Chủ điểm	Bài 1	- Đọc (1 tiết) - Kể chuyện (1 tiết) - Viết chữ hoa (1 tiết)
	Bài 2	- Đọc (1 tiết) - Nói theo chủ điểm (1 tiết) - Viết chính tả (1 tiết)
	Bài 3	- Đọc và Luyện tập gắn với văn bản đọc (2 tiết) - Viết câu, đoạn ngắn (1 tiết)

Mỗi bài học được thực hiện trong 3 tiết bao gồm các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe và luyện tập các kiến thức về từ và câu gắn với luyện các kĩ năng ngôn ngữ.

Ở hoạt động đọc, văn bản được lựa chọn theo chủ đề, gồm có phần Luyện đọc (bao gồm đọc thành tiếng và đọc hiểu) và phần Luyện tập gắn với bài đọc. Ở hoạt động viết, gồm có viết chính tả, viết chữ hoa và viết câu hoặc đoạn văn ngắn. Ở hoạt động nói và nghe, gồm có nói theo chủ đề và kể chuyện.

VI. MỘT SỐ CHỈ DẪN VỀ DẠY HỌC VẦN

1. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy nghĩa.

Hầu hết từ, câu, đoạn, bài đọc trong sách đều có tranh ảnh minh họa giúp học viên (HV) dễ dàng hiểu nghĩa của từ ngữ, hiểu ý của câu, hiểu nội dung của đoạn, bài.

2. Dạy các chữ *q, qu* và *p, ph* cùng nhau.

Giới thiệu chữ *q* (đọc là “cu”), sau đó dạy luôn chữ *qu* (đọc là “quờ”); giới thiệu chữ *p* (đọc là “pờ”), rồi dạy luôn chữ *ph* (đọc là “phờ”). Việc giới thiệu chữ *q, p* giúp HV có thể đọc được bảng chữ cái dễ dàng.

Cách đọc tiếng có âm đầu là chữ *qu* như sau:

- Tiếng “quả”: quờ – a – qua – hồi – quả.
- Tiếng “quét”: quờ – et – quét – sắc – quét.

3. Dạy chữ *gi* là âm đầu trong tiếng có vần chứa chữ *i* cần phân biệt cách đọc và cách viết.

Trường hợp những tiếng có âm đầu là *gi* và vần chứa chữ *i* (iêu, iêt, iêng):

- Cách đọc tiếng “giếng”: gi – iêng – giêng – sắc – giếng.
- Cách viết tiếng “giếng” (bỏ đi một chữ *i*): giếng.

4. Dạy các chữ *ia, ua, ưa* ghi các nguyên âm đôi *iê, uô, ươ* theo giải pháp đơn giản với người mới học chữ.

Sách dạy *ia, ua, ưa* ở bài cuối cùng của phần học âm và đầu phần học các vần tiếng Việt. HV có thể coi *ia, ua, ưa* như là các vần. VD:

- Tiếng “mía” tách thành âm đầu “m”, vần “ia”, thanh “sắc”.
- Tiếng “rùa” tách thành âm đầu “r”, vần “ua”, thanh “huyền”.
- Tiếng “cửa” tách thành âm đầu “c”, vần “ưa”, thanh “hỏi”.

5. Dạy một số vần ít dùng theo cách giới thiệu sơ giản.

Các vần ít dùng thường là những vần tạo ra rất ít từ, lại thường là những từ rất ít dùng hằng ngày. Do vậy, sách chỉ chọn một số vần ít dùng để dạy. Một số vần khác sẽ kết hợp dạy khi chúng xuất hiện trong các văn bản đọc.

VII. MỘT SỐ CHỈ DẪN VỀ CÁCH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phân Học vần

- Việc tổ chức hoạt động đọc, viết cho HV cần kết hợp chặt chẽ hài hoà với hoạt động nói và nghe.

- Tăng cường sử dụng phương pháp rèn luyện theo mẫu, bao gồm thao tác phân tích mẫu (tiếng mẫu) và thực hành theo mẫu theo 2 quy trình:

+ Tách tiếng thành âm đầu, vần, thanh.

+ Ghép tiếng từ âm đầu, vần, thanh.

- Kết hợp linh hoạt hoạt động theo nhóm, lớp và học cá nhân.

2. Phần Luyện tập tổng hợp

a) Hoạt động đọc

Có thể tổ chức các hoạt động học tập của học viên theo quy trình sau:

- *Ôn bài cũ:*

+ Học viên đọc từng đoạn hoặc cả bài đọc đã học trước đó và trả lời câu hỏi của GV về bài đọc.

+ Học viên làm việc theo nhóm, đọc nối tiếp từng đoạn của bài đọc đã học và trả lời câu hỏi cuối bài đọc.

- *Học bài mới:*

+ Luyện đọc hành tiếng: Giáo viên (GV) hướng dẫn phát âm đúng một số từ khó phát âm trong bài (GV đọc mẫu để HV đọc theo hoặc HV tự đọc và tự góp ý cho nhau); luyện đọc từ, câu, đoạn theo hướng dẫn của GV.

+ Luyện đọc hiểu: Đọc từng yêu cầu hoặc câu hỏi ở phần Đọc - hiểu. Cá nhân HV suy nghĩ để trả lời hoặc trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để trả lời câu hỏi (hoặc đáp ứng yêu cầu) nêu trong phần Đọc - hiểu.

- *Luyện tập gắn với văn bản đọc:*

+ Học viên làm việc theo nhóm để thực hiện các yêu cầu.

+ Giáo viên thống nhất đáp án.

b) Hoạt động viết

- Viết chính tả: Bài luyện viết chính tả gồm có 2 yêu cầu: Nghe – viết đoạn văn hoặc đoạn thơ; Làm bài tập chính tả.

- Viết chữ hoa: Quan sát mẫu chữ viết hoa và nghe hướng dẫn viết; thực hành viết; chữa lỗi và nghe nhận xét, góp ý.

- Viết câu hoặc đoạn ngắn: Nhận biết yêu cầu, suy nghĩ cá nhân hoặc trao đổi nhóm trước khi viết câu, viết đoạn; trình bày bài làm của cá nhân, hoặc góp ý cho bài làm của bạn.

c) Hoạt động nói và nghe

- Học viên đọc yêu cầu (nói theo chủ đề hoặc kể chuyện).

- Giáo viên hướng dẫn cách thức, quy trình thực hiện.

- Học viên chuẩn bị nội dung để kể chuyện hoặc trình bày ý kiến.

- Kể chuyện hoặc trình bày ý kiến trong nhóm hoặc trước lớp.

- Nghe góp ý về nội dung, giọng nói, điệu bộ, cử chỉ khi nói,...

HỌC VẦN

Bài 1

LÀM QUEN VỚI CHỮ VIẾT (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

- Nhận biết bảng chữ cái, quan sát các nét chữ, tập tô một số nét chữ đơn giản.
- Nói tên các dấu thanh, tên các vật, con vật chứa dấu thanh.
- Nói tên các chữ số, tập tô và viết các chữ số.
- Bước đầu cảm thấy hứng thú với việc học chữ.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng chữ cái tiếng Việt.
- Bảng ghi các nét chữ hoặc ảnh, video giới thiệu các nét chữ.
- Một số mẫu chữ cái, chữ số phóng to.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Quan sát bảng chữ cái và các nét chữ cơ bản

a) Bảng chữ cái

- Giáo viên cho HV quan sát bảng chữ cái, giới thiệu/ đọc tên một số chữ cái.
- Giáo viên yêu cầu HV đếm các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.
- Học viên chỉ các chữ, nói tên các chữ mình đã biết.

b) Các nét chữ

- Giáo viên viết một số chữ cái và giới thiệu tên một số nét chữ.
- Giáo viên cho HV quan sát các nét chữ, GV nói tên các nét chữ.
- Học viên tô hoặc viết một số nét chữ.

2. Nói tên vật, con vật và dấu thanh

- Học viên nhìn tranh, nói tên sự vật: *ca – cà – cá; hổ – ngỗng – ngựa*
- Giáo viên giới thiệu các dấu thanh tiếng Việt: *huyền – sắc – hỏi – ngã – nặng*
- Học viên tìm tiếp tên các sự vật có cùng dấu thanh. Ví dụ:

	Huyền	Sắc	Hỏi	Ngã	Nặng
la	là	lá	lả	lã	lạ
be	bè	bé	bẻ	bẽ	bẹ
...

- Học viên xếp tên mình vào ô thích hợp trong bảng trên.

TIẾT 2

3. Tập tô và viết các nét chữ cơ bản

- Giáo viên giới thiệu tên các nét chữ, phân tích cách tô, viết các nét (điểm bắt đầu, điểm kết thúc).
- Giáo viên giới thiệu cách cầm bút, cách viết dấu thanh.
- Học viên tô và viết các nét chữ, GV nhận xét.

4. Nói tên các chữ số

- Học viên nói các số đếm: 1, 2, 3,...
- Giáo viên giới thiệu tên chữ số, kết hợp viết các chữ số trên bảng: 1, 2, 3,...
- Giáo viên giới thiệu cách cầm bút, cách viết các chữ số.

5. Tập tô và viết các chữ số

- Giáo viên nêu nhiệm vụ.
- Học viên tô và viết các nét chữ số, GV nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 2.

Bài 2. a b c \ / (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *a, b, c*; các tiếng, từ ngữ của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *a, b, c, ba ba, cá, cà.*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *a, b, c.*
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *a, b, c* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *a, b, c*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các con vật trong tranh, VD:
 - + Tranh vẽ hồ cá/ ao cá.
 - + Trong ao/ hồ có mấy con ba ba, đàn cá,... Trên bờ, bà đang tưới mấy cây cà (cà dứa/ hoặc cà tím).
- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*bà, cá*), chỉ rõ âm đầu, vần, thanh.
- Học viên quan sát các chữ *bà, cá* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a có dạy học lần lượt từng chữ *bà, cá*.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới có các âm *a, b, c* và dấu thanh. Âm mới của bài học hôm nay là: *a, b, c*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:
 - + Tiếng *bà* có âm đầu là *b*, vần có âm *a*; thanh *huyền*; đánh vần: *bờ – a – ba – huyền – bà*; đọc trơn: *bà*.
 - + Tiếng *cá* có âm đầu là *c*, vần có âm *a*, tiếng *cá* có dấu *sắc*; đánh vần: *cờ – a – ca – sắc – cá*; đọc trơn: *cá*.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).
- Quan sát chữ viết in thường *a, b, c* và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.
- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; các đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*ba ba, cá, cà*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *a, b, c; ba ba, cá, cà*
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ a, b, c và cách nối các nét chữ trong *ba ba, cá, cà*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét, chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Nói tiếng chứa a, tiếng chứa b.
- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát tranh vẽ và nói tên các vật.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên nói tên các vật và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng a, b, c (VD: ánh, ảnh,...; bố, bàn,...; cây, công,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 3.

Bài 3. o ô ơ ơ ~ (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các âm o, ô, ơ, các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: o, ô, ơ, cỏ, cá cờ, cỗ.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về trường học, quốc kì (cờ), cô giáo, học trò, một số hoạt động như múa võ,...
- Nói được tên một số sự vật có o, ô, ơ, có *thanh hỏi* hoặc *thanh ngã*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ o, ô, ơ phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ o, ô, ơ.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh (hoặc hoạt động khác mà HV liên tưởng tới khi quan sát tranh, VD: hoạt động chào cờ đầu tuần,...).
- Giáo viên giới thiệu tên các sự vật, hoạt động trong tranh (*cờ, cô, trò, múa võ*) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ có tiếng chứa âm hoặc thanh mới cần học của Bài 3.
- Học viên quan sát các chữ *cỏ, cờ, cỗ* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

- Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng chữ o, ô, ơ hoặc dạy đồng thời cả 3 chữ.
- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, âm c và thanh huyền đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: o, ô, ơ. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:
 - + Tiếng *cỏ* có âm đầu c, vần có âm o; tiếng *cỏ* có dấu *hỏi*; đánh vần: *cờ – o – co – hỏi – cỏ*; đọc trơn: *cỏ*.
 - + Tiếng *cờ* có âm đầu c, vần có âm ơ; tiếng *cờ* có dấu *huyền*; đánh vần: *cờ – ơ – cơ – huyền cờ*; đọc trơn: *cờ*.
 - + Tiếng *cỗ* có âm đầu c, vần có âm ô; tiếng *cỗ* có dấu *ngã*; đánh vần: *cờ – ô – cô – ngã – cỗ*; đọc trơn: *cỗ*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

- Quan sát chữ o, ô, ơ viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.
- Học viên làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.
- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (bó cỏ, cá cờ, cõ) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ o, ô, ơ; cách nối các nét chữ và dấu thanh trong cỏ, cá cờ, cõ.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét, chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát 3 tranh và đọc câu dưới mỗi tranh, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu (Cỏ có cá. / Bò có cỏ. / Cô Ba có bơ). GV có thể nói cho HV biết: trong các câu, chữ cái đầu câu và tên người được viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa o, ô, ơ, thanh hỏi, thanh ngã. (VD: cả, cõ, cõ, cõ,...)
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 4.

Bài 4. d đ • (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *d, đ*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *d, đ, dõ, dõ dõ*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về bên sông, cây đa, con đò, con dê, cây cọ, đá bóng,...
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *d, đ* hoặc có thanh *nặng*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *d, đ* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD HV viết chữ *d, đ*.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các loại cây, quả trong tranh.
- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*đa, đá, đò, dê, cọ,...*) và cho HV biết đó là các tiếng chứa âm hoặc thanh mới sẽ học ở Bài 4.
- Học viên quan sát các chữ *cọ, đa, đá* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

- Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng chữ *d, đ* hoặc dạy đồng thời cả 2 chữ.
- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm c, o, a đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: *d, đ*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

- + Tiếng *cọ* có âm đầu *c*, vần có âm *o*; tiếng *cọ* có dấu *nặng*; đánh vần: *cờ – o – co – nặng – cọ*; đọc trơn: *cọ*.
- + Tiếng *da* có âm đầu *d*, vần có âm *a*; đánh vần: *dờ – a – da*; đọc trơn: *da*.
- + Tiếng *đa* có âm đầu *đ*, vần có âm *a*; đánh vần: *đờ – a – đa*; đọc trơn: *đa*.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).
- Quan sát chữ *d*, *đ* viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.
- Học viên làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.
- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*cọ, dế, dế dũi*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *d, đ, dế, dế dũi*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *d, đ*, cách nối các nét chữ và dấu thanh trong *dế, dế dũi*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét, chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát 2 tranh và đọc câu dưới mỗi tranh, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu (*Bố dế dũi./ Cô Ba có bộ dế dũi*). GV có thể nói cho HV biết: trong các câu, chữ cái đầu câu và tên người được viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *d, đ* và / hoặc có thanh *nặng* (VD: *da, dạ, dố, dành, đê, đêm, đẽm,...*).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 5.

Bài 5. e ê i (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *e, ê, i*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *e, ê, i, bé, bẻ, đi*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về cảnh ngôi nhà, mẹ bế bé đi chơi.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa âm *e, ê, i*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *e, ê, i* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *e, ê, i*
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh (ngôi nhà, mẹ bế bé đi chơi,...).
- Giáo viên giới thiệu các tiếng *bế, bẻ, đi* trong bức tranh. Đó là các tiếng mới cần học của Bài 5.
- Học viên quan sát các chữ *bế, bẻ, đi* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

- Bài tập a có dạy học lần lượt từng chữ *e, ê, i* hoặc dạy đồng thời cả 3 chữ.
- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *b, đ* và

dấu sắc đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: *e, ê, i*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

- + Tiếng *bé* có âm đầu là *b*, vần có âm *e*, tiếng *bé* có dấu sắc; đánh vần: *bờ – e – be – sắc – bé*; đọc trơn: *bé*.

- + Tiếng *bế* có âm đầu là *b*, vần có âm *ê*, tiếng *bế* có dấu sắc; đánh vần: *bờ – ê – bê – sắc – bế*; đọc trơn: *bế*.

- + Tiếng *đi* có âm đầu là *đ*, vần có âm *i*; đánh vần: *đờ – i – đi*; đọc trơn: *đi*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

- Quan sát chữ *e, ê, i* viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): quan sát 3 tranh, nói sự vật hoặc hoạt động được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*bế bé, bờ đê, đi đò*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các sự vật hoặc hoạt động trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *e, ê, i*; cách nối các nét chữ trong *bé, bế, đi*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát 3 tranh và đọc câu dưới mỗi tranh, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu (*Bố có*

bể cá./Bà có bí đỏ./ Bé có bi.). GV có thể nói cho HV biết: Trong các câu, chữ cái đầu câu được viết hoa.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *e, ê, i*. (VD: *bể, đề, bí,...*)
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 6.

Bài 6. h g gh (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *h, g, gh*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *h, g, gh; hổ, gà, ghe*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về bờ hồ với một số sự vật (*bờ hồ, ghé gổ,...*)
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *h, g, gh*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *h, g, gh* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *h, g, gh*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật trong tranh.
- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*hè, gổ, ghé*) và cho HV biết đó là các tiếng mới được học ở Bài 6.
- Học viên quan sát các chữ *hè, gổ, ghé* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a có dạy học lần lượt từng chữ *h*, *g*, *gh* hoặc dạy đồng thời cả 3 chữ.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *e*, *ô*, *ê* và dấu *huyền*, dấu *ngã*, dấu *sắc* đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: *h*, *g*, *gh*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *hè* có âm đầu là *h*, vần có âm *e*, tiếng *hè* có dấu *huyền*; đánh vần: *hờ – e – he – huyền – hè*; đọc trơn: *hè*.

+ Tiếng *gỗ* có âm đầu là *g* (GV giải thích *g* và *gh* đọc giống nhau, viết khác nhau), vần có âm *ô*, tiếng *gỗ* có dấu *ngã*; đánh vần: *gờ – ô – gô – ngã – gỗ*; đọc trơn: *gỗ*.

+ Tiếng *ghế* có âm đầu là *gh*, vần có âm *ê* tiếng *ghế* có dấu *sắc*; đánh vần: *gờ – ê – ghê – sắc – ghế*; đọc trơn: *ghế*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

- Quan sát chữ *h*, *g*, *gh* viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*hổ*, *gà*, *ghẹ*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các con vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *h*, *g*, *gh*; *hổ*, *gà*, *ghẹ*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *h*, *g*, *gh* cách nối các nét chữ trong *hổ*, *gà*, *ghẹ*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát tranh và đọc câu dưới tranh, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu (*Bố bé bé đi bộ ở bờ hồ./ Bờ hồ có ghế gỗ.*). GV có thể nói cho HV biết: trong các câu, chữ cái đầu câu được viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *h, g, gh* (VD: hè, gà, ghi,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 7.

Bài 7. ÔN TẬP (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *a, b, c, o, ô, ơ, d, đ, e, ê, i, h, g, gh*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ghế gỗ, đi ghe, hồ cá.*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh hoặc bài đọc.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng *a, b, c, o, ô, ơ, d, đ, e, ê, i, h, g, gh.*
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 1.
- Mẫu chữ *ghế gỗ, đi ghe, hồ cá* phóng to /mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết các chữ *ghế gỗ, đi ghe, hồ cá.*
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2 (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV dựa vào tên bài để nêu nội dung bài học.
- Học viên nói một số từ ngữ chứa tiếng có âm cần ôn.
- Giáo viên giới thiệu bài: Ôn tập về *a, b, c, o, ô, ơ, d, đ, e, ê, i, h, g, gh*.

2. Đọc từ ngữ (bài tập 1)

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 6 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*ghế gỗ, bể cá, đồ da, da bò, ga, đi ghe*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 6 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 6 tranh.

3. Đọc câu (bài tập 2)

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp):
 - + Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các câu: (*Bà bế bé./ Bó có ghế gỗ./ Bó có bể cá*) rồi góp ý cho nhau.
 - + Ghép mỗi câu với tranh tương ứng.
- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

TIẾT 2

4. Viết (bài tập 3)

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ, cách nối các nét chữ trong *ghế gỗ, đi ghe, hồ cá*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

5. Đọc bài

- Học viên làm việc cá nhân: đọc câu trong bài, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu:
Bé có cá cò.
Bà bế bé Hà.
- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Trong các câu, tên người được viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa *a, b, c, o, ô, ơ, d, đ, e, ê, i, h, g, gh* (VD: ga, bờ, ho,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 8.

Bài 8. k kh l (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *k, kh, l*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *kệ gỗ, kho cá, lá hẹ*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về cây khế sai quả, mọi người đang hái quả khế.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *k, kh, l*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *kệ gỗ, kho cá, lá hẹ* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *kệ gỗ, kho cá, lá hẹ*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các loại cây, quả trong tranh.
- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*kê, khế, lê*) và cho HV biết đó là các tiếng mới được học ở Bài 8.
- Học viên quan sát các chữ *kê, khế, lê* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a có dạy học lần lượt từng chữ *k, kh, l* hoặc dạy đồng thời cả 3 chữ.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới có âm e và dấu sắc đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: *k, kh, l*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

- + Tiếng *kê* có âm đầu là *k*, vần có âm ô; đánh vần: *k – ê – kê*; đọc trơn: *kê*.
- + Tiếng *khế* có âm đầu là *kh*, vần có âm ê, tiếng *khế* có dấu sắc; đánh vần: *kh – ê – khê – sắc – khế*; đọc trơn: *khế*.
- + Tiếng *lê* có âm đầu là *l*, vần có âm ê; đánh vần: *l – ê – lê*; đọc trơn: *lê*.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).
- Quan sát chữ *k, kh, l* viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.
- Học viên làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.
- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*kệ gỗ, kho cá, lá hẹ*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *k, kh, l, kệ gỗ, kho cá, lá hẹ*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *k, kh, l* cách nối các nét chữ trong *kệ gỗ, kho cá, lá hẹ*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát 3 tranh và đọc câu dưới mỗi tranh, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu (*Bố có hồ cá./Bà có lá hẹ./Hà có bể cá.*). GV có thể nói cho HV biết: trong các câu, tên người được viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *k, kh, l* (VD: *kẻ, khe, lá,...*).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 9.

Bài 9. m n nh (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các âm: *m, n, nh*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *m, n, nh, me, na, nho.*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về vườn cây, trong đó có cây na, quả na, giàn nho, cây me, quả me.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *m, n, nh*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *m, n, nh* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *m, n, nh*.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các loại cây, quả trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu tên các loại quả (*me, na, nho*) trong bức tranh. Đó là các tiếng mới cần học của Bài 9.

- Học viên quan sát các chữ: *me*, *na*, *nho* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a có dạy học lần lượt từng chữ *m*, *n*, *nh* hoặc dạy đồng thời cả 3 chữ.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *e*, *a*, *o* đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: *m*, *n*, *nh*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *me* có âm đầu là *m*, vần có âm *e*; đánh vần: *mờ – e – me*; đọc trơn: *me*.

+ Tiếng *na* có âm đầu là *n*, vần có âm *a*; đánh vần: *nờ – a – na*; đọc trơn: *na*.

+ Tiếng *nho* có âm đầu là *nh*, vần có âm *o*; đánh vần: *nhờ – o – nho*; đọc trơn: *nho*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

- Quan sát chữ *m*, *n*, *nh* viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*lá me*, *ca nô*, *nhà gỗ*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *m*, *n*, *nh*; cách nối các nét chữ trong *me*, *na*, *nho*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát 2 tranh và đọc câu dưới mỗi tranh, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu (*Hồ cá nhà Hà có cá mè./ Cả nhà Hà đi ca nô.*). GV có thể nói cho HV biết: trong các câu, tên người được viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *m, n, nh*. (VD: mơ, nắm, nhà...)
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 10.

Bài 10. ng ngh gi (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *ng, ngh, gi*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ng, ngh, gi; ngô, ghé, gió.*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về con dê làng lộng gió, bò, bê, trâu, ghé đang gặm cỏ,... bãi ngô / cây ngô...
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *ng, ngh, gi*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *ng, ngh, gi* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *ng, ngh, gi*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật trong tranh.
- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*ngô, ghé, gió*) và cho HV biết đó là các tiếng mới được học ở Bài 10.

- Học viên quan sát các chữ *ngô, nghe, gió* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a có dạy học lần lượt từng chữ *ng, ngh, gi* hoặc dạy đồng thời cả 3 chữ.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm ô, e, o và dấu sắc đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: *ng, ngh, gi*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *ngô* có âm đầu là *ng*, vần có âm ô; đánh vần: *ngờ – ô – ngô*; đọc trơn: *ngô*.

+ Tiếng *nghe* có âm đầu là *ng* (GV giải thích *ng* và *ng*h đọc giống nhau, viết khác nhau), vần có âm e, tiếng *nghe* có dấu sắc; đánh vần: *ngờ – e – nghe – sắc*; đọc trơn: *nghe*.

+ Tiếng *gió* có âm đầu là *gi*, vần có âm o, tiếng *gió* có dấu sắc; đánh vần: *gi – o – gió – sắc – gió*; đọc trơn: *gió*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

- Quan sát chữ *ng, ngh, gi* viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*bí ngô, củ nghệ, giò cá*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *ng, ngh, gi; ngô, nghệ, giỏ*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *ng, ngh, gi* cách nối các nét chữ trong *ngô, nghệ, giỏ*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét, chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát 2 tranh và đọc câu dưới mỗi tranh, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu (*Cô Nghị già giò./ Nga bị ngã.*). GV có thể nói cho HV biết: chữ cái đầu câu và tên người được viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *ng, ngh, gi* (VD: *ngõ, nghe, giày, ...*).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 11.

Bài 11. u ư (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *u, ư*, các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *u, ư, đu đủ, cá ngừ*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh có rừng cây, chim cú, hồ...
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa *u, ư*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *u, ư* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *u, ư*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu tên các sự vật (hổ dữ, chim cú...) trong bức tranh. Đó là các tiếng chứa âm mới cần học trong Bài 11.
- Học viên quan sát các chữ *cú*, *dữ* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng chữ *u* / *ư* hoặc dạy đồng thời cả 2 chữ.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *l*, *n* đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: *u*, *ư*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV, Ví dụ:

+ Tiếng *cú* có âm đầu là *c*, vần có âm *u*; tiếng *cú* có dấu *sắc*; đánh vần: *cờ - u* *cu – sắc – cú*; đọc trơn: *cú*.

+ Tiếng *dữ* có âm đầu là *d*, vần có âm *ư*; tiếng *dữ* có dấu *ngã*; đánh vần: *dờ – ư – dư – ngã – dữ*; đọc trơn: *dữ*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).
- Quan sát chữ *u*, *ư* viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 6 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*cá ngừ*, *mũ đỏ*, *đu đủ*, *ngủ*, *củ từ*, *nữ*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 6 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 6 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *u, ư*; cách nối các nét chữ, cách viết dấu thanh (nếu có) trong *đu đủ, cá ngừ*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát tranh và đọc câu dưới tranh, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu (*Bé Nam có mũ đỏ. Bé ngủ mà cứ giữ mũ khư khư.*). GV có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu câu và tên người được viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa âm *u* hoặc *ư*. (VD: *sư tử, chữ, đứng, nụ, thu, chun,...*)
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 12.

Bài 12. q - qu y (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *q - qu, y*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *q, qu, cá quả, đá quý.*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về làng quê với một số sự vật (*quạ, quả,...*)
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *q - qu* hoặc có âm *y*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *q, qu, y* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *q, qu, y*.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật trong tranh.
- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*quê, quả, quạ, ý muốn...*) và cho HV biết đó là các tiếng mới được học ở Bài 12.
- Học viên quan sát các chữ *quê, ý, quý* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng chữ *q - qu, y* hoặc dạy đồng thời cả 2 chữ.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, âm, và dấu sắc đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: *q-qu, y*. GV giải thích: âm *qu* được viết bằng hai chữ cái / con chữ *q (quy)* và *u*. Chữ *y* (được đọc là *ì*).

- Học viên đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *quê* có âm đầu *qu (quờ)*, vần có âm *ê*; đánh vần: *quờ - ê - quê*; đọc trơn: *quê*.

+ Tiếng *ý* không có âm đầu, vần có âm *y*; tiếng *ý* có dấu sắc; đánh vần: *y – sắc* - *ý*; đọc trơn: *ý*.

+ Tiếng *quý* có âm đầu *qu*, vần có âm *y*; tiếng *quý* có dấu sắc; đánh vần: *quờ - y – quy – sắc - quý*; đọc trơn: *quý*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

- Quan sát chữ *q, qu, y* viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 6 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*cá quả, quế, đá quý, quạ, dĩa quỳ, quả ở quê*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 6 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 6 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *q, qu, cá quả, đá quý*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *q, qu* cách nối các nét chữ trong *quả, quý*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát 2 tranh và đọc câu dưới mỗi tranh, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu (*Nhà bà Quý ở quê. Nhà bà có hồ cá. Hồ có cá quả, cá mè,.../ Ngõ nhà cô Quế nhỏ, khó đi.*). GV có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu câu và tên người được viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa *q, qu, y* (VD: *que, quên, quỳ, y tá, ý kiến,...*).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 13.

Bài 13. p - ph v (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *p - ph, v*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *p, ph, v, phố cổ, về quê*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về phố với một số sự vật (phố, xe cộ, cây phượng, ve sầu,...)
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *p - ph, v*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *p, ph, v* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *p, ph, v*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật trong tranh.
- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*phố, ve...*) và cho HV biết đó là các tiếng mới được học ở Bài 13.
- Học viên quan sát các chữ *phố, ve* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng chữ *p - ph, v* hoặc dạy đồng thời cả 2 chữ.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, âm, và dấu sắc đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: *p - ph, v*.
- Học viên đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:
 - + Tiếng *phố* có âm đầu *ph* (*phờ*), vần có âm *ô*; tiếng *phố* có dấu sắc; đánh vần: *phờ – ô – phờ – sắc – phố*; đọc trơn: *phố*.
 - + Tiếng *ve* có âm đầu *v*, vần có âm *e*; đánh vần: *vờ – e – ve*; đọc trơn: *ve*.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).
- Quan sát chữ *ph, v* viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.
- Học viên làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.
- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*phố cổ, đi phà, về quê*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các sự vật, hoạt động trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *p, ph, v, phố cổ, về quê*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *p, ph, v* cách nối các nét chữ trong *phố cổ, về quê*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát tranh và đọc các câu, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn các câu. Có thể ngắt, nghỉ hơi như dưới đây để HV dễ theo dõi.

Vũ và Nhi/ về nhà A Phú nghỉ lễ.// Nhà A Phú / có cà phê.// Nụ cà phê / đã hé nở.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: trong các câu, tên người (Vũ, Nhi, A Phú), được viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *ph*, *v*. (VD: phở, phố, về, vì,...).

- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 14.

Bài 14. ÔN TẬP (2 tiết)

k kh l m n nh ng ngh gi u ư q - qu y p - ph v

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các tiếng có *k, kh, l, m, n, nh, ng, ngh, gi, u, ư, q - qu, y, p - ph, v*, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *kẻ vờ, nhỏ cỏ, bẻ ngô*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh hoặc bài đọc.

- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa *k, kh, l, m, n, nh, ng, ngh, gi, u, ư, q - qu, y, p - ph, v*.

- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện các từ ngữ ở bài tập 1.

- Mẫu chữ *kẻ vờ, nhỏ cỏ, bẻ ngô* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *kẻ vờ, nhỏ cỏ, bẻ ngô*.

- Tranh minh họa và thẻ từ của bài tập 2, 4 (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV dựa vào tên bài để nêu nội dung bài học.

- Học viên nói một số từ ngữ chứa tiếng có âm cần ôn.

- Giáo viên giới thiệu bài: Ôn tập về *k, kh, l, m, n, nh, ng, ngh, gi, u, ư, q - qu, y, p - ph, v*.

2. Đọc từ ngữ (bài tập 1)

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 6 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*quả khế, lá me, lá ngô, quả đu đủ, quả nho, nụ cà phê*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 6 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 6 tranh.

3. Đọc câu (bài tập 2)

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp):
 - + Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các câu (*Mẹ và bé đi phà về quê; Ở quê, gió thổi vi vu, bà ru bé ngủ; Bà kho cá cho bé.*) rồi góp ý cho nhau.
 - + Ghép mỗi câu với tranh tương ứng.
- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

TIẾT 2

4. Viết (bài tập 3)

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ, cách nối các nét chữ trong *kẻ vở, nhỏ cỏ, bẻ ngô*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

5. Đọc bài

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát tranh và đọc các câu, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn các câu. Có thể ngắt, nghỉ hơi như dưới đây để HV dễ theo dõi.

Kì nghỉ hè đã qua.// Nhi nhớ ngõ quê, /nhớ bà. //Nhi nhớ hè nhà, /nhớ hồ cá mè /và bờ tre ngà có gió vi vu. //Nhi nhớ cả vị cá kho khế nhà bà.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Trong các câu, tên người (Nhi) được viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa *k, kh, l, m, n, nh, ng, ngh, gi, u, ư, q - qu, y, p - ph, v*.
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 15.

Bài 15. r s (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *r, s*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *r, s, rổ cá, su su*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh trong đó có người đang ngồi đan rổ, có giàn su su sai quả.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *r, s*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *r, s* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *r, s*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu tên vật và quả (*rổ, su su*) trong bức tranh và cho HV biết đó là các tiếng mới cần học của Bài 15.
- Học viên quan sát các chữ *rổ, su* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

- Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng âm *r, s* hoặc dạy đồng thời cả 2 âm.
- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *ô, u* đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: *r, s*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *rỏ* có âm đầu là *r*, vần có âm *ô*; tiếng *rỏ* có dấu sắc; đánh vần: *r – ô – rỏ – hỏi – rỏ* đọc trơn: *rỏ*.

+ Tiếng *su* có âm đầu là *s*, vần có âm *u*; đánh vần: *sờ – u – su*; đọc trơn: *su*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

- Quan sát chữ *r*, *s* viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*sư tử*, *ru bé*, *rỏ cá*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *r*, *s*; cách nối các nét chữ trong *rỏ cá*, *su su*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát 2 tranh và đọc câu dưới mỗi tranh, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu (*Mẹ ru bé ngủ./ Su su ra quả.*).

- Học viên làm việc nhóm: Từng HV đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *r, s*. (VD: ra, sa,...)
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 16.

Bài 16. t th (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *t, th*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *t, th*; *tổ cò, sở thú*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về em bé được bố mẹ cho đi thăm vườn thú, có voi, ngựa vằn và một người đang vẽ con sư tử.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *t, th*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *t, th* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *t, th*.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*tổ, thú*) và cho HV biết đó là các tiếng mới được học ở Bài 16.
- Học viên quan sát các chữ *tổ, thú* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng âm *t*, *th* hoặc dạy đồng thời cả 2 âm.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *ô*, *u* và dấu *sắc*, dấu *hỏi* đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: *t*, *th*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *tổ* có âm đầu là *t*, vần có âm *ô*, tiếng *tổ* có dấu *hỏi*; đánh vần: *tờ – ô – tô – hỏi – tổ*; đọc trơn: *tổ*.

+ Tiếng *thú* có âm đầu là *th*, vần có âm *u*, tiếng *thú* có dấu *sắc*; đánh vần: *thờ – u – thu – sắc – thú*; đọc trơn: *thú*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

- Quan sát chữ *t*, *th* viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*sở thú*, *tổ cò*, *tô phở*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *t*, *th*, *tổ cò*, *sở thú*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *t*, *th* cách nối các nét chữ trong *tổ cò*, *sở thú*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát 2 tranh và đọc câu dưới mỗi tranh, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu (*Mẹ bế tở phở cho bé Hà./ Bố Hà là thợ nề.*). GV có thể nói cho HV biết: Trong các câu, tên người được viết hoa.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *t, th* (VD: tở, thợ,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 17.

Bài 17. ch tr x (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *ch, tr, x*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ch, tr, x, chợ, tre, xe.*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung bức tranh chợ quê, có bụi tre, nhiều hàng hoá, xe cộ.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *ch, tr, x.*
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *ch, tr, x* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *ch, tr, x.*
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các loại cây, quả trong tranh.

- Giáo viên giới thiệu các từ: *chợ, tre, xe* và hình ảnh thể hiện trong tranh. Đó là các tiếng mới được học ở Bài 17.

- Học viên quan sát các chữ *chợ, tre, xe* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a có dạy học lần lượt từng chữ *ch, tr, x* hoặc dạy đồng thời cả 3 chữ.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *ơ, e* đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: *ch, tr, x*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *chợ* có âm đầu là *ch*, vần có âm *ơ*, dấu *nặng*; đánh vần: *chờ – ơ – chợ* – *nặng* – *chợ*; đọc trơn: *chợ*.

+ Tiếng *tre* có âm đầu là *tr*, vần có âm *e*; đánh vần: *trờ – e – tre*; đọc trơn: *tre* (Giải thích cách đọc *ch* khác *tr*).

+ Tiếng *xe* có âm đầu là *x*, vần có âm *e*; đánh vần: *xờ – e – xe*; đọc trơn: *xe*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

- Quan sát chữ *ch, tr, x* viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*che ô, ghé tre, đi xe ga*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ: *ch, tr, x*; cách nối các nét chữ trong *chợ, tre, xe*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát tranh và đọc các câu, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn các câu. Có thể ngắt, nghỉ hơi như dưới đây để HV dễ theo dõi.

Về quê

Nghỉ lễ, / chị Nga đi xe ô tô về quê. // Quê chị / ở Phú Thọ. Quê chị / có chè, / có cộ.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Trong các câu, tên người (Nga), tên địa phương (Phú Thọ) được viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *ch, tr, x*. (VD: chanh, trâu, xoài,...)
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 18.

Bài 18. ia ua ư (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng *ia, ua, ư*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học. (Để dễ cho HV, có thể gọi *ia, ua, ư* là các vần, không gọi là *chữ ghi âm* đôi khi đứng cuối vần).
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ia, ua, ư*; *mía, lúa, dưa*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về ngôi nhà có vườn cây trong mưa: bên trái nhà có bụi mía; dây dưa bầu quả to nhỏ; trước nhà là ruộng lúa...

- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa *ia, ua, ưạ*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên sự vật trong tranh.
- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*mía, lúa, dưa*) và cho HV biết đó là các tiếng mới cần học của Bài 18.
- Học viên quan sát các chữ *mía, lúa, dưa* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a, GV có thể dạy học xong *ia*, rồi đến *ua* và cuối cùng là *ưạ*.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần và đọc trơn (*i – a – ia → ia; u – a – ua → ua; ưạ- a – ưạ → ưạ*); GV giải thích trong các tiếng mới (*mía, lúa, dưa*), các âm đầu đã học (*m, l, d*). Bộ phận vần trong các tiếng là các vần mới được học: *ia, ua, ưạ*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *mía* có âm đầu là *m*, vần *ia*, dấu sắc; đánh vần: *mờ – ia – mia – sắc – mía*; đọc trơn: *mía*.

+ Tiếng *lúa* có âm đầu là *l*, vần *ua*, dấu sắc; đánh vần: *lờ – ua – lua – sắc – lúa*; đọc trơn: *lúa*.

+ Tiếng *dưa* có âm đầu là *d*, vần *ưạ*; đánh vần: *dờ – ưạ – dưa*; đọc trơn: *dưa*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần/ đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*cá lia thia, cua đá, ngựa ô*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *ia, ua, ưạ; mía, lúa, dừa*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ nói các nét chữ: *ia, ua, ưạ; mía, lúa, dừa*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:

+ Quan sát tranh, nói nội dung tranh (các sự vật, cảnh vật được vẽ trong tranh).

+ Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Mưa mùa hè

Mưa ù ù. Gió vù vù. Lá dừa, lá mía khua như múa võ. Lũ cá, cua ở hồ hả hê vì mưa to.

Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa *ia, ua, ưạ* (VD: bìa, lựa, nhựa,...).

- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 19.

Bài 19. CHỮ HOA (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các chữ in hoa trong bảng chữ cái; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Luyện viết một số chữ cái hoặc từ ngữ (có thể viết tên riêng bằng chữ kiểu in hoa).

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh nói những điều mình biết về sự vật, hoạt động có trong tranh.

- Nói được tên (tên âm) các chữ cái in hoa; chỉ các chữ cái (in thường, in hoa), đọc các chữ (đọc theo tên âm, VD: đọc *b*, *B* là *bờ*).

- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 1.

- Bảng chữ cái in thường, in hoa như bài tập 2.

- Tranh minh họa và thẻ từ của bài tập 3 (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. So sánh (bài tập 1)

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.

- Giáo viên mời HV đọc các tiếng *bờ*, *đế*, *gà*; phân tích cấu tạo các tiếng.

- Học viên tìm, đọc các chữ, VD: *b*, *B*, *d*, *D*, *g*, *G* (*bờ*, *dờ*, *gờ*) và cho biết chữ nào là chữ in thường, chữ nào là chữ in hoa (nói theo cặp *b* – *B*, *d* – *D*, *g* – *G*).

2. Đọc bảng chữ cái (bài tập 2)

- Giáo viên giới thiệu bảng chữ cái, tổ chức cho HV đọc các chữ cái cá nhân / đọc trong nhóm;

- Học viên đọc nối tiếp các chữ cái trước lớp theo trật tự trong bảng chữ cái.

- Giáo viên chỉ các chữ ngẫu nhiên để HV đọc. VD, GV: chỉ chữ *D* – *b* – *Ư* – *X*,...

- Học viên đọc: *dờ* – *bờ* – *ư* – *xờ*,... Chú ý cho HV luyện đọc chữ cái in hoa.

- Giáo viên có thể yêu cầu HV đọc vài từ ngữ bắt đầu bằng chữ cái hoa. GV hướng dẫn HV hiểu nghĩa của từ ngữ (nếu cần).

TIẾT 2

3. Đọc các tên riêng (bài tập 3)

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói về khung cảnh trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*Sa Vĩ, Hồ Kẻ Gỗ, Bà Nà*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các địa điểm trong 3 tranh.

4. Đọc đoạn văn (bài tập 4)

- Học viên làm việc cá nhân: Đọc đoạn văn, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả bài (*Nhà Lê ở Sa Pa, bà của Lê ở Ô Quý Hồ. Bố mẹ đưa Lê và bé Thơ từ Sa Pa về nhà bà. Vừa đi, bé Thơ vừa bi bô: Về nhà bà! Về nhà bà!*). GV có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu câu và các tên riêng được viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV đọc thêm hoặc luyện viết một số từ ngữ; có thể viết tên riêng (chữ cái đầu tên riêng viết kiểu chữ in hoa).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 20.

Bài 20. ÔN TẬP (2 tiết)

r s t th ch tr x ia ua ưa

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các tiếng có *r, s, t, th, ch, tr, x, ia, ua, ưa*, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *cà chua, ngựa tía*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh hoặc bài đọc.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *r, s, t, th, ch, tr, x, ia, ua, ưa*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện các từ ngữ ở bài tập 1.
- Mẫu chữ *cà chua*, *ngựa tía* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD, HV viết chữ *cà chua*, *ngựa tía*.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài tập 2, 4 (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV dựa vào tên bài để nêu nội dung bài học.
- Học viên nói một số từ ngữ chứa tiếng có âm cần ôn.
- Giáo viên giới thiệu bài: Ôn tập về *r, s, t, th, ch, tr, x, ia, ua, ưa*.

2. Đọc từ ngữ (bài tập 1)

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 9 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*ngựa tía, so đũa, tre ngà, rổ rá, chó xù, cá lia thia, bò sữa, cà chua, thìa nĩa*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 9 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 9 tranh.

3. Ghép câu với hình thích hợp (bài tập 2)

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp):
 - + Quan sát 3 tranh, nói về sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh; đọc các câu (*Gió lùa kẽ lá - Lá khẽ đu đưa. / Gió qua cửa sổ - Bé vừa ngủ trưa. / Cô Trà tỉa lá cà chua.*) rồi góp ý cho nhau.
 - + Ghép mỗi câu với tranh tương ứng.
- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

TIẾT 2

4. Viết (bài tập 3)

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ, cách nối các nét chữ trong *cà chua*, *ngựa tía*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

5. Đọc bài (bài tập 4)

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát 3 tranh và đọc câu dưới mỗi tranh; có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả bài:

Trưa thứ Tư, cô Trà đưa bé Chi về quê. Bà đã mua dưa, mua mía chờ cô Trà và bé Chi. Khi cô Trà và bé Chi trở về phố, bà cho bé Chi dưa và mía. Quà quê của bà chỉ có thế mà thú vị ghê.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu câu và tên người được viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa *r, s, t, th, ch, tr, x, ia, ua, ư*.
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 21.

Bài 21. ai ay â-ây (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng *ai, ay, â-ây*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ai, ay, ây; hái, bay, cấy.*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về khung cảnh trên cánh đồng: các bác nông dân đang cấy lúa.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa *ai, ay, ây*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên sự vật, hoạt động trong tranh.

- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*hái, bay, cấy*) và cho HV biết đó là các tiếng mới cần học của Bài 21.

- Học viên quan sát các chữ *hái, bay, cấy* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a, GV có thể dạy học xong *ai*, rồi đến *ay* và cuối cùng là *ây*.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần và đọc trơn ($a - i - ai \rightarrow ai$; $a - y - ay \rightarrow ay$; $â - y - ây \rightarrow ây$); GV giải thích trong các tiếng mới (*hái, bay, cấy*), các âm đầu đã học (*h, b, c*). Bộ phận vần trong các tiếng là các vần mới được học: *ai, ay, ây*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *hái* có âm đầu là *h*, vần *ai*, dấu sắc; đánh vần: *hờ - ai - hai - sắc - hái*; đọc trơn: *hái*.

+ Tiếng *bay* có âm đầu là *b*, vần *ay*; đánh vần: *bờ - ay - bay*; đọc trơn: *bay*.

+ Tiếng *cấy* có âm đầu là *c*, vần *ây*, dấu sắc; đánh vần: *cờ - ây - cây - sắc - cấy*; đọc trơn: *cấy*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần/ đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*cây mai, cấy lúa, gà gáy*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *ai, ay, ây; hái, bay, cầy.*
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ nói các nét chữ: *ai, ay, ây; hái, bay, cầy.*
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Rùa nhỏ

Rùa nhỏ say sưa nghe mẹ kể về cái mai của họ nhà rùa. Chú lấy vở ra, mê mải tô tô, vẽ vẽ. Vừa vẽ, chú vừa khe khẽ ca: “Tớ là rùa nhỏ. Tớ có cái mai be bé. Đó là nhà của tớ đấy nhé!”.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa: *ai, ay, ây* (VD: nai, nhảy, mây,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 22.

Bài 22. oi ôi ơi (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng *oi, ôi, ơi*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *oi, ôi, ơi; nói, ngồi, chơi.*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về cảnh các bác nông dân đang ngồi, nghỉ ngơi, nói chuyện.

- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa: *oi, ôi, ơ*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*nói, ngồi, chơi*) và cho HV biết đó là các tiếng mới cần học của Bài 22.
- Học viên quan sát các chữ *nói, ngồi, chơi* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a, GV có thể dạy học xong *oi*, rồi đến *ôi* và cuối cùng là *ơ*.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần và đọc trơn ($o - i - oi \rightarrow oi$; $ô - i - ôi \rightarrow ôi$; $ơ - i - ơi \rightarrow ơi$); GV giải thích trong các tiếng mới (*nói, ngồi, chơi*), các âm đầu đã học (*n, ng, ch*). Bộ phận vần trong các tiếng là các vần mới được học: *oi, ôi, ơi*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *nói* có âm đầu là *n*, vần *oi*, dấu *huyền*; đánh vần: *nờ - oi - noi - sắc - nói*; đọc trơn: *nói*.

+ Tiếng *ngồi* có âm đầu là *ng*, vần *ôi*, dấu *huyền*; đánh vần: *ngờ - ôi - ngô - huyền - ngồi*; đọc trơn: *ngồi*.

+ Tiếng *chơi* có âm đầu là *ch*, vần *ơi*; đánh vần: *chờ - ơ - chơi*; đọc trơn: *chơi*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần/ đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*voi, ngôi nhà, dơi*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *oi, ôi, ơ; nói, ngồi, chơi*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ nói các nét chữ: *oi, ôi, ơ; nói, ngồi, chơi*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Bé và mùa thu

Mùa thu vừa tới, lá rơi đầy ngõ. Từ ô cửa nhỏ, bé gái hỏi:

- Lá ơi, ở đó có gì?
 - Ồ, ở đây có gió, có mây trời và chồi cây!
 - Có cả chồi cây ư?
- Lá nhỏ bay qua ô cửa, khẽ nói:
- Ra đây đi, bé sẽ thấy vô số thứ thú vị đấy!

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa *oi, ôi, ời* (VD: gọi, mới, bơi,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 23.

Bài 23. *ui ưi* (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *ui, ưi*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ui, ưi, gửi thư, bụi tre*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về hình ảnh dãy núi, người phụ nữ đang ngửi mùi thơm của hoa.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *ui, ưi*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *ui, ưi* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *ui, ưi*.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói về người, vật, hoạt động... trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các hoạt động, sự vật (*ngửi hoa, dãy núi*) trong bức tranh và cho HV biết đó là các tiếng mới cần học của Bài 23.
- Học viên quan sát các chữ *núi, ngửi* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình và cho HV biết đó là các tiếng mới cần học của Bài 23.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng vần *ui/ ưi* hoặc dạy đồng thời cả 2 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, âm *n*, *ng* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *ui*, *ưi*. Vần *ui* gồm âm *u* và âm *i*; vần *ưi* gồm âm *ư* và âm *i*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *núi* có âm đầu *n*, vần *ui*, tiếng *núi* có dấu sắc; đánh vần: *nờ - ui - núi - sắc - núi*; đọc trơn: *núi*.

+ Tiếng *ngủi* có âm đầu *ng*, vần *ưi*; tiếng *ngủi* có dấu hỏi; đánh vần: *ngờ - ưi - ngủi - hỏi - ngủi*; đọc trơn: *ngủi*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*vui vẻ, túi vải, gửi thư*) rồi gộp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *ui*, *ưi*; cách nối các nét chữ trong *gửi thư, bụi tre*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, sự việc, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Thư của bố

Bố Hà ở xa. Bố gửi thư về. Bố kể: bố nhớ cả nhà. Có thư của bố, cả nhà vui quá!

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *ui*, *ui*. (VD: múi, cúi, củi,...)
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 24.

Bài 24. uôi ươi (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *uôi*, *ươi*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *uôi*, *ươi*, *nải chuối*, *tươi cây*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về nuôi cá, trong đó người nuôi cá đang cho cá ăn.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *uôi*, *ươi*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *uôi*, *ươi* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *uôi*, *ươi*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các hoạt động, sự vật (*nuôi cá, tưới cây*) trong bức tranh và cho HV biết đó là các tiếng mới được học ở Bài 24.
- Học viên quan sát các chữ *nuôi, tưới* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng vần *uôi, ươi* hoặc dạy đồng thời cả 2 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *n, c* và dấu *huyền* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *uôi, ươi*. Vần *uôi* gồm âm *u*, âm *ô* và âm *i*; vần *ươi* gồm âm *ư*, âm *ơ* và âm *i*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

- + Tiếng *nuôi* có âm đầu *n* và vần *uôi*; đánh vần: *nờ – uôi – nuôi*; đọc trơn: *nuôi*.
- + Tiếng *tưới* có âm đầu *t*, và vần *ươi*; tiếng *tưới* có dấu *huyền*; đánh vần: *cờ – ươi – tưới – huyền – tưới*; đọc trơn: *tưới*.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.
- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.
- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*núi chuối, tưới cây, máy tưới*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *uôi, ươi, nải chuối, tưới cây*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *uôi, ươi* cách nối các nét chữ trong *nải chuối, tưới cây*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, sự việc, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Bà đi chợ về

Bà đi chợ về, bà mua chuối, mua ổi. Bà mua cả cá và cà chua. Bà cười vui khi thấy Nga lấy đĩa cho bà để chuối và ổi, lấy rổ cho bà để cá, cà chua.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *uôi, ươi* (VD: đuôi, lười, ...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 25.

Bài 25. ÔN TẬP (2 tiết)

ai ay ây oi ôi ơi ui ưi uôi ươi

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *ai, ay, ây, oi, ôi, ơi, ui, ưi uôi, ươi* và các từ ngữ có tiếng chứa vần đã được học. Đọc lưu loát các câu, bài đọc ngắn đã học; hiểu nghĩa của

từ ngữ, nội dung của câu trong bài học và trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu (theo hướng dẫn của GV).

2. Viết

Viết đúng các vần, các tiếng chứa vần đã học (*nải chuối, múi bưởi, cây ổi*). Viết được từ ngữ hoặc một câu ngắn theo hướng dẫn.

3. Nói và nghe

Nói và nghe về bài học rút ra từ lại câu chuyện *Rùa và thỏ* được đọc.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu học tập có tranh minh hoạ hoặc bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 1, 2.
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu từ, câu.
- Mẫu chữ phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp /phần mềm HD; HV viết chữ.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Đọc

- *Cá nhân*:

- + Quan sát các tranh trong sách, nói tên các sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh.
- + Đọc các từ ngữ dưới tranh.

- *Nhóm / cả lớp*:

- + Ghép mỗi từ ngữ với tranh thích hợp (nếu chuẩn bị được thẻ tranh và thẻ chữ).
- + Đối chiếu và thống nhất kết quả với các nhóm hoặc nghe các bạn nhận xét.

2. Ghép câu với hình thích hợp

- *Cá nhân / cặp*:

- + Quan sát 3 hình vẽ/ tranh vẽ, nói nội dung từng tranh (trả lời câu hỏi: Tranh vẽ gì?).

+ Đọc 3 câu. Dựa vào nội dung hình vẽ, ghép câu phù hợp với hình.

+ Thống nhất cách ghép câu với hình với các bạn.

- *Lớp*: Học viên chữa bài chung cả lớp theo hướng dẫn của GV:

+ Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài trước lớp (nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong sách phóng to). HV ghép câu với hình.

+ Giáo viên và HV khác nhận xét.

+ Giáo viên nhắc HV nhớ: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu phải viết hoa.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *nải chuối, múi bưởi, cây ổi.*
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ nối các nét chữ với nhau.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc câu dưới tranh

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (các con vật được vẽ trong tranh).
 - + Đọc các câu dưới mỗi tranh. Có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn các câu: *Rùa chạy thi với thỏ. Thỏ vừa chạy vừa chơi. Thế là thỏ thua rùa.*
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa các vần đã học.
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 26.

Bài 26. ao eo (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng vần *ao, eo*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ao, eo; trao đổi, chèo đò.*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh (nhân vật và hoạt động trong tranh), VD: vận động viên leo núi, leo núi, trèo núi cao, ...
- Nói được tên một số sự vật, hoạt động có tiếng chứa vần *ao, eo*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.

- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói về người, vật, hoạt động... trong tranh.
- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*cao, leo*) và cho HV biết đó là các tiếng mới cần học của Bài 26.
- Học viên quan sát các chữ *cao, leo* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

- Bài tập a, GV có thể dạy học xong *ao*, rồi đến vần *eo* hoặc dạy cùng lúc cả 2 vần.
- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần và đọc trơn (*a – o – ao → ao; e – o – eo → eo*). GV có thể cho HV so sánh 2 vần (đều kết thúc bằng âm *o*). HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:
 - + Tiếng *cao* có âm đầu là *c*, vần *a*; đánh vần: *cờ – ao – cao*; đọc trơn: *cao*.
 - + Tiếng *leo* có âm đầu là *l*, vần *eo*; đánh vần: *lờ – eo – leo*; đọc trơn: *leo*.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần/ đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.
- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.
- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*trao đổi, chèo đò, trèo cây*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giúp HV phân biệt *chèo – trèo*.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *ao, eo; trao đổi, chèo đò*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ nổi các nét chữ: *ao, eo; trao đổi, chèo đò*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
- + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (các sự vật, cảnh vật trong tranh).
- + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Cây đào dưới núi

Cây đào dưới núi đã hé nụ từ khi nào. Cây đào vui, lá đào reo rì rào, rì rào theo gió.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa *ao, eo* (VD: chào mào, chèo bẻo,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 27.

Bài 27. au âu (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *au, âu*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *au, âu, cây cau, cái cầu*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về bà, cháu, vườn trái chín đỏ au, những chú chim đậu trên cành,...
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *au*, *âu*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *au*, *âu* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *au*, *âu*.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các hoạt động, sự vật, đặc điểm (*cháu, nâu, đỏ au, đậu*) trong bức tranh. Đó là các tiếng chứa vần cần học của Bài 27.
- Học viên quan sát các chữ *cau*, *cầu* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng/chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng vần *au/âu* hoặc dạy đồng thời cả 2 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, âm *c* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *au*, *âu*. Vần *au* gồm âm *a* và âm *u*; vần *âu* gồm âm *â* (đọc là *ơ*) và âm *u*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

- + Tiếng *cau* có âm đầu *c*, vần *au*; đánh vần: *cờ - au - cau*; đọc trơn: *cau*.
- + Tiếng *cầu* có âm đầu *c*, vần *âu*; tiếng *cầu* có dấu *huyền*; đánh vần: *cờ - âu - cầu - huyền - cầu*; đọc trơn: *cầu*.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.
- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.
- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 4 tranh, nói sự vật trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*quả sấu, rau cải, lau sậy, quả bầu*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 4 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 4 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *au, âu*; cách nối các nét chữ trong: *cau, cầu*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát 2 tranh và đọc câu dưới mỗi tranh, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả bài:

Nhà bà Sáu

Nhà bà Sáu có cầu ao nhỏ. Ngay cửa nhà có hai cây cau cao. Chào mào, sáo sậu rủ nhau về đậu ở cây sấu nhà bà Sáu.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu câu, tên người được viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần: *au, âu* (VD: gấu, màu, lau, nấu,...)
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 28.

BÀI 28. êu iu (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *êu, iu*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *iu, êu, cái riu, lều vải*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về xưởng thêu, trong đó có người ngồi thêu, người địu bé,...
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *êu, iu*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *êu, iu* phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *êu, iu*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các hoạt động, sự vật (*thêu, khung thêu, chỉ thêu, địu, cái địu*) trong bức tranh. Đó là các tiếng chứa vần cần học của Bài 28.
- Học viên quan sát các chữ *địu, thêu* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

- Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng vần *êu, iu* hoặc dạy đồng thời cả 2 vần.
- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *đ, th*, và dấu *nặng* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *êu, iu*. Vần *êu* gồm âm *ê* và âm *u*; vần *iu* gồm âm *i* và âm *u*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *địu* có âm đầu *đ*, vần *iu*; tiếng *địu* có dấu *nặng*; đánh vần: *đờ – iu – địu – nặng – địu*; đọc trơn: *địu*.

+ Tiếng *thêu* có âm đầu *th*, vần *êu*; đánh vần: *thờ – êu – thêu*, đọc trơn: *thêu*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 4 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*địu bé, cái phễu, chú tễu, cái riu*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 4 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 4 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *iu, êu, cái riu, lều vải*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *êu, iu* cách nối các nét chữ trong *riu, lều*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát tranh và đọc các câu dưới tranh; có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu:

Cây nhà bà

Nhà bà có mấy cây vải. Hè về, vải sai trĩu quả. Bà hái vải gửi cho cháu ở phố xa.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *iu*, *êu* (VD: *dịu*, *nhịu*, *kêu*, *khêu*,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 29.

Bài 29. *ưu* *ươu* (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *ưu*, *ươu*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ưu*, *ươu*, *cừu*, *hươu*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về cảnh rừng cây, trong rừng có một số con vật: *hươu*, *cừu*, *khướu*,...
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *ưu*, *ươu*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *ưu*, *ươu* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD, HV viết chữ *ưu*, *ươu*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các hoạt động, sự vật, đặc điểm (*hươu*, *cừu*, *khướu*) trong bức tranh. Đó là các tiếng chứa vần cần học của Bài 29.
- Học viên quan sát các chữ *cừu*, *hươu* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng vần *ưu/ươu*, hoặc dạy đồng thời cả 2 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, âm *c*, *h* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *ưư*, *ươu*. Vần *ưư* gồm âm *ư* và âm *ư*; vần *ươu* gồm âm *ươ* và âm *u*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *cừu* có âm đầu *c*, vần *ưư*, dấu *huyền*; đánh vần: *cờ - ưư - cừu - huyền* – *cừu*; đọc trơn: *cừu*.

+ Tiếng *hươu* có âm đầu *h*, vần *ươu*; đánh vần: *hờ - ươu - hươu*; đọc trơn: *hươu*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 4 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*cừu*, *hươu*, *quả lựu*, *khướu*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 4 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 4 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *ưư*, *ươu*; cách nối các nét chữ trong *cừu*, *hươu*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:

+ Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).

+ Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Ngày hội

Mùa thu, bầu trời cao vời vợi, Sáo nâu bảo Khướu:

- Cậu đi dự hội mùa thu với tớ nhé!

Khướu vui vẻ bay theo Sáo nâu. Khướu thấy mấy chú cừu nhỏ, hươu sao, dê núi vừa hái lá vừa thi nhau kể về ngày hội.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa *ưu, ươu* (VD: *cứu, bấu,...*)

- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 30.

Bài 30. iêu yêu (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *iêu, yêu*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *iêu, yêu, chiếu cỏi, yêu quý*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về cảnh bố và bạn nhỏ thả diều trên đồi.

- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *iêu, yêu*.

- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.

- Mẫu chữ *iêu, yêu* phóng to/ mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *iêu, yêu*.

- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các hoạt động, sự vật (*buổi chiều, thả diều*) trong bức tranh. Đó là các tiếng chứa vần cần học của Bài 30.
- Học viên quan sát các chữ *diều, yêu* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng vần *iêu, yêu* hoặc dạy đồng thời cả 2 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *iêu, yêu*. Vần *iêu* gồm âm *iê* và âm *u*; vần *yêu* gồm âm *yê* và âm *u*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *diều* có âm đầu *d*, vần *iêu*; dấu *huyền*; đánh vần: *dờ - iêu - diêu - huyền - diều*; đọc trơn: *diều*.

+ Tiếng *yêu* không có âm đầu, có vần *yêu*; đánh vần: *yêu*; đọc trơn: *yêu*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 4 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*diều, chiếu cói, liều điếu, yêu quý*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 4 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật, việc trong 4 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *iêu, yêu, chiếu cói, yêu quý*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *iêu, yêu* cách nối các nét chữ trong *chiếu cói, yêu quý*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, sự việc, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Quê của Mí

Mây phủ núi đồi. Mí theo mẹ ra bờ suối hái rau. Mí và mẹ hái nhiều rau đủ cho cả bữa chiều. Mí thấy dưới suối, lũ cá bé tí đuối theo mấy cái lá.

Mí yêu bờ suối nhỏ và núi đồi nơi đây.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn, tên người phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *iêu, yêu* (VD: *hiếu, hiếu, yếu, ...*).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 31.

Bài 31. ÔN TẬP (2 tiết)

ao, eo, êu, iu, au, âu, ưu, ươu, iêu, yêu

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *ao, eo, êu, iu, au, âu, ưu, ươu, iêu, yêu*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được câu: *Buổi chiều bảy hươu rủ nhau ra suối.*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh vẽ hai người đang cho hươu ăn cỏ.

- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần cần ôn.

- Nói được những điều mình biết hoặc mình nghĩ về nội dung bài đọc.

- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện các vần cần ôn (bảng ôn vần) hoặc thể hiện từ ngữ ở bài tập 2a.

- Tranh minh họa và thẻ từ của bài tập 2b, c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.

- Giáo viên giới thiệu các hoạt động, sự vật (*hươu, kêu*) trong bức tranh. Đó là các tiếng chứa vần cần học của Bài 31.

- Giáo viên giới thiệu bài: Ôn tập các vần *ao, eo, au, âu, êu, iu, ưu, ươu, iêu, yêu* và HV quan sát các tiếng có chứa vần cần ôn được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV, Ví dụ:

+ Tiếng *sâu* có âm đầu *s*, vần *âu*; đánh vần: *sờ - âu - sâu*; đọc trơn: *sâu*.

- + Tiếng *lưu* có âm đầu *l*, vần *ưu*; đánh vần: *lờ - ưu - lưu*; đọc trơn: *lưu*.
- + Tiếng *yếu* không có âm đầu, vần *yêu*; tiếng *yếu* có dấu sắc; đánh vần: *yêu-sắc - yếu*; đọc trơn: *yếu*.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Học viên tìm các âm đã học để tạo thành tiếng với các vần đã học.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các câu (*Bà lấy cỏ cho trâu, bò./ Bó đào ao nuôi cá./ Mẹ thêm áo cho bé yếu.*) rồi góp ý cho nhau.
- Học viên luyện đọc câu theo cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

c) Bài tập c

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm: đọc câu, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu.
- Học viên làm việc nhóm: Ghép các ô chữ để tạo thành câu có nghĩa. GV có thể giải nghĩa từ/câu nếu HV chưa hiểu. Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ, cách nối các nét chữ trong câu “*Buổi chiều, bầy hươu rủ nhau ra suối*”.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc bài

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, sự việc, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Buổi tối nhà Hà

Buổi tối ở nhà Hà, mọi người đều vui. Bà khâu áo, bố pha trà, mẹ đang gọt trái cây. Hà và bé Nghĩa chơi đồ chơi.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn, tên người phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm thêm các từ ngữ có tiếng chứa vần đã ôn.
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 32.

Bài 32. ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần đã học; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ươi, tưới rau, ươi, ốc bươu, iêu, vải thiều.*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về lòng hiếu thảo của con cháu đối với ông bà, cha mẹ như chăm sóc về mặt tinh thần, chăm sóc về mặt vật chất,....
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần đã học.
- Nói được những điều mình biết hoặc mình nghĩ về nội dung bài đọc.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2a.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2b (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật, hoạt động (nấu đồ ăn ngon, đỡ ông bà đi lại trong nhà,...) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần ôn của Bài 32.
- Học viên nói một số từ ngữ chứa tiếng có vần cần ôn.

2. Đọc

a) Bài tập a

- Giáo viên gắn bảng phụ (bài tập 1), giới thiệu các vần cần ôn. Đọc mẫu vần, tiếng có trong bảng phụ.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*quả bầu, vải thiều, thêu áo*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): đọc các câu (*Bà hái bầu về xào./ Cháu mua vải thiều biếu bà./ Mẹ thêu áo cho bé*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên mời HV đọc trước lớp. HV góp ý cho nhau, GV nhận xét, sửa chữa.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các vần và chữ sẽ viết *ươi, tưới rau, ươi, ốc bươu, iêu, vải thiều*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *ươi, tưới rau, ươi, ốc bươu, iêu, vải thiều*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc bài

- Học viên làm việc cá nhân:

+ Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, sự việc, hoạt động được vẽ trong tranh).

+ Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu /đoạn:

Hiếu thảo với cha mẹ

Tôi là thợ xây, nay đây mai đó. Cha mẹ tôi ở quê. Mỗi khi có ngày nghỉ, tôi lại về quê chơi, mua quà biếu cha mẹ. Tôi vui vì thấy cha mẹ vui.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn, tên người phải viết hoa.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm thêm các từ ngữ có tiếng chứa vần đã ôn.

- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 33.

Bài 33. an ă - ăn ân (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng chữ ă, các vần an, ăn, ân; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu, đoạn trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: an, ăn, ân; khăn piêu, bạn thân.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh (nhân vật và hoạt động trong tranh). VD: bản làng, nhà sàn, khăn piêu, sân, cây mận,...

- Nói được tên một số sự vật, hoạt động có tiếng chứa vần an, ăn, ân.

- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.

- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói về người, vật, hoạt động... trong tranh.

- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*bản, khăn, mận*) và cho HV biết đó là các tiếng mới cần học của Bài 33.

- Học viên quan sát các chữ *bản, khăn, mận* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a, GV có thể dạy học xong an, rồi đến vần ăn, rồi cuối cùng là vần ân hoặc dạy cùng lúc cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần và đọc trơn (a – n – an → an; ă – n – ăn → ăn; â – n – ân → ân). GV có thể cho HV so sánh 3 vần (đều kết thúc bằng âm n). HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV, Ví dụ:

+ Tiếng *bản* có âm đầu là *b*, vần *an*, tiếng bản có dấu *hỏi*; đánh vần: *bờ – an – ban – hỏi – bản*; đọc trơn: *bản*.

+ Tiếng *khăn* có âm đầu là *kh*, vần *ăn*; đánh vần: *khờ – ăn – khăn*; đọc trơn: *khăn*.

+ Tiếng *mận* có âm đầu là *m*, vần *ân*, tiếng *mận* có dấu *nặng*, đánh vần: *m – ân – mân – nặng – mặn*; đọc trơn: *mận*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần/ đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*nhà sàn, khăn piêu, bạn thân*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các hoạt động trong tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *an, ăn, ân; khăn piêu, bạn thân*

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ nổi các nét chữ: *an, ăn, ân; khăn piêu, bạn thân*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:

+ Quan sát tranh, nói nội dung tranh (các sự vật, cảnh vật được vẽ trong tranh).

+ Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Ở bản

Nhà sàn của người Thái quây quần dưới chân núi, gần bờ suối. Người dân ở bản gắn bó với nhau qua nhiều thế hệ.

Vào ngày mùa, mọi người rủ nhau ra rẫy để tra ngô, hái đỗ.

- Giáo viên có thể nêu câu hỏi để HV trả lời về nội dung đoạn “Ở bản”. VD:

+ Đoạn văn nói về bản làng của dân tộc nào? (Dân tộc Thái)

+ Người Thái thường dựng nhà sàn ở đâu? (Ở dưới chân núi, gần bờ suối).

...

- Giáo viên nhắc HV nhớ: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần *an*, *ăn*, *ân* (VD: bàn bạc, dặn dò, cần cù,...).

- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 34.

Bài 34. on ôn ơn (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *on*, *ôn*, *ơn*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu, đoạn trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *on*, *ôn*, *ơn*; *con chồn*, *sơn ca*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh (nhân vật và hoạt động trong tranh), VD: chim non, chim sơn ca, bện rộn,...

- Nói được tên một số sự vật, hoạt động có tiếng chứa vần *on*, *ôn*, *ơn*.

- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.

- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói về các con vật và việc làm của chúng được thể hiện trong tranh.
- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*con, khôn, lớn*) và cho HV biết đó là các tiếng mới cần học của Bài 34.
- Học viên quan sát các chữ *con, khôn, lớn* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a, GV có thể dạy học xong *on*, rồi đến vần *ôn*, rồi cuối cùng là vần *ơn* hoặc dạy cùng lúc cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần và đọc trơn (*o – n – on → on; ô – n – ôn → ôn; ơ – n – ơn → ơn*). GV có thể cho HV so sánh 3 vần (đều kết thúc bằng âm *n*). HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

- + Tiếng *con* có âm đầu là *c*, vần *on*; đánh vần: *cờ – on – con*; đọc trơn: *con*.
- + Tiếng *khôn* có âm đầu là *kh*, vần *ôn*; đánh vần: *khờ – ôn – khôn*; đọc trơn: *khôn*.
- + Tiếng *lớn* có âm đầu là *l*, vần *ơn*; tiếng *lớn* có dấu sắc; đánh vần: *lờ – ơn – lon – sắc – lớn*; đọc trơn: *lớn*.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần/ đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.
- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.
- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*nón lá, con chồn, cá thồn bơn*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các hoạt động trong tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *on, ôn, ơn; con chồn, sơn ca*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ nói các nét chữ: *on, ôn, ơn; con chồn, sơn ca*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (các sự vật (người, vật) được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Đàn lợn con

Sơn cho đàn lợn con ăn. Bốn chú lợn béo tròn. Khi đã ăn no, cả bốn chú lợn con ngủ khì.

- Giáo viên có thể nêu câu hỏi để HV trả lời về nội dung đoạn “*Đàn lợn con*”, VD:
 - + Sơn làm gì? (Sơn cho lợn ăn).
 - + Đàn lợn có mấy con? (Đàn lợn có 4 con).
- ...
- Giáo viên nhắc HV nhớ: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần *on, ôn, ơn* (VD: núi non, bận rộn, thợ sơn,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 35.

Bài 35. en ên un (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *en, ên, un*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu, đoạn trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *en, ên, un; sen, nhện, cún*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh (nhân vật và hoạt động trong tranh), VD: đầm sen, hoa sen, nhện chăng tơ trên lá sen, hoa sen gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn,...
- Nói được tên một số sự vật, hoạt động có tiếng chứa vần *en, ên, un*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói về các con vật và việc làm của chúng được thể hiện trong tranh.
- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*sen, nhện, bùn*) và cho HV biết đó là các tiếng mới cần học của Bài 35.
- Học viên quan sát các chữ *sen nhện, bùn* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a, GV có thể dạy học xong *en*, rồi đến vần *ên*, rồi cuối cùng là vần *un* hoặc dạy cùng lúc cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần và đọc trơn ($e - n - en \rightarrow en$; $ê - n - ên \rightarrow ên$; $u - n - un \rightarrow un$). GV có thể cho HV so sánh 3 vần (đều kết thúc bằng âm *n*). HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

- + Tiếng *sen* có âm đầu là *s*, vần *en*; đánh vần: *sờ – en – sen*; đọc trơn: *sen*.
- + Tiếng *nhện* có âm đầu là *nh*, vần *ên*, tiếng *nhện* có dấu *nặng*; đánh vần: *nhờ – ên – nhên – nặng – nhện*; đọc trơn: *nhện*.
- + Tiếng *bùn* có âm đầu là *b*, vần *un*, tiếng *bùn* có dấu *huyền*; đánh vần: *bờ – un – bun – huyền – bùn*; đọc trơn: *bùn*.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần/ đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.
- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.
- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*đế mèn, ngọn nến, bầy chú lùn*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các hoạt động trong tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *en, ên, un; sen; nhện, cún*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ nối các nét chữ: *en, ên, un; sen, nhện, cún*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
- + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (các sự vật (người, vật) được vẽ trong tranh);

+ Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Hồ sen

Gần nhà Mến có hồ sen. Mùa hè sen nở rộ. Mến nghĩ cây sen lớn lên từ bùn, vậy mà sen không có mùi bùn.

- Giáo viên có thể nêu câu hỏi để HV trả lời về nội dung đoạn “*Hồ sen*”, VD:

+ Tranh vẽ gì?

+ Hoa sen trông như thế nào?

...

- Giáo viên nhắc HV nhớ: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần *en*, *ên*, *un* (VD: thổi kèn, con sên, run rẩy...).

- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 36.

Bài 36. in iên yên (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *in*, *iên*, *yên*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *in*, *iên*, *yên*, *kín*, *kiến*, *yến*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về thiên nhiên có biển, chim yến đậu kín mỏm đá,...

- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *in*, *iên*, *yên*.

- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.

- Mẫu chữ *in*, *iên*, *yên* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *in*, *iên*, *yên*.

- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các hoạt động, sự vật, đặc điểm (*kiến, yến, kín*) trong bức tranh. Đó là các tiếng chứa vần cần học của Bài 36.
- Học viên quan sát các chữ *kín, kiến, yến* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *in, iên, yên* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần (hoặc kết hợp dạy 2 vần *iên, yên*).

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, âm *k* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *in, iên, yên*. Vần *in* gồm âm *i* và âm *n*; vần *iên* gồm âm *iê* và âm *n*, vần *yên* gồm âm *yê* và âm *n*; vần *iên* và vần *yên* viết khác nhau nhưng đọc giống nhau. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *kín* có âm đầu *k* (đọc là *ca*), vần *in*; tiếng *kín* có dấu sắc; đánh vần: *ca – in – kín – sắc – kín*; đọc trơn: *kín*.

+ Tiếng *kiến* có âm đầu *k*, vần *iên*; tiếng *kiến* có dấu sắc; đánh vần: *ca – iên – kiên – sắc – kiến*; đọc trơn: *kiến*.

+ Tiếng *yến* không có âm đầu; có vần *yên*; tiếng *yến* có dấu sắc; đánh vần: *yên – sắc – yến*; đọc trơn: *yến*.

(Giáo viên giải thích: vần *iên* xuất hiện trong tiếng có âm đầu; vần *yên* xuất hiện trong tiếng không có âm đầu.)

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 4 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*đèn điện, số chín, viên phấn, yên xe*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 4 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 4 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ: *in, iên, yên*; cách nối các nét chữ trong *kín, kiến, yến*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát tranh và đọc câu dưới tranh, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu.

Sau cơn bão

Sau cơn bão, bầu trời yên trở lại. Bầu trời như cao hơn. Mấy chú sơn ca lú lo trên cây. Đàn kiến lại rủ nhau tha mồi về tổ).

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có vần *in, iên, yên* (VD: tin, liên, yên ả,...)
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 37.

Bài 37. uôn ươn (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *uôn, ươn*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *uôn, vươn, cuộn chỉ, con vươn*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh tập thể dục với các động tác vươn vai, vươn thở, uốn dẻo,...
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *uôn, vươn*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *uôn, vươn* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *uôn, vươn*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các hoạt động (vươn vai, vươn thở, uốn dẻo) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 37.
- Học viên quan sát các chữ *uốn, vươn* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *uôn, vươn* hoặc dạy đồng thời cả 2 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, âm *v, l* và dấu *sắc* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *uôn, vươn*. Vần *uôn* gồm âm *uô* và âm *n*; vần *vuôn* gồm âm *vuô* và âm *n*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *uốn* không có âm đầu, có vần *uôn*; tiếng *uốn* có dấu *sắc*; đánh vần: *uôn – sắc – uốn*; đọc trơn: *uốn*.

+ Tiếng *vuôn* có âm đầu *v*, vần *uôn*; đánh vần: *vờ – uôn – vuôn*; đọc trơn: *vuôn*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.
- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.
- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 4 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*cá chuồn, vườn cây, con lươn, phở cuốn*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 4 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 4 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *uôn, ươn, cuộn chỉ, con lươn*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *uôn, ươn* cách nối các nét chữ trong *cuộn, lươn*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát tranh và đọc câu dưới tranh, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả bài.

Chiều muộn

Chiều muộn, Lan ra vườn với bà. Có chú chuồn chuồn ở đâu bay ra. Nó lượn qua lượn lại rồi đậu vào vai Lan.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần: *uôn, ươn* (VD: uốn, khuôn, muốn, mượn, trườn, ươn,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 38.

Bài 38. ÔN TẬP (2 tiết)

an ă - ăn ân on ôn ơn en ên un in iên yên uôn ươn

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần có âm cuối *n*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *con chồn, tổ yến*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh trong bài đọc.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần cần ôn.
- Nói được những điều mình biết hoặc mình nghĩ về nội dung bài đọc.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện các vần cần ôn (bảng ôn vần) hoặc thể hiện từ ngữ ở bài tập 1.
- Mẫu chữ *con chồn, tổ yến* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *con chồn, tổ yến*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài tập 2, 4 (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV dựa vào tên bài để nêu nội dung bài học.
- Học viên nhận xét điểm giống nhau giữa các vần cần ôn (đều kết thúc bằng âm *n*); nói một số từ ngữ chứa tiếng có vần cần ôn.
- Giáo viên giới thiệu bài: Ôn tập các vần có âm cuối *n*: *an, ă - ăn, ân, on, ôn, ơn, en, ên, un, in, iên, yên, uôn, ươn*.

2. Đọc (bài tập 1)

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát tranh, nói sự vật trong mỗi tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*quả mận, đàn ngựa vằn, con chồn, sơn ca, con sen, lá sen, tổ yến, chó cún, chuồn chuồn*), tìm tiếng có vần cần ôn, phân tích cấu tạo tiếng (nếu cần) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 9 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 9 tranh.

3. Ghép câu với hình thích hợp (bài tập 2)

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp):
 - + Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các câu (*Đàn gà con tha thẩn bên chân mẹ./ Máy chú lợn con kêu ừ ừ à ừ ừ.*/ *Trên tàu lá sen có chú dế mèn và đàn kiến.*) rồi góp ý cho nhau.
 - + Ghép mỗi câu với tranh tương ứng.
- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

TIẾT 2

4. Viết (bài tập 3)

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ, cách nối các nét chữ trong *con chồn, tổ yến*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

5. Đọc (bài tập 4)

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Mùa thu trên bản

Mùa thu đã về trên bản nhỏ. Cải nỏ ven triền núi và đàn sẻ lại rộn rã, líu lo. Trên bãi cỏ non mấy chú dê nghểnh cổ nhìn con diều bay lượn. Suối uốn lượn giữa vô vàn cây lá xen lẫn đá núi cheo leo.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm thêm các từ ngữ có tiếng chứa vần đã ôn.
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 39.

Bài 39. at ăt ât (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *at, ăt, ât*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *at, ăt, ât, hạt, gặt, đất*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: cảnh bác nông dân đang gặt lúa.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *at, ăt, ât*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2.b.
- Mẫu chữ *at, ăt, ât* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *at, ăt, ât*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật, hoạt động (gặt lúa,...) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 39.
- Học viên quan sát các chữ *hạt, gặt, đất* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *at, ăt, ât* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *h, g, đ* và dấu *sắc, dấu nặng* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *at, ăt, ât*. Vần *at* gồm âm *a* và âm *t*; vần *ăt* gồm âm *ă* và âm *t*; vần *ât* gồm âm *â* và âm *t*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *hạt* có âm đầu *h*, vần *at*; dấu *nặng*; đánh vần: *hờ - at - hát - nặng - hạt*; đọc trơn: *hạt*.

+ Tiếng *gặt* có âm đầu *g*, vần *ăt*; dấu *nặng*; đánh vần: *gờ - ăt - găt - nặng - gặt*; đọc trơn: *gặt*.

+ Tiếng *đất* có âm đầu *đ*, vần *ât*; dấu *sắc*; đánh vần: *đờ - ât - đất - sắc - đất*; đọc trơn: *đất*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*bãi cát, mặt trời, bát lửa*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *at, ăt, ât, hạt, gặt, đất*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *at, ăt, ât* cách nối các nét chữ trong *hạt, gặt, đất*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Dế hát

Nhà của dế nhỏ ở trên vạt cỏ non. Mỗi tối, chú cất lời hát ngợi ca mặt trời, mây và làn gió mát. Dế nhỏ còn hát cho châu chấu, kiến và giun đất nghe. Ai nấy đều yêu quý chú dế nhỏ thân thiện và dễ mến.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần: *at, ăt, ât* (VD: khát, mắt, mát,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 40.

Bài 40. ot ôt ơt (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *ot, ôt, ơt*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ot, ôt, ơt, giọt, tốt, sốt,*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: ngôi nhà có cột nhà, chổi đót, cây ốt.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *ot, ôt, ơt*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.

- Mẫu chữ *ot, ôt, ơt* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *ot, ôt, ơt*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật (*chối đốt, cột nhà, cây ớt*) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 40.
- Học viên quan sát các chữ *đốt, cột, ớt* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần: *ot, ôt, ơt* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *đ, c* và dấu *sắc, dấu nặng* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *ot, ôt, ơt*. Vần *ot* gồm âm *o* và âm *t*; vần *ôt* gồm âm *ô* và âm *t*; vần *ơt* gồm âm *ơ* và âm *t*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *đốt* có âm đầu *đ*, vần *ot*; dấu *sắc*; đánh vần: *đờ – ot – đốt – sắc – đốt*; đọc trơn: *đốt*.

+ Tiếng *cột* có âm đầu *c*, vần *ôt*; dấu *nặng*; đánh vần: *cờ – ôt – cốt – nặng – cột*; đọc trơn: *cột*.

+ Tiếng *ớt không* có âm đầu, vần *ơt*; dấu *sắc*; đánh vần: *ơ – tờ – ơt – sắc – ớt*; đọc trơn: *ớt*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*cái thớt, chim hót, cà rốt*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *ot, ôt, ơt, giọt, tốt, sốt*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *ot, ôt, ơt* cách nối các nét chữ trong *giọt, tốt, sốt*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói về sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh.
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Chị Mây

Chị Mây đi chợ mua nhiều thứ. Chị mua thịt, cá, su hào, cà rốt, cà chua... Chị còn mua một cái thớt gỗ nữa.

Chị nấu bữa trưa thật ngon cho cả nhà ăn sau buổi gặt.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *ot, ôt, ơt* (VD: mót, mốt, bốt,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 41.

Bài 41. et êt it (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *et, êt, it*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *et, êt, it, mẹt, tết, thit*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: ngôi nhà có cô gái ngồi dệt vải, có chim hót, có ao cá, đàn vịt đang bơi.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *et, êt, it*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *et, êt, it* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *et, êt, it*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật, hoạt động trong tranh: cô gái ngồi dệt vải, có chim hót, có ao cá, đàn vịt đang bơi. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 41.
- Học viên quan sát các chữ *con vịt, dệt vải, đàn vịt* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *et, êt, it* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *d, v* và dấu *nặng* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *et, êt, it*.

Vần *et* gồm âm *e* và âm *t*; vần *ét* gồm âm *ê* và âm *t*; vần *it* gồm âm *i* và âm *t*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:
 - + Tiếng *vẹt* có âm đầu *v*, vần *et*; dấu *nặng*; đánh vần: *vờ – et – vét – nặng – vẹt*; đọc trơn: *vẹt*.
 - + Tiếng *dẹt* có âm đầu *d*, vần *ét*; dấu *nặng*; đánh vần: *dờ – ét – dết – nặng – dẹt*; đọc trơn: *dẹt*.
 - + Tiếng *vít* có âm đầu *v*, vần *it*; dấu *nặng*; đánh vần: *vờ – ít – vít – nặng – vít*; đọc trơn: *vít*.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.
- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.
- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*con rết, cái mẹt, quả mít*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *et, ét, it, mẹt, tét, thit*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *et, ét, it* cách nối các nét chữ trong *mẹt, tét, thit*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc bài

- Học viên làm việc cá nhân:
- + Quan sát tranh, nói về sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh.
- + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Món ăn mẹ nấu

Mẹ tôi nấu ăn rất ngon. Đi xa lâu ngày, tôi rất nhớ món thịt kho, cá kho của mẹ ăn vào ngày mưa rét. Nghỉ Tết về quê, mẹ nấu nhiều món ngon cho tôi và cả nhà.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *et*, *ét*, *it* (VD: nét, mét, thịt,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 42.

Bài 42. *ut ut iêt yêt* (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *ut*, *ut*, *iêt*, *yêt*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu, đoạn trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ut*, *ut*, *iêt*, *yêt*; *bút*, *mút*, *viết*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh (nhân vật và hoạt động trong tranh), VD: chợ Tết, có nhiều mặt hàng: *mứt* Tết, bánh kẹo, đào quất, viết câu đối,...
- Nói được tên một số sự vật, hoạt động có tiếng chứa vần *ut*, *ut*, *iêt*, *yêt*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói về người, vật, hoạt động... trong tranh.
- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*bút, mút, viết*) và cho HV biết đó là các tiếng mới cần học của Bài 42.
- Học viên quan sát các chữ *bút, mút, viết* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a, GV có thể dạy học xong *ut*, rồi đến vần *ut*, rồi cuối cùng là vần *iêt* hoặc dạy cùng lúc cả 3 vần (GV kết hợp giới thiệu *yết* khi học vần *iêt*).

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần và đọc trơn (*u – t – ut → ut; ư – t – ut → ut; iê – t – iêt → iêt; yê – t – yêt → yêt*). GV có thể cho HV so sánh 3 vần (đều kết thúc bằng âm t). HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *bút* có âm đầu là *b*, vần *ut*, thanh *sắc*; đánh vần: *bờ – ut – bút – sắc – bút*; đọc trơn: *bút*.

+ Tiếng *mút* có âm đầu là *m*, vần *ut*, thanh *sắc*; đánh vần: *mờ – ut – mút – sắc – mút*; đọc trơn: *mút*.

+ Tiếng *viết* có âm đầu là *v*, vần *iêt*, thanh *sắc* đánh vần: *vờ – iêt – viết – sắc – viết*; đọc trơn: *viết*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần/ đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*viết bút chì, đĩa mút dừa, phở Yết Kiêu*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các hoạt động trong tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *ut, ưt, iết, yết; bút, mút, viết*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ nổi các nét chữ: *ut, ưt, iết, yết; bút, mút, viết*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (các sự vật, cảnh vật được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Chơi thả điều

Chiều nay, thời tiết tốt, mọi người rủ nhau ra bờ đê thả điều. Gió to, điều bay cao vút. Sáo điều vi vu, vi vu...

Chơi thả điều, vui biết mấy!

- Giáo viên có thể nêu câu hỏi để HV trả lời về nội dung đoạn “*Chơi thả điều*”. VD:
 - + Mọi người thả điều ở đâu?
 - + Mọi người thấy chơi thả điều thế nào?
- ...
- Giáo viên nhắc HV nhớ: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần: *ut, ưt, iết, yết* (VD: vun vút, đứt dây, mãi miết, yết kiến,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 43.

Bài 43. uôt ươt (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *uôt, ươt*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu, đoạn trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *uôt, ươt, tuốt lúa, lần lượt*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh (nhân vật và hoạt động trong tranh), VD: tuốt lúa, bận rộn,...
- Nói được tên một số sự vật, hoạt động có tiếng chứa vần *uôt, ươt*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói về người, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ chứa tiếng mới (*tuốt lúa, lần lượt*) và cho HV biết đó là các tiếng mới cần học của Bài 43.
- Học viên quan sát các chữ *tuốt, lượt* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a, GV có thể dạy học xong *uôt*, rồi đến vần *ươt*, hoặc dạy cùng lúc cả 2 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần và đọc trơn ($uô - t - uôt \rightarrow uôt$; $ươ - t - ươt \rightarrow ươt$). GV có thể cho HV so sánh 2 vần (đều kết thúc bằng âm t). HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *tuốt* có âm đầu là t, vần *uôt*, thanh *sắc*; đánh vần: *tờ - uôt - tuốt - sắc tuốt*; đọc trơn: *tuốt*.

+ Tiếng *lướt* có âm đầu là l, vần *ươt*, thanh *nặng*; đánh vần: *lờ - ươt - lướt - nặng lướt*; đọc trơn: *lướt*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần/ đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*suốt chỉ, lướt ván, cầu trượt*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các hoạt động trong tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *uôt, ươt, tuốt lúa, lần lướt*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ nổi các nét chữ: *uôt, ươt, tuốt lúa, lần lướt*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
- + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (các sự vật (người, vật) được vẽ trong tranh);
- + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Lướt ván

Lướt ván là một môn thể thao thú vị, cuốn hút đối với nhiều người trẻ trên thế giới. Để chơi môn thể thao này, người chơi phải biết điều khiển ván lướt.

- Giáo viên có thể nêu câu hỏi để HV trả lời về nội dung đoạn “*Lướt ván*”, VD:
 - + Tranh / ảnh vẽ gì?
 - + Chơi lướt ván ở đâu?
- ...
- Giáo viên nhắc HV nhớ: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần: *uôt, ươt*, (VD: chuột nhắt, ướt lướt thướt,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 44.

Bài 44. ÔN TẬP (2 tiết)

at ăt ât ot ôt ơt et êt it ut ưt iêt yêt uôt ươt

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần có âm cuối *t*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *chuột nhắt, con vệt*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh trong bài đọc.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần cần ôn.
- Nói được những điều mình biết hoặc mình nghĩ về nội dung bài đọc.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện các vần cần ôn (bảng ôn vần) hoặc thể hiện từ ngữ ở bài tập 1.
- Mẫu chữ *chuột nhắt*, *con vệt* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ: *chuột nhắt*, *con vệt*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài tập 2, 4 (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV dựa vào tên bài để nêu nội dung bài học.
- Học viên nhận xét điểm giống nhau giữa các vần cần ôn (đều kết thúc bằng âm *t*); nói một số từ ngữ chứa tiếng có vần cần ôn.
- Giáo viên giới thiệu bài: Ôn tập các vần có âm cuối *t*: *at, ăt, ât, ot, ôt, ơt, et, êt, it, ut, ưt, iêt, yêt, uôt, ươt*.

2. Đọc từ ngữ (bài tập 1)

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát tranh, nói sự vật được vẽ trong mỗi tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*mứt tết, bút viết, thợ dệt, suốt, chỉ, rau ngót, cầu trượt, đôi tất, trái ớt, lá lốt, quả mít, con vệt, chuột nhắt*), tìm tiếng có vần cần ôn, phân tích cấu tạo tiếng (nếu cần) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 12 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 12 tranh.

3. Đọc câu (bài tập 2)

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp):
 - + Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các câu (*Cô Hà, chú Hải mua mứt Tết biếu bà. / Cây quất nhà cô Việt quả sai trĩu trĩt. / Cột cờ Hà Nội cao thật là cao.*) rồi góp ý cho nhau.
 - + Ghép mỗi câu với tranh tương ứng.
- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

TIẾT 2

4. Viết (bài tập 3)

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ, cách nối các nét chữ trong: *chuột nhắt*, *con vệt*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

5. Đọc bài

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát tranh và đọc câu dưới tranh, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả bài:

Mèo đuổi chuột

Trò chơi mèo đuổi chuột bắt đầu. Chuột vừa vụt chạy đi, mèo liền rượt đuổi theo.

Chỉ một lát sau, cả chuột và mèo đều mệt, phải ngồi nghỉ. Hai bạn dựa vai vào nhau đến là thân thiết, quên mất ai là mèo, ai là chuột.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm thêm các từ ngữ có tiếng chứa vần đã ôn.
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 45.

Bài 45. am ăm âm (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *am, ăm, âm*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *am, ăm, âm, quả trám, con tằm, củ sâm*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về rằm tháng Tám với mâm cỗ trông trăng, trẻ em nắm tay nhau múa hát, rước đèn ông sao.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *am, ăm, âm*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *am, ăm, âm* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *am, ăm, âm*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.

- Giáo viên giới thiệu các sự vật, hoạt động (đêm rằm, mâm cỗ, nắm tay nhau, cầm đèn trung thu,...) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 45.

- Học viên quan sát các chữ *cam*, *rằm*, *mằm* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *am*, *ăm*, *âm* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *c*, *r*, *m* và dấu *huyền* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *am*, *ăm*, *âm*. Vần *am* gồm âm *a* và âm *m*; vần *ăm* gồm âm *ă* và âm *m*; vần *âm* gồm âm *â* và âm *m*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *cam* có âm đầu *c*, vần *am*; đánh vần: *cờ – am – cam*; đọc trơn: *cam*.

+ Tiếng *rằm* có âm đầu *r*, vần *ăm*; tiếng *rằm* có dấu *huyền*; đánh vần: *rờ – ăm – rằm – huyền – rằm*; đọc trơn: *rằm*.

+ Tiếng *mằm* có âm đầu *m*, vần *âm*; tiếng *mằm* có dấu *huyền*; đánh vần: *mờ – âm – mâm – huyền – mằm*; đọc trơn: *mằm*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*quả trám, con tầm, củ sâm*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *am, ăm, âm, quả trám, con tầm, củ sâm*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *am, ăm, âm* cách nối các nét chữ trong *trám, tầm, sâm*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát tranh và đọc bài thơ, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả bài:

Đón Tết

Mưa rơi lâm thâm

Suối chảy rì rầm

Bờ cỏ đầy nấp

Hoa cam lấm tẩm

Hoa đào thắm tươi

Én bay muôn nơi

Đất trời đón Tết.

(Tú Anh)

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *am, ăm, âm* (VD: *cam, mắt, ắm,...*).

- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 46.

Bài 46. om ôm ơm (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *om, ôm, ơm*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *om, ôm, ơm, xóm, cốm, rơm*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: cảnh làng quê, bà đang ngồi sảy cốm trước cửa nhà, bên hiên nhà có một cây rơm.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *om, ôm, ơm*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *om, ôm, ơm* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *om, ôm, ơm*.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật, hoạt động (xóm làng, cây rơm, sảy cốm,...) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 46.
- Học viên quan sát các chữ *xóm, cốm, rơm* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *om, ôm, ơm* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *x, c, r* và dấu sắc đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *om, ôm, ơm*. Vần *om* gồm âm *o* và âm *m*; vần *ôm* gồm âm *ô* và âm *m*; vần *ơm* gồm âm *ơ* và âm *m*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.
- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *xóm* có âm đầu *x*, vần *ôm*; dấu sắc; đánh vần: *xờ – ô – m – xóm – sắc* – *xóm*; đọc trơn: *xóm*.

+ Tiếng *cóm* có âm đầu *c*, vần *ôm*; dấu sắc; đánh vần: *cờ – ô – m – côm – sắc* – *cóm*; đọc trơn: *cóm*.

+ Tiếng *rom* có âm đầu *r*, vần *ôm*; đánh vần: *rờ – ô – m – rom*; đọc trơn: *rom*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*con tôm, khóm tre, mâm cơm*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *ôm, ôm, ơm, xóm, côm, rom*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *ôm, ôm, ơm* cách nối các nét chữ trong *xóm, côm, rom*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:

+ Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).

+ Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Về thăm bà

Chủ nhật, cả nhà Tâm về quê thăm bà. Chị gái Tâm quét sân. Mẹ Tâm làm món cá kho tộ thơm ngon. Tâm theo bà ra vườn hái quả cà chua chín đỏ. Chú chó đốm chạy theo Tâm.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn và tên người phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *om*, *ôm*, *om* (VD: đóm, góm, bờm,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 47.

Bài 47. em êm im (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *em*, *êm*, *im*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *em*, *êm*, *im*, *xem*, *đêm*, *sim*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: cảnh đồi hoa sim, con nhím.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *em*, *êm*, *im*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *em*, *êm*, *im* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *em*, *êm*, *im*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật, hoạt động trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 47.

- Học viên quan sát các chữ *xem, đêm, sim* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *em, êm, im* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *x, đ, s* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *em, êm, im*. Vần *em* gồm âm *e* và âm *m*; vần *êm* gồm âm *ê* và âm *m*; vần *im* gồm âm *i* và âm *m*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:
 - + Tiếng *xem* có âm đầu *x*, vần *em*; đánh vần: *xờ – em – xem*; đọc trơn: *xem*.
 - + Tiếng *đêm* có âm đầu *đ*, vần *êm*; đánh vần: *đờ – êm – đêm*; đọc trơn: *đêm*.
 - + Tiếng *sim* có âm đầu *s*, vần *im*; đánh vần: *sờ – im – sim*; đọc trơn: *sim*.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*tem thư, tấm đệm, quả sim*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *em, êm, im, xem, đêm, sim*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *em, êm, im* cách nối các nét chữ trong *xem, đêm, sim*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Khu vườn mùa hạ

Khu vườn mùa hạ gọi đàn chim về líu lo ca hát. Sáo đá, chìa vôi náo nhiệt và vui nhộn. Sơn ca, hoạ mi nhỏ nhẹ, hiền từ. Chim sâu vừa hát vừa chăm chỉ tìm nhặt lá khô lột tổ. Có chú khướu ghé xem trái chín rồi mới cất lời êm dịu, ngân nga.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *em*, *êm*, *im* (VD: kem, nếm, tìm,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 48.

Bài 48. um uôm (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *um*, *uôm*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *um*, *uôm*, *chùm*, *muôm*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: ngôi nhà có cô gái dân tộc Tày đang nhuộm vải, bên ngoài sân có cây muôm, cây nhãn sai quả.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *um*, *uôm*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *um*, *uôm* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *um*, *uôm*.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật (cô gái nhuộm vải, cây muỗm, cây nhãn) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 48.
- Học viên quan sát các chữ *chùm*, *muỗm* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *um*, *uôm* hoặc dạy đồng thời cả 2 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *ch*, *m* và dấu *huyền*, dấu *ngã* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *um*, *uôm*. Vần *um* gồm âm *u* và âm *m*; vần *uôm* gồm âm *uô* và âm *m*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *chùm* có âm đầu *ch*, vần *um*; dấu *huyền*; đánh vần: *chờ – um – chum*
– *huyền – chùm*; đọc trơn: *chùm*.

+ Tiếng *muỗm* có âm đầu *m*, vần *uôm*; dấu *ngã*; đánh vần: *mờ – uôm – muôm*
– *ngã – muỗm*; đọc trơn: *muỗm*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật trong tranh; đọc các câu viết dưới mỗi tranh (*Bà có chùm nhãn./Quả muỗm có vị chua./Cô gái nhuộm vải.*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *um, uôm, chùm, muỗm*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *um, uôm* cách nối các nét chữ trong *chùm, muỗm*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Cây muỗm nhà bà

Nhà bà Lan có một cây muỗm to. Cây muỗm rất sai quả. Bà hay hái muỗm chín cho các cháu ăn và lấy quả muỗm non để nấu canh chua.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, DẶN DÒ

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *um, uôm* (VD: *chum, nhuộm,...*).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 49.

Bài 49. ươm iêm yêm (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *ươm, iêm, yêm*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ươm, iêm, yêm, chươm, kiếm, yếm*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: mẹ đang bế em bé, có vườn hoa, bướm bay, cây dừa xiêm.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *ươm, iêm, yêm*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *ươm, iêm, yêm* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *ươm, iêm, yêm*.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật (mẹ đang bế em bé, có vườn hoa, bướm bay, cây dừa xiêm) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 49.
- Học viên quan sát các chữ *bướm, xiêm, yếm* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *ươm, iêm, yêm* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *b, x* và dấu sắc đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *ươm, iêm,*

yém. Vần *uôm* gồm âm *uơ* và âm *m*; vần *iêm* gồm âm *iê* và âm *m*; vần *yém* gồm âm *yê* và âm *m*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:
 - + Tiếng *bướm* có âm đầu *b*, vần *uôm*; dấu sắc; đánh vần: *bờ – uôm – bướm – sắc – bướm*; đọc trơn: *bướm*.
 - + Tiếng *xiêm* có âm đầu *x*, vần *iêm*; đánh vần: *xờ – iêm – xiêm*; đọc trơn: *xiêm*.
 - + Tiếng *yém* không có âm đầu, vần *yém*; dấu sắc; đánh vần: *yêm – sắc – yém*; đọc trơn: *yém*.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.
- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.
- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật có trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*túi chườm, múa kiếm, âu yếm*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *uôm, iêm, yém, chườm, kiếm, yém*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *uôm, iêm, yém* cách nối các nét chữ trong *chườm, kiếm, yém*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc bài

- Học viên làm việc cá nhân:
- + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
- + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Mẹ dặn Hà

Hôm qua đi học về, Hà bị ngã xe đạp. Hà bị đau đầu gối. Về nhà Hà lấy đá chườm cho đỡ đau. Thấy vậy, mẹ dặn Hà từ nay đi xe phải cẩn thận.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Tên riêng và chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *uờm, iêm, yêm* (VD: cườm, tiêm, yếm...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 50.

Bài 50. ÔN TẬP (2 tiết)

am ăm âm om ôm ơm em êm im
um uôm ươm iêm yêm

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các tiếng có âm cuối *m*, các từ ngữ có tiếng chứa vần có âm cuối *m*. Đọc lưu loát câu, đoạn ngắn được học. Hiểu nghĩa của các từ ngữ, nội dung của câu trong bài học; trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.

2. Viết

Viết đúng các vần, các tiếng chứa vần đã học (*đêm rằm, xem phim, dừa xiêm*).

3. Nói và nghe

Nói và nghe về cảnh vật thôn xóm, làng quê trong đêm (dựa vào tranh minh họa).

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu học tập có tranh minh họa hoặc bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 1, 3 (nếu có).
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu từ, câu.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

Nhìn tranh, nói tiếng chứa vần có kết thúc bằng *m*.

- *Cá nhân*:

+ Quan sát các tranh trong sách học, nói tên các sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh.

+ Nói - viết tên sự vật chứa tiếng có âm cuối *m*. VD: xóm, đom đóm, đêm rằm, cây rơm,...

- *Nhóm / cả lớp*:

+ Ghép mỗi từ ngữ với tranh thích hợp (nếu chuẩn bị được thẻ tranh và thẻ chữ).

+ Đối chiếu và thống nhất kết quả với các nhóm hoặc nghe các bạn nhận xét.

2. Đọc

- *Cá nhân / cặp*:

+ Đọc các từ ngữ trong bảng.

- *Nhóm*:

+ Nhóm trưởng chỉ vào từ ngữ bất kì trong bảng và mời HV đọc.

+ Cả nhóm nhận xét.

3. Ghép câu với hình thích hợp

- *Cá nhân / cặp*:

+ Quan sát 3 hình vẽ/ tranh vẽ, nói nội dung từng tranh (trả lời câu hỏi: Tranh vẽ gì?).

+ Đọc 3 câu. Dựa vào nội dung hình vẽ, ghép câu phù hợp với hình.

+ Thống nhất cách ghép câu với hình với các bạn.

- *Lớp*: Học viên chữa bài chung cả lớp theo hướng dẫn của GV:

+ Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài trước lớp (nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong sách phóng to). HV ghép câu với hình.

+ Giáo viên và HV khác nhận xét.

+ Giáo viên nhắc HV nhớ: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.

TIẾT 2

4. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *đêm rằm, xem phim, dừa xiêm*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ nối các nét chữ với nhau.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

5. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (loài cây/ đôi cây được vẽ trong tranh).
 - + Đọc nhan đề, đọc đoạn dưới tranh. Có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn các câu.

Đôi sim

Cây sim có nhiều ở triền đồi sỏi đá. Về mùa hè, sim nở tím ngát cả đồi quê. Đến mùa sim chín, bọn trẻ con rủ nhau lên đồi hái sim ăn. Sim chín có vị ngọt, hơi chan chất. Sim là món ăn thú vị của trẻ con.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.
- Giáo viên có thể nêu câu hỏi và mời HV trả lời. VD:
 - + Tranh vẽ gì?
 - + Hoa sim có màu gì?
 - + Quả sim có vị như thế nào?

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa các vần đã học.
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 51.

Bài 51. ap ăp âp (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *ap, ăp, âp*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu, đoạn trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ap, ăp, âp; gặp bạn, tập xe đạp.*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh (nhân vật và hoạt động trong tranh), VD: các bạn nhỏ tập đi xe đạp,...
- Nói được tên một số sự vật, hoạt động có tiếng chứa vần *ap*, *ăp*, *áp*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Thẻ từ viết các từ ngữ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh và hoạt động được thể hiện trong tranh.
- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ chứa tiếng mới (*xe đạp, gặp bạn, tập xe*) và cho HV biết những tiếng chứa vần mới là nội dung của Bài 51.
- Học viên quan sát các chữ *đạp, gặp, tập* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a, GV có thể dạy học xong *ap*, rồi đến vần *ăp*, *áp* hoặc dạy cùng lúc cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần và đọc *trơn* (*a – p – ap → ap; ă – p – ăp → ăp; â – p – âp → âp*). GV có thể cho HV so sánh 2 vần (đều kết thúc bằng âm p). HV đánh vần, đọc *trơn* và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *đạp* có âm đầu là *đ*, vần *ap*, thanh *nặng*; đánh vần: *đờ – ap – đạp – nặng – đạp*; đọc *trơn*: *đạp*.

+ Tiếng *gặp* có âm đầu là *g*, vần *ăp*, thanh *nặng*; đánh vần: *gờ – ăp – gặp – nặng – gặp*; đọc *trơn*: *gặp*.

+ Tiếng *tập* có âm đầu là *t*, vần *áp*, thanh *nặng*; đánh vần: *tờ – áp – tập – nặng – tập*; đọc *trơn*: *tập*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần/ đọc *trơn* trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Đọc trơn các từ ngữ rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên mời HV đọc trước lớp theo yêu cầu (đọc xuôi, ngược).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*ngọn tháp, cặp da, cá mập*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các hoạt động trong tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *ap, ắp, ắp; gặp bạn, tập xe đạp.*

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ nói các nét chữ.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:

+ Quan sát tranh, nói nội dung tranh (các sự vật (người, vật) được vẽ trong tranh);

+ Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Cáp treo

Thay cho leo núi vất vả, mất nhiều thời gian, bạn hãy đi cáp treo. Ngồi trên cáp treo, bạn có thể ngắm nhìn khắp mọi phía: núi đồi nhấp nhô, suối khe uốn lượn,... Thật là thú vị!

- Giáo viên có thể nêu câu hỏi để HV trả lời về nội dung đoạn “Cáp treo”, VD:

+ Tranh / ảnh vẽ gì?

+ Ngồi trên cáp treo, bạn có thể nhìn thấy gì?

...

- Giáo viên nhắc HV nhớ: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần *ap, ăp, áp*. (VD: rạp hát, thấp nển, tập quân sự...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 52.

Bài 52. *op ôp ơp* (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *op, ôp, ơp*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *op, ôp, ơp, hộp tổ, hộp sữa, tia chớp*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về buổi họp lớp, về một số sự vật: lớp học, hộp phấn,...
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần: *op, ôp, ơp*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ / thẻ từ thể hiện các từ ngữ của bài tập 2b.
- Mẫu chữ *op, ôp, ơp* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *op, ôp, ơp*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các hoạt động, sự vật, đặc điểm (*hộp tổ, hộp sữa, tia chớp,...*) trong bức tranh. Đó là các tiếng chứa vần cần học của Bài 52.
- Học viên quan sát các chữ *hộp, hộp, chớp* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *op* / *ôp* / *ơp* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, âm *h*, *ch*, dấu *nặng*, dấu *sắc* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *op*, *ôp*, *ơp*. Vần *op* gồm âm *o* và âm *p*; vần *ôp* gồm âm *ô* và âm *p*, vần *ơp* gồm âm *ơ* và âm *p*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa 3 vần.

- Học viên đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *hộp* có âm đầu *h*, vần *op*; tiếng *hộp* có dấu *nặng*; đánh vần: *hờ – op – hộp – nặng – hộp*; đọc trơn: *hộp*.

+ Tiếng *hộp* có âm đầu *h*, vần *ôp*; tiếng *hộp* có dấu *nặng*; đánh vần: *hờ – ôp – hộp – nặng – hộp*; đọc trơn: *hộp*.

+ Tiếng *chóp* có âm đầu *ch*, vần *op*; tiếng *chóp* có dấu *sắc*; đánh vần: *chờ – op – chop – sắc – chóp*; đọc trơn: *chóp*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Giáo viên gắn bảng phụ / thẻ chữ của bài tập b lên bảng; HV đọc các từ ngữ; tìm tiếng có vần *op*, *ôp*, *ơp*; phân tích cấu tạo tiếng.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ được đọc (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*con cọp*, *lốp xe*, *lợp nhà*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *op*, *ôp*, *ơp*; cách nối các nét chữ trong *hộp*, *hộp*, *chóp*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát tranh và đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả bài:

Hãy đến lớp tôi

Ở lớp tôi có ngày hội đổi đồ phế liệu lấy quà. Bạn có thể đem hộp bút cũ, chai nhựa, vỏ lon bia, giấy bỏ và nhiều thứ nữa đến để đổi quà. Quà là đồ lưu niệm, túi đi chợ, hạt cây hoặc vài cây nhỏ... Bạn hãy đến góp vui nhé!

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần: *op, ôp, ơp*. (VD: góp ý, nộp bài, chợ mát,...)
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 53.

Bài 53. ep êp ip (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *ep, êp, ip*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ep, êp, ip*; *đôi dép, bếp điện, cái nhíp*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh với các từ ngữ: *đôi dép, bếp điện, cái nhíp*.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *ep, êp, ip*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ / thẻ từ thể hiện các từ ngữ trong bài tập 2b.
- Mẫu chữ *ep, êp, ip* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *ep, êp, ip*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật, đặc điểm (giày dép xếp ngay ngắn, lợn béo múp míp) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 53.
- Học viên quan sát các chữ *dép*, *bếp*, *nhíp* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng vần *ep*, *ép*, *ip* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *d*, *b*, *nh* và dấu sắc, đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *ep*, *ép*, *ip*. Vần *ep* gồm âm *e* và âm *p*; vần *ép* gồm âm *ê* và âm *p*; vần *ip* gồm âm *i* và âm *p*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa 3 vần.

- HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:
 - + Tiếng *dép* có âm đầu *d*, vần *ep*; tiếng *dép* có dấu sắc; đánh vần: *dờ – ep – dep – sắc – dép*; đọc trơn: *dép*.
 - + Tiếng *bếp* có âm đầu *b*, vần *ép*; tiếng *bếp* có dấu sắc; đánh vần: *bờ – ép – bếp – sắc – bếp*; đọc trơn: *bếp*.
 - + Tiếng *nhíp* có âm đầu *nh* vần *ip*; tiếng *nhíp* có dấu sắc; đánh vần: *nhờ – ip – nhíp – sắc – nhíp*; đọc trơn: *nhíp*.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Giáo viên gắn bảng phụ / thẻ chữ của bài tập b lên bảng; HV đọc các từ ngữ; tìm tiếng có vần *ep*, *ép*, *ip*; phân tích cấu tạo tiếng.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ được đọc (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*cá chép*, *đền xếp*, *chim bìm bịp*) rồi gộp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *ep, ép, ip; đôi dép, bếp điện, cái nhíp*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *ep, ép, ip* cách nối các nét chữ trong *dép, bếp, nhíp*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát tranh và đọc câu dưới tranh, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả bài:

Quê nội đẹp quá

Nghỉ hè, Hợp có dịp đi với bố mẹ về quê nội. Ở quê có nhiều ruộng lúa, có ao thả cá. Ao có cá mè, cá chép, cá trắm và rất nhiều tôm tép.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *ep, ép, ip* (VD: khép, đẹp, nếp, kíp, ...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 54.

Bài 54. up ươp iêp (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *up, ươp, iêp*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *up, ươp, iêp, búp, mướp, thiếp*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: cảnh giàn mướp sai quả.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần: *up, ưop, iêp*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *up, ưop, iêp* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *up, ưop, iêp*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật, hoạt động (*giàn mướp, búp non...*) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 54.
- Học viên quan sát các chữ *búp, mướp, tiếp* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng vần *up, ưop, iêp* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *b, m, t* và dấu *sắc*, đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *up, ưop, iêp*. Vần *up* gồm âm *u, p*; vần *ưop* gồm âm *u, ơ, p*; vần *iêp* gồm âm *i, ê, p*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *búp* có âm đầu *b*, vần *up*; dấu *sắc*; đánh vần: *bờ – up – búp – sắc* - *búp*; đọc trơn: *búp*.

+ Tiếng *mướp* có âm đầu *m*, vần *ưop*; dấu *sắc*; đánh vần: *mờ – ưop – mướp – sắc – mướp*; đọc trơn: *mướp*.

+ Tiếng *tiếp* có âm đầu *t*, vần *iêp*; dấu *sắc*; đánh vần: *tờ – iêp – tiếp – sắc – tiếp*; đọc trơn: *tiếp*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên đọc các từ, nếu chưa đọc trơn được các từ có vần mới học thì có thể đánh vần trước khi đọc trơn.
- Giáo viên giải nghĩa các từ HV chưa hiểu.

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*búp sen, cướp cờ, thiệp mời*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *up, uop, iép; búp, mướp, thiệp*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *up, uop, iép* cách nối các nét chữ trong *búp, mướp, thiệp*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Giúp bố làm vườn

Vân hay giúp bố làm vườn. Nhờ thế, em biết thêm bao nhiêu điều về cây cối.

Diếp cá lá to, vị chua nhẹ, thơm dịu. Tía tô lá tím thẫm, thơm đậm đà. Quả mướp thon dài, quả bí đỏ tròn vo, múp míp. Búp ổi nõn nà. Búp đa nhọn, màu đỏ sẫm.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *up, ưop, iêp* (VD: chụp, ướp, diếp,...).

- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 55.

Bài 55. ÔN TẬP (2 tiết)

ap ăp âp op ôp ơp ep êp ip up ươp iêp

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần có âm cuối *p*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *hộp bút, bếp lửa*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung các tranh trong bài đọc.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần cần ôn.
- Nói được những điều mình biết hoặc mình nghĩ về nội dung bài đọc.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện các vần cần ôn (bảng ôn vần) hoặc thể hiện từ ngữ ở bài tập 1.

- Mẫu chữ *hộp bút, bếp lửa* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *hộp bút, bếp lửa*.

- Tranh minh họa và thẻ từ của bài tập 2, 4 (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV dựa vào tên bài để nêu nội dung bài học.

- Học viên nhận xét điểm giống nhau giữa các vần cần ôn (đều kết thúc bằng âm *p*); nói một số từ ngữ chứa tiếng có vần cần ôn.

- Giáo viên giới thiệu bài: Ôn tập các vần có âm cuối *p*: *ap, ăp, âp, op, ôp, ơp, ep, êp, ip, up, ươp, iêp*.

2. Đọc từ ngữ (bài tập 1)

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát tranh, nói sự vật được vẽ trong mỗi tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*bắp ngô, tập võ, chóp núi, hộp bút, tia chớp, dép lê, bếp lửa, rau diếp, ướp cá*), tìm tiếng có vần cần ôn, phân tích cấu tạo tiếng (nếu cần) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 9 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 9 tranh.

3. Đọc câu (bài tập 2)

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp):

+ Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các câu (*Mưa rơi, sấm chớp loảng ngoảng trên bầu trời./ Vườn rau bắp cải tốt tươi sau cơn mưa./ Giàn mướp quả sai trĩu trĩt.*) rồi góp ý cho nhau.

+ Ghép mỗi câu với tranh tương ứng.

- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

4. Viết (bài tập 3)

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ, cách nối các nét chữ trong: *hộp bút, bếp lửa*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

5. Đọc bài (bài tập 4)

- Học viên làm việc cá nhân:

+ Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).

+ Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Mặt trời lên

Mặt trời vừa nhô lên, đàn gà con kêu chiếp chiếp chạy theo gà mẹ ra vườn. Ven đê mới thật là nhộn nhịp. Bò, bê, trâu, ghé nhấm nháp cỏ non. Mấy con ngựa giậm chân bộ bộ trên bãi cỏ.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm thêm các từ ngữ có tiếng chứa vần đã ôn.

- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 56.

Bài 56. ang ăng âng (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *ang, ăng, âng*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ang, ăng, âng, làng, nắng, nâng*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: Một gia đình quây quần ăn cơm tối trong sân nhà, có ánh trăng, cạnh nhà có bụi tre có măng tre,...

- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *ang, ăng, âng*.

- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.

- Mẫu chữ *ang, ăng, âng* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *ang, ăng, âng*.

- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.

- Giáo viên giới thiệu các sự vật (Một gia đình quây quần ăn cơm tối trong sân nhà, có ánh trăng, cạnh nhà có bụi tre có măng tre) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 56.

- Học viên quan sát các vần *ang, ăng, âng* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng vần *ang*, *ăng*, *âng* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *b*, *r*, *v* và dấu *huyền* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *ang*, *ăng*, *âng*. Vần *ang* gồm âm *a* và âm *ng*; vần *ăng* gồm âm *ă* và âm *ng*; vần *âng* gồm âm *â* và âm *ng*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *bàng* có âm đầu *b*, vần *ang*; dấu *huyền*; đánh vần: *bờ – ang – bang – huyền – bàng*; đọc trơn: *bàng*.

+ Tiếng *rặng* có âm đầu *r*, vần *ăng*; dấu *nặng* đánh vần: *rờ – ăng – rặng – nặng – rặng*; đọc trơn: *rặng*.

+ Tiếng *vâng* có âm đầu *v*, vần *âng*; dấu *huyền*; đánh vần: *vờ – âng – vâng – huyền – vâng*; đọc trơn: *vâng*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn vào sách đọc các từ ngữ.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ ngữ (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ viết dưới mỗi tranh (*nặng nề*, *măng tre*, *nâng dậy*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *ang*, *ăng*, *âng*, *làng*, *nặng*, *nâng*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *ang*, *ăng*, *âng* cách nối các nét chữ trong *làng*, *nặng*, *nâng*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc bài

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Măng tre

Măng tre là một thực phẩm mang lại nhiều lợi ích cho sức khỏe. Măng tre là phần non của cây tre, một loại thực vật thân gỗ, sống ở miền quê Việt Nam. Măng tre chế biến các món như: nấu với thịt, xào thịt. Măng tre còn phơi khô để ăn dần.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *ang*, *ăng*, *âng* (VD: sang, đặng, vâng,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 57.

Bài 57. ong ông (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *ong*, *ông*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ong*, *ông*, *đá bóng*, *ven sông*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: Các bạn thanh niên đang chơi đá bóng bên bờ sông.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *ong*, *ông*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *ong*, *ông* phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *ong*, *ông*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật (các thanh niên đang chơi đá bóng bên bờ sông) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 57.
- Học viên quan sát các vần *ong*, *ông* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng vần *ong*, *ông* hoặc dạy đồng thời cả 2 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *b*, *s* và dấu sắc đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *ong*, *ông*. Vần *ong* gồm âm *o* và âm *ng*; vần *ông* gồm âm *ô* và âm *ng*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:
 - + Tiếng *bóng* có âm đầu *b*, vần *ong*; dấu sắc; đánh vần: *bờ – ong – bong – sắc* – *bóng*; đọc trơn: *bóng*
 - + Tiếng *sông* có âm đầu *s*, vần *ông*; đánh vần: *sờ – ông – sông*; đọc trơn: *sông*.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn vào sách học đọc các từ ngữ.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ ngữ (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*lắc vòng*, *chống gậy*, *đàn ngỗng*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *ong, ông, đá bóng, ven sông*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *ong, ông*; cách nối các nét chữ trong *đá bóng, ven sông*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc bài

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Đàn ngỗng nhà bác Mai

Nhà bác Mai nuôi một đàn ngỗng. Ban ngày, đàn ngỗng ra đồng ăn cỏ. Ban đêm đàn ngỗng trông nhà cho bác Mai. Mỗi khi có tiếng động, đàn ngỗng lại kêu ầm ĩ.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Tên riêng và chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *ong, ông* (VD: đồng, công, ...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 58.

Bài 58. ung ưng (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *ung, ưng*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu, đoạn trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ung, ưng; thung lũng, núi rừng*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh, VD: cảnh núi rừng, thung lũng,...
- Nói được tên một số sự vật, hoạt động có tiếng chứa vần *ung, ưng*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Thẻ từ viết các từ ngữ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh và hoạt động được thể hiện trong tranh.
- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ chứa tiếng mới (*thung lũng, núi rừng*) và cho HV biết những tiếng chứa vần mới là nội dung của Bài 58.
- Học viên quan sát các chữ *thung, rừng* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a, GV có thể dạy học xong *ung* rồi đến vần *ưng*, hoặc dạy cùng lúc cả 2 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần và đọc trơn (*u – ng – ung → ung; ư – ng – ưng → ưng*). GV có thể cho HV so sánh 2 vần (đều kết thúc bằng âm ng). HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *thung* có âm đầu là *th*, vần *ung*; đánh vần: *thờ – ung – thung*; đọc trơn: *thung*.

+ Tiếng *rừng* có âm đầu là *r*, vần *ưng*, thanh *huyền*; đánh vần: *rờ – ưng – rừng* – *huyền – rừng*; đọc trơn: *rừng*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần/ đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Đọc trơn các từ ngữ rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên mời HV đọc trước lớp theo yêu cầu (đọc đảo trật tự các từ ngữ).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*bông hồng nhung, quả sung, củ gừng*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các sự vật trong tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *ung, ưng; thung lũng, núi rừng*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ, nối các nét chữ.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:

+ Quan sát tranh, nói nội dung tranh (người, vật được vẽ trong tranh).

+ Đọc tiêu đề đoạn thơ, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả dòng thơ, đoạn thơ:

Thả điều lên	
Vi vu! Vi vu!	Mai nối dài dây
Lưng trời sáo thổi	Cho điều, điều nhớ
Giờ cao hơn núi	Để em cùng điều
Điều em đứng chơi	Bay cao, cao nữa...
...	(Phạm Hồ)

- Giáo viên có thể nêu câu hỏi để HV trả lời về nội dung đoạn thơ. VD:

+ Đoạn thơ nói gì?

+ Câu thơ nào cho thấy điều bay cao?

...

- Giáo viên nhắc HV nhớ: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần: *ung, ung*. (VD: tập trung, sáng bừng,...).

- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 59.

Bài 59. iêng ông ương (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *iêng, ông, ương*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu, đoạn trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *iêng, ông, ương; ruộng nương, chao liêng*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh, ví dụ: cảnh ruộng bậc thang, nương rẫy, công chiêng...

- Nói được tên một số sự vật, hoạt động có tiếng chứa vần *iêng, ông, ương*.

- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Thẻ từ viết các từ ngữ thể hiện nội dung bài tập 2b.

- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh và hoạt động được thể hiện trong tranh.

- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ chứa tiếng mới (*ruộng, nương, chiêng*) và cho HV biết những tiếng chứa vần mới là nội dung của Bài 59.

- Học viên quan sát các chữ *ruộng*, *nương*, *chiêng* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a, GV có thể dạy học xong vần *uông* rồi đến vần *ương*, *iêng* hoặc dạy cùng lúc cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần và đọc trơn (*uô – ng – uông → uông*; *ươ – ng – ương → ương*; *iê – ng – iêng → iêng*). GV có thể cho HV so sánh 2 vần (đều kết thúc bằng âm *ng*). HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *ruộng* có âm đầu là *r*, vần *uông*, thanh *nặng*; đánh vần: *rờ – uông – ruộng – nặng – ruộng*; đọc trơn: *ruộng*.

+ Tiếng *nương* có âm đầu là *n*, vần *ương*; đánh vần: *nờ – ương – nương*; đọc trơn: *nương*.

+ Tiếng *chiêng* có âm đầu là *ch*, vần *iêng*; đánh vần: *chờ – iêng – chiêng*; đọc trơn: *chiêng*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần/ đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Đọc trơn các từ ngữ rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên mời HV đọc trước lớp theo yêu cầu (đọc đảo trật tự các từ ngữ).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*soi gương*, *chao liêng*, *chèo xuồng*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các hoạt động trong tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *iêng*, *uông*, *ương*; *ruộng* *nương*, *chao liêng*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ nổi các nét chữ.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (cảnh vật được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Những giọt sương

Sáng sớm, bạn sẽ nhìn thấy những giọt sương trong vắt đọng trên ngọn cỏ, lá cây... Khi mặt trời lên, những hạt sương sáng lấp lánh như những hạt cườm. Những chú dế mèn uống những giọt sương ấy mỗi ngày nên tiếng gáy của chúng cũng trong vắt như sương.

- Giáo viên hướng dẫn cách ngắt nghỉ khi đọc các câu trong đoạn.
- Giáo viên có thể nêu câu hỏi để HV trả lời về nội dung đoạn được đọc. Ví dụ:
 - + Đoạn văn nói gì?
 - + Bạn thích hình ảnh nào?
- ...
- Giáo viên nhắc HV nhớ: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần: *ung, ung*. (VD: tập trung, sáng bừng,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 60.

Bài 60. anh ênh inh (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *anh, ênh, inh*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *anh, ênh, inh, bức tranh, dòng kênh, kính mắt*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh ví dụ: dòng kênh, bình minh,...
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *anh, ênh, inh*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *anh, ênh, inh* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *anh, ênh, inh*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật (vẽ tranh, bức tranh, dòng kênh, bình minh,...) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 60.
- Học viên quan sát các chữ *tranh, kênh, minh* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng vần *anh, ênh, inh* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *tr, k, m*, dấu *huyền* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *anh, ênh, inh*. Vần *anh* gồm âm *a* và âm *nh*; vần *ênh* gồm âm *ê* và âm *nh*; vần *inh* gồm âm *i* và âm *nh*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân biệt tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:
 - + Tiếng *tranh* có âm đầu *tr*, vần *anh*; đánh vần: *trờ – anh – tranh*; đọc trơn: *tranh*.
 - + Tiếng *kênh* có âm đầu *k*, vần *ênh*; đánh vần: *ca – ênh – kênh*; đọc trơn: *kênh*.
 - + Tiếng *minh* có âm đầu *m*, vần *inh*; đánh vần: *mờ - inh – minh*; đọc trơn: *minh*.
 - + Tiếng *bình* có âm đầu *b*, vần *inh*; tiếng *bình* có dấu *huyền*; đánh vần: *bờ - inh – bình – huyền – bình*; đọc trơn: *bình*.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Giáo viên gắn các tiếng mới lên bảng.
- Học viên làm việc cá nhân: Đọc các tiếng mới: *trong xanh, bông bênh, xinh xắn, lênh khênh*.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*bức tranh, bập bênh, kính mắt*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *anh, ênh, inh, bức tranh, dòng kênh, kính mắt*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *anh, ênh, inh* cách nối các nét chữ trong *tranh, kênh, kính*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát tranh và đọc câu dưới tranh, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu đối hoặc câu / đoạn thơ:
 - *Cây xanh mà lá cũng xanh*
Cái củ trắng nõn nấu canh ngọt lừ.
 - *Cái gì cao lớn lênh khênh*
Đứng mà không tựa ngã kênh ngay ra?
 - *Chiếc kèn nhỏ*
Trắng trắng tinh
Nụ xinh xinh
Thơm thơm ngát.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần: *anh, ênh, inh* (VD: *cành, lênh khênh, xinh, ...*).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 61.

Bài 61. ÔN TẬP (2 tiết) **ang ăng âng ong ông ung ương iêng** **uông ương anh ênh inh**

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần có âm cuối *ng* hoặc *nh* các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *giếng làng, dòng kênh*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh trong bài đọc.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần cần ôn.
- Nói được những điều mình biết hoặc mình nghĩ về nội dung bài đọc.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các HD của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện các vần cần ôn (bảng ôn vần) hoặc thể hiện từ ngữ ở bài tập 1.
- Mẫu chữ *giếng làng, dòng kênh* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *giếng làng, dòng kênh*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài tập 2, 4 (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV dựa vào tên bài để nêu nội dung bài học.
- Học viên nhận xét điểm giống nhau giữa các vần cần ôn (đều kết thúc bằng âm *ng* hoặc *nh*); nói một số từ ngữ chứa tiếng có vần cần ôn.

- Giáo viên giới thiệu bài: Ôn tập các vần có âm cuối *ng* (*ang, ăng, âng, ong, ông, ung, ưng, iêng, uông, ương*) và các vần có âm cuối *nh* (*anh, ênh, inh*).

2. Đọc từ ngữ (bài tập 1)

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 9 tranh, nói sự vật được vẽ trong mỗi tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*giếng làng, dòng kênh, xếp hình, vầng trăng, đường vòng vèo, ruộng nương, sông Hương, bánh chưng, quả sung*), tìm tiếng có vần cần ôn, phân tích cấu tạo tiếng (nếu cần) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 9 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 9 tranh.

3. Đọc câu (bài tập 2)

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp):

+ Quan sát 2 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các câu thơ (*Cái Bống là cái bống bang / Khéo sảy, khéo sàng cho mẹ nấu cơm. / Mẹ Bống đi chợ đường trơn / Bống ra gánh đỡ chạy cơn mưa ròng.*) rồi góp ý cho nhau.

+ Ghép mỗi câu với tranh tương ứng.

- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

TIẾT 2

4. Viết (bài tập 3)

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ, cách nối các nét chữ trong *giếng làng, dòng kênh*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

5. Đọc bài (bài tập 4)

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát các tranh và đọc câu dưới mỗi tranh, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả truyện:

Dê con vâng lời mẹ

Dê mẹ dặn con: Mẹ đi vắng, con nhớ đóng cửa cẩn thận. Đừng mở cửa cho kẻ lạ.

Sói biết dê mẹ đi vắng liền mò đến, giả giọng dê mẹ để gọi cửa.

Nhưng dê con không mở cửa. Sói chừng hừng bỏ đi.

Dê mẹ trở về. Dê con mừng rỡ mở cửa. Nghe con kể, dê mẹ rất mừng vì các con đã biết vâng lời mẹ.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm thêm các từ ngữ có tiếng chứa vần đã ôn.
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 62.

Bài 62. ac ăc âc (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *ac, ăc, âc*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ac, ăc, âc; nhạc, mắc, bạc.*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: cảnh ngôi làng, nhà sàn, bậc thang.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *ac, ăc, âc*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *ac, ăc, âc* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *ac, ăc, âc*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật, hoạt động (bậc thang, chơi nhạc,...) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 62.
- Học viên quan sát các chữ *nhạc, nhấc, bạc* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng vần *ac, ăc, âc* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *nh*, *b* và dấu *nặng*, dấu *sắc* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *ac*, *ắc*, *ác*. Vần *ac* gồm âm *a* và âm *c*; vần *ắc* gồm âm *ă* và âm *c*; vần *ác* gồm âm *â* và âm *c*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *nhạc* có âm đầu *nh*, vần *ac*; dấu *nặng*; đánh vần: *nhờ – ac – nhác – nặng – nhạc*; đọc trơn: *nhạc*.

+ Tiếng *nhắc* có âm đầu *nh*, vần *ắc*; dấu *sắc*; đánh vần: *nhờ – ắc – nhắc – sắc – nhắc*; đọc trơn: *nhắc*.

+ Tiếng *bạc* có âm đầu *b*, vần *ác*; dấu *nặng*; đánh vần: *bờ – ác – bắc – nặng – bạc*; đọc trơn: *bạc*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn vào sách đọc các từ ngữ.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ ngữ (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*mắc áo, bản nhạc, quả gấc*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *ac*, *ắc*, *ác*; *nhạc*, *mắc*, *bạc*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *ac*, *ắc*, *ác* cách nối các nét chữ trong *nhạc*, *mắc*, *bạc*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
- + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
- + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Bé Giang

Giang là con của cô Thanh. Cô Thanh rất bận nên Giang luôn tự giác, không để mẹ nhắc nhở. Ngày nào Giang cũng đến trường đúng giờ giấc. Về nhà, Giang biết nấu cơm, rửa bát giúp mẹ.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần: *ac, ắc, âc* (VD: thác, nhắc, giấc,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 63.

Bài 63. ọc ôc (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *ọc, ôc*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ọc, ôc, thóc, gốc*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: cảnh núi rừng, có dốc núi, có con sóc.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *ọc, ôc*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *ọc, ôc* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *ọc, ôc*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật, hoạt động (*dốc, sóc...*) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 63.
- Học viên quan sát các chữ *sóc, dốc* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *oc, ôc* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *s, d*, dấu sắc đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *oc, ôc*. Vần *oc* gồm âm *o* và âm *c*; vần *ôc* gồm âm *ô* và âm *c*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:
 - + Tiếng *sóc* có âm đầu *s*, vần *oc*; tiếng *sóc* có dấu sắc đánh vần: *sờ – oc – sóc* – sắc - *sóc*; đọc trơn: *sóc*.
 - + Tiếng *dốc* có âm đầu *d*, vần *ôc*; tiếng *dốc* có dấu sắc đánh vần: *dờ – ôc – dốc* – sắc – *dốc*; đọc trơn: *dốc*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn vào sách đọc các từ ngữ.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ ngữ (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*con cóc, hạt thóc, gốc cây*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *oc, ôc, thóc, gốc*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *oc, ôc* cách nối các nét chữ trong *thóc, gốc*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
- + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
- + Đọc tiêu đề đoạn thơ và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn thơ:

Gõ cửa	
- Cốc cốc cốc cốc! Tôi là đám mây Đi khắp đó đây Học bao điều lạ.	- Cốc cốc cốc cốc! Mở cửa giùm tôi Tôi là mặt trời Gọi ngày tươi đẹp Bạn ơi, tới lớp Rộn ràng niềm vui!
- Còn tôi là gió Bay qua cánh đồng Chất chiu mùi hương Trong từng hạt thóc.	(Trà Ngân)

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *oc, ôc* (VD: học, cốc,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 64.

Bài 64. uc ưc (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *uc, ưc*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *uc, ưc, bông cúc, thực phẩm*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: Cảnh biển, có nhiều loại cá đang bơi, trong đó có cá mực, cá nục.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *uc, ưc*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *uc, ưc* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *uc, ưc*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật (cảnh biển, có nhiều loại cá đang bơi) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 64.
- Học viên quan sát các chữ *nục, mực* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *uc, ưc* hoặc dạy đồng thời cả 2 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *n, m* và

dấu *nặng* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *uc*, *ưc*. Vần *uc* gồm âm *u* và âm *c*; vần *ưc* gồm âm *ư* và âm *c*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:
 - + Tiếng *nục* có âm đầu *n*, vần *uc*; dấu *nặng*; đánh vần: *nờ – uc – nục – nặng – nục*; đọc trơn: *nục*.
 - + Tiếng *mực* có âm đầu *m*, vần *ưc*; dấu *nặng*; đánh vần: *mờ – ưc – mực – nặng – mực*; đọc trơn: *mực*.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn vào sách đọc các từ ngữ.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ ngữ (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ viết dưới mỗi tranh (*đông đúc*, *vực sâu*, *thực phẩm*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *uc*, *ưc*, *bông cúc*, *thực phẩm*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *uc*, *ưc*, cách nối các nét chữ trong: *bông cúc*, *thực phẩm*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc bài

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).

+ Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Thức ăn từ cá

Thức ăn từ cá giúp sáng mắt và cải thiện sức khỏe. Cá nục có tác dụng tốt đối với người bị bệnh tim, tiểu đường, huyết áp. Cá mực giúp duy trì sức khỏe cho làn da, cơ bắp,...

Cá có hương vị thơm ngon, dễ chế biến thành các món ăn đa dạng.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *uc*, *ưc* (VD: xúc, tức,...).

- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 65.

Bài 65. iêc uôc ưoc (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *iêc*, *uôc*, *ưoc*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *iêc*, *uôc*, *ưoc*, *xiếc*, *luộc*, *thước*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: một buổi biểu diễn xiếc, có các con vật gấu, khỉ đang diễn xiếc.

- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *iêc*, *uôc*, *ưoc*.

- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.

- Mẫu chữ *iêc*, *uôc*, *ưoc* phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *iêc*, *uôc*, *ưoc*.

- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.

- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ chứa tiếng mới (*rạp xiếc, cuộc đua, rước kiệu*) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 65.

- Học viên quan sát các vần *iêc, uôc, ươc* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *iêc, uôc, ươc* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *x, c, r* và dấu *sắc, dấu nặng* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *iêc, uôc, ươc*. Vần *iêc* gồm âm *iê* và âm *c*; vần *uôc* gồm âm *uô* và âm *c*; vần *ươc* gồm âm *ươ* và âm *c*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *xiếc* có âm đầu *x*, vần *iêc*; dấu *sắc*; đánh vần: *xờ – iêc – xiếc – sắc – xiếc*; đọc trơn: *xiếc*.

+ Tiếng *cuộc* có âm đầu *c*, vần *uôc*; dấu *nặng*; đánh vần: *cờ – uôc – cuốc – nặng – cuộc*; đọc trơn: *cuộc*.

+ Tiếng *rước* có âm đầu *r*, vần *ươc*; dấu *sắc*; đánh vần: *rờ – ươc – rước – sắc – rước*; đọc trơn: *rước*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn vào sách đọc các từ ngữ.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ ngữ (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*rạp xiếc, rau luộc, thước kẻ*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *iếc, uộc, ược, xiếc, luộc, thước*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *iếc, uộc, ược* cách nối các nét chữ trong *xiếc, luộc, thước*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Rau xanh

Rau xanh cung cấp vi-ta-min và các chất cần thiết cho cơ thể. Để giữ được dinh dưỡng và màu xanh của rau cần phải luộc rau theo các bước sau đây:

- Trước tiên, đun sôi nước, cho một thìa muối rồi cho rau vào nồi.
- Để bếp ở nhiệt độ cao, mở nắp vung.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Tên riêng và chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *iếc, uộc, ược* (VD: tiếc, cuộc, trước, ...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 66.

BÀI 66. ach êch ich (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *ach, êch, ich*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu, đoạn trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ach, êch, ich; du khách, từ lịch.*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh, VD: đầm nước, con ếch, chim chích bông đậu trên cành...
- Nói được tên một số sự vật, hoạt động có tiếng chứa vần *ach, êch, ich*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Thẻ từ viết các từ ngữ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh và hoạt động được thể hiện trong tranh.
- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ chứa tiếng mới (*ngựa bạch, con ếch, chích bông*) và cho HV biết những tiếng chứa vần mới là nội dung của Bài 66.
- Học viên quan sát các chữ *bạch, ếch, chích* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a, GV có thể dạy học xong *ach* rồi đến vần *êch, ich*, hoặc dạy cùng lúc cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần và đọc trơn (*a – ch – ach → ach; ê – ch – êch → êch; i – ch –*

ich → *ich*). GV có thể cho HV so sánh 3 vần (đều kết thúc bằng âm *ch*). HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *bạch* có âm đầu là *b*, vần *ach*, dấu *nặng*; đánh vần: *bờ – ach – bach – nặng – bạch*; đọc trơn: *bạch*.

+ Tiếng *ếch*, không có âm đầu, vần *êch*, dấu *sắc*; đánh vần: *ê – ch – êch – sắc – ếch*; đọc trơn: *ếch*.

+ Tiếng *chích* có âm đầu là *ch*, vần *ich*, dấu *sắc*; đánh vần: *chờ – ich – chích – sắc – chích*; đọc trơn: *chích*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần/ đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Đọc trơn các từ ngữ rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên mời HV đọc trước lớp theo yêu cầu (đọc đảo trật tự các từ ngữ).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 2 tranh, nói cảnh vật được vẽ trong tranh (*Khách du lịch rất thích đến Sa Pa./ Thư viện có rất nhiều sách báo*); đọc câu dưới mỗi tranh.

- Học viên đọc các câu theo cặp hoặc nhóm rồi góp ý cho nhau.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *ach, êch, ich; du khách, tò lịch*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ nổi các nét chữ.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:

+ Quan sát tranh, nói nội dung tranh (người, vật được vẽ trong tranh).

+ Đọc tiêu đề đoạn văn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu, đoạn:

Đêm Trung thu

Đêm Trung thu, trăng sáng vàng vạc. Tiếng trống ếch vang lên rộn ràng khắp ngõ phố. Các em nhỏ cùng nhau rước đèn, phá cỗ. Ai cũng mang theo chiếc đèn yêu thích của mình. Em thì xách đèn lồng, em thì mang đèn xếp, em thì rước đèn ông sao năm cánh... Tiếng nói, tiếng cười giòn tan trong ánh trăng.

- Giáo viên có thể nêu câu hỏi để HV trả lời về nội dung đoạn đã đọc. VD:

+ Đoạn văn nói về điều gì?

+ Các bạn nhỏ có những loại đèn Trung thu nào?

...

- Giáo viên nhắc HV nhớ: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần *ach*, *êch*, *ich*. (VD: đọc sách, trắng bệch, tích cực,...).

- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 67.

Bài 67. ÔN TẬP (2 tiết)

ac ăc âc oc ôc uc ưc iêc uôc ươc ach êch ich

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các tiếng có âm cuối *c*, *ch*, các từ ngữ có tiếng chứa vần có âm cuối *c*, *ch*. Đọc lưu loát câu, đoạn ngắn được học. Hiểu nghĩa của các từ ngữ, nội dung của câu trong bài học; trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.

2. Viết

Viết đúng các vần, các tiếng chứa vần đã học (*đọc sách*, *rước đuốc*, *nhắc việc*).

3. Nói và nghe

Nói và nghe về các con vật (dựa vào tranh minh họa).

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu học tập có tranh minh họa hoặc bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 1, 3 (nếu có).

- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu từ, câu.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nhìn tranh, nói và viết tên các con vật

- *Cá nhân:*

+ Quan sát các tranh trong tài liệu học, nói tên các con vật được vẽ trong tranh.

+ Viết tên các vật. VD: lạc đà, sóc, ốc sên, mực, bạch tuộc, chim cuốc.

- *Nhóm / cả lớp:*

+ Ghép mỗi từ ngữ với tranh thích hợp (nếu chuẩn bị được thẻ tranh và thẻ chữ).

+ Đối chiếu và thống nhất kết quả với các nhóm hoặc nghe các bạn nhận xét.

2. Đọc

- *Cá nhân / cặp:*

+ Đọc các từ ngữ trong bảng.

- *Nhóm:*

+ Nhóm trưởng chỉ vào từ ngữ bất kì trong bảng và mời bạn đọc.

+ Cả nhóm nhận xét.

3. Ghép câu với hình thích hợp

- *Cá nhân / cặp:*

+ Quan sát 3 hình vẽ/ tranh vẽ, nói nội dung từng tranh (trả lời câu hỏi: Tranh vẽ gì?).

+ Đọc 3 câu. Dựa vào nội dung hình vẽ, ghép câu phù hợp với hình.

+ Thống nhất cách ghép câu với hình với các bạn.

- *Lớp:* Học viên chữa bài chung cả lớp theo HD của GV:

+ Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài trước lớp (nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong sách phóng to). HV ghép câu với hình.

+ Giáo viên và HV khác nhận xét.

+ Giáo viên nhắc HV nhớ: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.

TIẾT 2

4. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *đọc sách, rước đuốc, nhắc việc.*

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ nối các nét chữ với nhau.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

5. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
- + Quan sát tranh, nói nội dung tranh.
- + Đọc nhan đề bài thơ, đọc các khổ thơ. Có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn các câu:

Một mái nhà chung		
Mái nhà của chim	Mái nhà của em	Mọi mái nhà riêng
Lợp nghìn lá biếc	Nghiêng giàn gấc đỏ	Có mái nhà chung
Mái nhà của cá	Mái nhà của bạn	Rực rỡ vòm cao
Sóng xanh rập rình.	Hoa giấy lớp hồng.	Bảy sắc cầu vồng.
Mái nhà của nhím	Mọi mái nhà riêng	Bạn ơi, ngược mắt
Sâu trong lòng đất	Có mái nhà chung	Ngược mắt lên trông
Mái nhà của ốc	Là bầu trời xanh	Bạn ơi, hãy hát
Tròn vo bên mình.	Xanh đến vô cùng.	Hát câu cuối cùng:
		Một mái nhà chung
		Một mái nhà chung.
		(Định Hải)

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.
- Giáo viên có thể nêu câu hỏi và mời HV trả lời. VD:
- + Bài thơ nói về nhà của những nhân vật, con vật nào?
- + Tác giả bài thơ muốn nhắn nhủ điều gì qua ý thơ?

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa các vần đã học.
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 68.

Bài 68. oa oe (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần oa, oe; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *oa, oe, hoà bình, mạnh khoẻ*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về sân tập thể dục với các từ ngữ về sức khoẻ, hoa khoe sắc,...
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *oa, oe*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ / thẻ từ thể hiện các từ ngữ của bài tập 2b.
- Mẫu chữ *oa, oe* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *oa, oe*.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các hoạt động, sự vật, đặc điểm (tập thể dục, khoẻ mạnh, hoa khoe sắc,...) trong bức tranh. Đó là các tiếng chứa vần cần học của Bài 68.
- Học viên quan sát các chữ *hoà, khoẻ* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *oa, oe* hoặc dạy đồng thời cả 2 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, âm *h, kh, dấu huyền, dấu hỏi* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *oa, oe*. Vần *oa* gồm âm *o* và âm *a*; vần *oe* gồm âm *o* và âm *e*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa 2 vần.

- Học viên đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *hoà* có âm đầu *h*, vần *oa*; tiếng *hòa* có dấu *huyền* đánh vần: *hờ – oa – hoa – huyền – hoà*; đọc trơn: *hoà*.

+ Tiếng *khỏe* có âm đầu *kh*, vần *oe*; tiếng *khỏi* có dấu *hỏi*; đánh vần: *khờ – oe – khoe – hỏi – khoẻ*; đọc trơn: *khỏe*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Giáo viên gắn bảng phụ / thẻ chữ của bài tập b lên bảng; HV nhìn bảng và đọc các từ ngữ; tìm tiếng có vần *oa, oe*; phân tích cấu tạo tiếng.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 4 tranh, nói sự vật có trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*chích choè, múa xoè, chìa khoá, tàu hoả*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 4 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các sự vật trong 4 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *oa, oe*; cách nối các nét chữ trong *hoà, khoẻ*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát tranh và đọc câu dưới tranh, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả bài:

Hoa ban ở Sơn La

Tháng Ba, hoa ban ở Sơn La bắt đầu nở. Trong cành lá loà xoà, những bông hoa đầu tiên xoè nở, khoe cánh mỏng manh, trắng muốt. Hoa ban đẹp nhất lúc mặt trời lên, khi nắng mới hoe vàng.

Đến Sơn La, ai cũng muốn được ngắm rừng hoa ban vào mùa hoa nở rộ. Ngày nay, nhiều nơi trên đất nước ta có hoa ban.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần *oa, oe* (VD: toà nhà, nhoè,...)

- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 69.

Bài 69. oai oay (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *oai, oay*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *oai, oay, ngoái lại, xoay tròn*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về phòng làm việc với các từ ngữ: *ghế xoay, đĩa xoài, điện thoại,...*
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *oai, oay*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ / thẻ từ thể hiện các từ ngữ của bài tập 2b.
- Mẫu chữ *oai, oay* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *oai, oay*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật (*ghế xoay, đĩa xoài, điện thoại,...*) trong bức tranh. Đó là các tiếng chứa vần cần học của Bài 69.
- Học viên quan sát các chữ *ngoái, xoay* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng vần *oai, oay* hoặc dạy đồng thời cả 2 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, âm *ng, x, dấu sắc*

đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *oai, oay*. Vần *oai* gồm các âm *o, a, i*; vần *oay* gồm âm *o, a, y* (đọc *y* là *i dài*). GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa 2 vần.

- Học viên đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

- + Tiếng *ngoái* có âm đầu *ng*, vần *oai*; tiếng *ngoài* có dấu *sắc*; đánh vần: *ngờ – oai – ngoai – sắc – ngoái*; đọc trơn: *ngoái*.

- + Tiếng *xoay* có âm đầu *x*, vần *oay*; đánh vần: *xờ – oay – xoay*; đọc trơn: *xoay*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Giáo viên gắn bảng phụ / thẻ chữ của bài tập b lên bảng; HV nhìn bảng và đọc các từ ngữ; tìm tiếng có vần *oai, oay*; phân tích cấu tạo tiếng.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 4 tranh, nói sự vật có trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*điện thoại, khoai tây, lốc xoáy, ghế xoay*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 4 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các sự vật trong 4 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *oai, oay*; cách nối các nét chữ trong *ngoái, xoay*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát tranh và đọc tiêu đề, các câu trong đoạn, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả bài:

Trống Choai đã lớn

Bây giờ, Trống Choai chẳng quần quanh bên mẹ nữa mà đã biết tự kiếm mồi. Đôi chân chú bới đất cứ nhoay nhoáy, rõ ra một chàng gà mới lớn khoẻ mạnh.

Trống Choai bắt chước dáng đi oai vệ của anh gà trống tía. Có lúc đang đi, chú xoay mình một vòng, xoè cánh bay vút lên đồng củi. Lúc ấy, trông Trống Choai mạnh mẽ đến nỗi mấy chú gà nhép phải ngoái nhìn đầy vẻ thán phục.

(Minh Thông)

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần *oai*, *oay* (VD: nhoài người, nhoay nhoáy...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 70.

Bài 70. oan oăn (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *oan*, *oăn*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *oan*, *oăn*, *đoàn kết*, *khỏe khoăn*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: cảnh đường núi ngoằn ngoèo, bên đường có cây xoan đang nở hoa.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *oan*, *oăn*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *oan*, *oăn* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *oan*, *oăn*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.

- Giáo viên giới thiệu các sự vật, hoạt động (*hoa xoan, vòng xoăn...*) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 70.

- Học viên quan sát các chữ *xoan, xoăn* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *oan, oăn* hoặc dạy đồng thời cả 2 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, âm x, và dấu sắc đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *oan, oăn*. Vần *oan* gồm âm o, a, n; vần *oăn* gồm âm o, ă, n. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *xoan* có âm đầu x, vần *oan*; đánh vần: xờ – oan – xoan; đọc trơn: xoan.

+ Tiếng *xoăn* có âm đầu x, vần *oăn*; dấu sắc; đánh vần: xờ - oăn – xoăn – sắc – xoăn; đọc trơn: xoăn.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn vào sách đọc các từ ngữ.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ ngữ (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*mũi khoan, ngoan ngoăn, tóc xoăn*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết oan, oăn, đoàn kết, khỏe khoắn.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *oan*, *oăn* cách nối các nét chữ trong *đoàn*, *khoắn*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Ru em

Em của Loan đặt tên là Bắp. Em Bắp đáng yêu lắm, chẳng khóc nhè đâu. Em có đôi mắt đen tròn và mái tóc xoăn, hệt như Loan vậy.

Loan thích ngồi ngắm em Bắp ngủ. Loan còn khe khẽ hát ru em: “Ru em... em ngủ cho ngoan, để mẹ đi chăm cây lúa trên non...”.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn, tên người phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần *oan*, *oăn* (VD: ngoan ngoãn, bắn khoăn,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 71.

BÀI 71. oang oăng oanh (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *oang*, *oăng*, *oanh*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *oang, oăng, oanh, khoáng, hoăng, khoan*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: cảnh dòng suối, bên suối có một vài con hoẵng đang gặm cỏ...
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *oang, oăng, oanh*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b
- Mẫu chữ *oang, oăng, oanh* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *oang, oăng, oanh*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật, hoạt động (*suối khoáng, con hoẵng, chim oanh,...*) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 71.
- Học viên quan sát các chữ *khoáng, hoăng, oanh* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *oang, oăng, oanh* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *kh, h, dấu sắc, dấu ngã* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *oang, oăng, oanh*. Vần *oang* gồm các âm *o, a, ng*; vần *oăng* gồm âm *o, ă, ng*; vần *oanh* gồm các âm *o, a, nh*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *khoáng* có âm đầu *kh*, vần *oang*; dấu *sắc*; đánh vần: *khờ – oang – khoáng – sắc – khoáng*; đọc trơn: *khoáng*.

+ Tiếng *hoăng* có âm đầu *h*, vần *oăng*; dấu *ngã*; đánh vần: *hờ – oăng – hoăng – ngã – hoăng*; đọc trơn: *hoăng*.

+ Tiếng *oanh* không có âm đầu, vần *oanh*; đánh vần: *o – a – nhờ – oanh*; đọc trơn: *oanh*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn vào sách đọc các từ ngữ.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ ngữ (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*quạ khoang, con hoẵng, chim oanh*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *oang, oẵng, oanh; khoáng, hoẵng, khoan*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *oang, oẵng, oanh* cách nối các nét chữ trong *khoảng, hoẵng, khoan*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Mùa hè đến

Mùa hè đến, khu rừng choàng lên mình chiếc áo vàng rực của nắng. Bên suối, mấy chú hoẵng con đang mãi mê uống nước. Đàn chim hoàng oanh lông vàng óng, líu lo ca hát. Thỉnh thoảng, gió từ đồng cỏ ven rừng thổi tới, mang theo mùi hương hoa cỏ dịu dàng. Khu rừng đẹp như một bức tranh.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần *oang, oăng, oanh* (VD: thoáng, dài ngoằng, mới toanh,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 72.

Bài 72. oat oăt (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *oat, oăt*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *oat, oăt, hoạt bát, thoăn thoắt*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: các cô thợ dệt làm việc thoăn thoắt.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *oat, oăt*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *oat, oăt* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *oat, oăt*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật (các cô gái đang dệt vải *thoăn thoắt*, trông rất *hoạt bát*) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 72.
- Học viên quan sát các vần *oat, oăt* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *oat*, *oăt* hoặc dạy đồng thời cả 2 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *h*, *th* và dấu *sắc*, dấu *nặng* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *oat*, *oăt*. Vần *oat* gồm âm *oa* và âm *t*; vần *oăt* gồm âm *oă* và âm *t*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

- + Tiếng *hoạt* có âm đầu *h*, vần *oat*; dấu *nặng*; đánh vần: *hờ – oat – hoạt – nặng – hoạt*; đọc trơn: *hoạt*.

- + Tiếng *thoắt* có âm đầu *th*, vần *oăt*; dấu *sắc*; đánh vần: *thờ – oăt – thoắt – sắc – thoắt*; đọc trơn: *thoắt*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Giáo viên gắn các tiếng mới lên bảng.

- Học viên làm việc cá nhân: Đọc các tiếng mới: *kiểm soát*, *loắt choắt*, *trắng toát*, *lưu loát*.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ viết dưới mỗi tranh (*soát vé*, *đoạt giải*, *nhọn hoắt*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *oat*, *oăt*, *hoạt* bát, *thoăn* *thoắt*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *oat*, *oăt* cách nối các nét chữ trong *hoạt* bát, *thoăn* *thoắt*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
- + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
- + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Lượm (Trích)	
Chú bé loắt choắt	Ca-lô đội lệch
Cái xắc xinh xinh	Mồm huýt sáo vang
Cái chân thoăn thoắt	Như con chim chích
Cái đầu nghênh nghênh	Nhảy trên đường vàng...
(Tố Hữu)	

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần *oat*, *oắt* (VD: thoát, oắt,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 73.

BÀI 73. oac oăc oach (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *oac*, *oăc*, *oach*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *oac*, *oăc*, *oach*, *khoác*, *hoạch*, *ngoặc*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: áo khoác mùa đông, cô gái gánh lúa, ngoắc tay.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *oac*, *oăc*, *oach*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b
- Mẫu chữ *oac*, *oăc*, *oach* phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *oac*, *oăc*, *oach*.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật (áo khoác mùa đông, cô gái gánh lúa, ngoắc tay) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 73.
- Học viên quan sát các chữ *oac*, *oăc*, *oach* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *oac*, *oăc*, *oach* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *kh*, *ng*, *h*, và dấu *sắc*, dấu *nặng* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *oac*, *oăc*, *oach*. Vần *oac* gồm âm *oa* và âm *c*; vần *oăc* gồm âm *oă* và âm *c*; vần *oach* gồm âm *oa* và âm *ch*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:
 - + Tiếng *khoác* có âm đầu *kh*, vần *oac*; dấu *sắc*; đánh vần: *khờ – oac – khoac – sắc – khoác*; đọc trơn: *khoác*.
 - + Tiếng *ngoắc* có âm đầu *ng*, vần *oăc*; dấu *sắc*; đánh vần: *ngờ – oăc – ngoắc – sắc – ngoắc*; đọc trơn: *ngoắc*.
 - + Tiếng *hoạch* có âm đầu *h*, vần *oach*; dấu *nặng*; đánh vần: *hờ – oach – hoach – nặng – hoạch*; đọc trơn: *hoạch*.
- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Giáo viên gắn các tiếng mới lên bảng.
- Học viên làm việc cá nhân: Đọc các tiếng mới: *xé toạc, dẫu ngoặc, kế hoạch, khoác lác*.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 2 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*xoạc chân, ngã oạch*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 2 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các sự vật trong 2 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *oac, oắc, oach, khoác, hoạch, ngoặc*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *oac, oắc, oach* cách nối các nét chữ trong *khoác, hoạch, ngoặc*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc bài

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Thu hoạch và bảo quản ngô

Cây ngô là một trong những cây lương thực quan trọng đối với bà con miền núi. Gieo trồng, chăm bón, thu hoạch và bảo quản ngô là việc làm được bà con rất quan tâm.

Thời điểm thu hoạch tốt nhất là khi ngô chín già. Sau khi được làm khô, bắp ngô được bảo quản kín ở nơi khô ráo, thoáng đãng.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần *oac, oăc, oach* (VD: toác, ngoắc, xoạch).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 74.

Bài 74. ÔN TẬP (2 tiết)

**oa oe oan oay oai oăn oang oăng oanh
oat oăt oac oăc oach**

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các tiếng có các vần *oa, oe, oai, oay, oang, oăng, oanh, oat, oăt, oac, oăc, oach*, các từ ngữ có tiếng chứa vần đã học.
- Đọc lưu loát câu, đoạn ngắn được học. Hiểu nghĩa của các từ ngữ, nội dung của câu trong bài học.

2. Viết

Viết đúng các vần, các tiếng chứa vần đã học (*hoạt bát, thoăn thoắt, thấp thoáng*).

3. Nói và nghe

Nói và nghe về các sự vật trong tranh.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu học tập có tranh minh họa hoặc bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 1, 3 (nếu có).
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu từ, câu.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nhìn tranh, nói và viết tên các vật

- *Cá nhân*:
 - + Quan sát các tranh trong sách học viên, nói tên các vật được vẽ trong tranh.
 - + Viết tên các vật, VD: *loa, ghế xoay, hoa xoan, áo khoác, quả xoài, nước khoáng*.
- *Nhóm / cả lớp*:
 - + Ghép mỗi từ ngữ với tranh thích hợp (nếu chuẩn bị được thẻ tranh và thẻ chữ).
 - + Đối chiếu và thống nhất kết quả với các nhóm hoặc nghe các bạn nhận xét.

2. Đọc

- *Cá nhân / cặp*:
 - + Đọc các từ ngữ trong bảng.

- *Nhóm:*

+ Nhóm trưởng chỉ vào từ ngữ bất kì trong bảng và mời bạn đọc.

+ Cả nhóm nhận xét.

3. Ghép cụm từ với hình thích hợp

- *Cá nhân / cặp:*

+ Quan sát 3 hình vẽ/ tranh vẽ, nói nội dung từng tranh (trả lời câu hỏi: Tranh vẽ gì?).

+ Đọc các từ ngữ với mỗi hình/ tranh. Dựa vào nội dung hình vẽ, ghép từ ngữ (cụm từ) phù hợp với hình.

+ Thống nhất cách ghép cụm từ với hình với các bạn.

- *Lớp:* Học viên chữa bài chung cả lớp theo HD của GV:

+ Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài trước lớp (nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong sách phóng to). HV ghép cụm từ với hình.

+ Giáo viên và HV khác nhận xét.

TIẾT 2

4. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *hoạt bát, thoăn thoắt, thấp thoáng.*

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ nối các nét chữ với nhau.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

5. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:

+ Quan sát tranh, nói nội dung tranh.

+ Đọc nhan đề bài thơ, đọc các khổ thơ. Có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn các câu:

Vườn quê

Mùa thu về quê ngoại
Bà lại ra vườn nhà
Trẩy cho cháu quả na
Và cho quả trái thị.

Mảnh vườn bà xanh thắm
Nắng trở như hoa cau
Cây bưởi bà trồng đó
Đã bói quả khi nào.

Gió đưa thoảng hương vào
Cả một vùng cúc nở
Những cánh hoa nhẹ ngả
Trên tay bà nâng niu...

Mùa thu về quê ngoại
Cháu nhớ nhiều khi xa...

(Nguyễn Thanh Kim)

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc nối tiếp từng câu, từng khổ và nghe cả nhóm nhận xét.

- Giáo viên có thể nêu câu hỏi và mời HV trả lời. VD:

+ Vườn quê được tả vào mùa nào?

+ Tác giả bài thơ muốn nhấn nhủ điều gì qua ý thơ?

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa các vần đã học.

- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 75.

Bài 75. uê uy uơ (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *uê, uy, uơ*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu, đoạn trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *uê, uy, uơ; hoa huệ, lũy tre, thưở xưa*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh, VD: *lũy tre, cây hoa huệ, voi hươ vôi,...*

- Nói được tên một số sự vật, hoạt động có tiếng chứa vần: *uê, uy, uơ*.

- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Thẻ từ viết các từ ngữ thể hiện nội dung bài tập 2b.

- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh và hoạt động được thể hiện trong tranh.

- Giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ chứa tiếng mới (*hoa huệ, lũy tre, hươ vôi*) và cho HV biết những tiếng chứa vần mới là nội dung của Bài 75.

- Học viên quan sát các chữ: *hoa huệ, lũy tre, hươ vôi* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Bài tập a, GV có thể dạy học xong *uê* rồi đến vần *uy*, *uơ*, hoặc dạy cùng lúc cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần và đọc trơn (*u – ê – uê → uê; u – y – uy → uy; u – ơ – uơ → uơ*). HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV, Ví dụ:

+ Tiếng *huệ* có âm đầu là *h*, vần *uê*, thanh *nặng*; đánh vần: *hờ – uê – huê – nặng – huệ*; đọc trơn: *huệ*.

+ Tiếng *lũy* có âm đầu là *l*, vần *uy*, thanh *ngã*; đánh vần: *lờ – uy – luy – ngã – lũy*; đọc trơn: *lũy*.

+ Tiếng *huơ* có âm đầu *h*, vần *uơ*; đánh vần: *h – uơ – huơ*; đọc trơn: *huơ*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần/ đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Đọc trơn các từ ngữ rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên mời HV đọc trước lớp theo yêu cầu (đọc đảo trật tự các từ ngữ).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 2 tranh, nói vật được vẽ trong tranh; đọc từ ngữ dưới mỗi tranh.

- Học viên đọc từ ngữ theo cặp hoặc nhóm rồi góp ý cho nhau.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *uê, uy, uơ; hoa huệ, lũy tre, thuở xưa*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ nổi các nét chữ.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:

+ Quan sát tranh, nói nội dung tranh.

+ Đọc tiêu đề đoạn văn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu, đoạn:

Làng quê

Đất nước Việt Nam ta bốn mùa cây cối xum xuê. Trong tâm trí mỗi người hình ảnh làng quê dường như không thể thiếu vắng lũy tre xanh và những cánh cò trắng bay lả bay la trên đồng lúa.

- Giáo viên có thể nêu câu hỏi để HV trả lời về nội dung đoạn đã đọc. VD:

+ Đoạn văn nói về cảnh vật ở đâu?

+ Nơi đó có cảnh vật nào quen thuộc?

...

- Giáo viên nhắc HV nhớ: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần *uê, uy, uơ* (VD: trí tuệ, suy nghĩ, hươu tay,...).

- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 76.

Bài 76. uya uây (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *uya, uây*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *uya, uây, po-luya, khuya, khuấy, nguây*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: một người ngồi trên nhà sàn ngắm trăng.

- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *uya, uây*.

- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.

- Mẫu chữ *uya, uây* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *uya, uây*.

- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật trong bức tranh (*đêm khuya, khuấy khoả*). Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 76.
- Học viên quan sát các vần *uya, uây* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng/ chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *uya, uây* hoặc dạy đồng thời cả 2 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, âm *kh* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *uya, uây*. Vần *uya* gồm âm *uy* và âm *a*; vần *uây* gồm âm *uâ* và âm *y*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *khuya* có âm đầu *kh*, vần *uya*; đánh vần: *khờ - uya - khuya*; đọc trơn: *khuya*.

+ Tiếng *khuây* có âm đầu *kh*, vần *uây*; đánh vần: *khờ - uây - khuây* – đọc trơn: *khuây*

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Giáo viên gắn các tiếng mới lên bảng.

- Học viên làm việc cá nhân: Đọc các tiếng mới: *ngoe nguẩy, thức khuya*.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 2 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ viết dưới mỗi tranh (*giấy po-luya, khuấy bột*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 2 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 2 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *uya, uây, pơ-luya, khuya, khuấy, nguây*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *uya, uây* cách nối các nét chữ trong *pơ-luya, khuya, khuấy, nguây*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Con mực

Nhà ông Bảo có con chó rất khôn. Ông Bảo đặt tên cho nó là Mực. Hễ có người lạ hoặc có tiếng động lạ, con Mực sủa rất to để báo cho chủ nhà biết. Con Mực cứ quần quýt bên ông chủ. Mỗi khi ông Bảo đi làm về khuya, nghe bước chân ông ngoài ngõ, nó chạy ra đón. Cái đuôi con Mực cứ ngoe nguẩy, tỏ ý mừng rỡ lắm.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần: *uya, uây* (VD: khuya khoắt, quây quần...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 77.

Bài 77. uân uât (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *uân, uât*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *uân, uât, mùa xuân, nghệ thuật*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: một người đang khuôn vác, các cô gái đang thêu thùa.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *uân, uât*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *uân, uât* phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *uân, uât*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.
- Giáo viên giới thiệu các sự vật trong bức tranh (*khuân vác, nghệ thuật*). Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 77.
- Học viên quan sát các vần *uân, uât* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng/ chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *uân, uât* hoặc dạy đồng thời cả 2 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *kh, th* và dấu *nặng* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *uân, uât*. Vần *uân* gồm âm *uâ* và âm *n*; vần *uât* gồm âm *uâ* và âm *t*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *khuân* có âm đầu *kh*, vần *uân*; đánh vần: *khờ – uân – khuôn*; đọc trơn: *khuân*.

+ Tiếng *thuật* có âm đầu *th*, vần *uât*; dấu *nặng*; đánh vần: *thờ – uât – thuật – nặng - thuật*; đọc trơn: *thuật*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Giáo viên gắn các tiếng mới lên bảng.
- Học viên làm việc cá nhân: Đọc các tiếng mới: *sản xuất, bàn luận, tuần tra*.
- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp.
- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 2 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*xuất phát, mùa xuân*) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 2 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 2 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *uân, uất, mùa xuân, nghệ thuật*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *uân, uất* cách nối các nét chữ trong *mùa xuân, nghệ thuật*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết: trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề bài thơ và các câu trong bài, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / bài:

Xuân về

Trên giàn lữ bướm lượn đùa chơi
Chắc bởi nàng Xuân đã gọi mời
Cúc ngõ vườn mình khoe vẻ đẹp
Lan đường vẫn thẹn dấu màu tươi
Thềm bên thiếu nữ thăm mong đợi
Ngõ cạnh chàng trai cứ ngẩn người
Nắng trải chan hòa chim rộn rã
Sang mùa dựng tổ cũng tìm đôi.

(Theo Phong Mai)

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng có vần *uyên, uyêt* (VD: quân, quất).

- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 78.

Bài 78. uyên uyêt uyt (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *uyên, uyêt, uyt*, các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *uyên, uyêt, uyt, truyện, duyệt, buýt*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh: cảnh bé trai đọc truyện, xa xa ngoài đường có xe buýt đang đi.

- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *uyên, uyêt, uyt*.

- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.

- Mẫu chữ *uyên, uyêt, uyt* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD, HV viết chữ *uyên, uyêt, uyt*.

- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.

- Giáo viên giới thiệu các sự vật, hoạt động (đọc truyện, xe buýt,...) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ chứa tiếng có vần cần học của Bài 78.

- Học viên quan sát các chữ *truyện, duyệt, buýt* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, GV có thể dạy học lần lượt từng vần *uyên*, *uyêt*, *uyt* hoặc dạy đồng thời cả 3 vần.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *tr*, *t*, *b* và dấu *sắc*, dấu *nặng* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *uyên*, *uyêt*, *uyt*. Vần *uyên* gồm âm *u*, *yê*, *n*; vần *uyêt* gồm âm *u*, *yê*, *t*; vần *uyt* gồm âm *u*, *y*, *t*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *truyện* có âm đầu *tr*, vần *uyên*; dấu *nặng*; đánh vần: *trờ – uyên – truyện – nặng – truyện*; đọc trơn: *truyện*.

+ Tiếng *tuyệt* có âm đầu *t*, vần *uyêt*; dấu *nặng*; đánh vần: *tờ – uyêt – tuyết – nặng – tuyết*; đọc trơn: *tuyệt*.

+ Tiếng *buýt* có âm đầu *b*, vần *uyt*, dấu *sắc*; đánh vần: *bờ – uyt – buyt – sắc – buýt*; đọc trơn: *buýt*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn vào sách đọc các từ ngữ.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ ngữ (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*bóng chuyền*, *cây nguyệt quế*, *tuýt còi*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *uyên*, *uyêt*, *uyt*, *truyện*, *duyet*, *buýt*.

- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ *uyên*, *uyêt*, *uyt* cách nối các nét chữ trong *truyện*, *duyet*, *buýt*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:
 - + Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).
 - + Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Vành khuyên làm tổ

Vành khuyên hỏi mẹ:

- Mẹ ơi, con có thể làm một ngôi nhà trên cành hoa giẻ không?

Chim mẹ dịu dàng trả lời:

- Con nên tìm một cái cây có cành cứng cáp.

Vành khuyên bay một vòng tìm kiếm. Cuối cùng, chú quyết định sẽ làm tổ trên cây quýt. Chú chăm chỉ tha rơm, sợi cỏ và lá khô, kết thành chiếc tổ xinh xắn.

Nhìn từ trên cao, tổ của vành khuyên trông như một chiếc thuyền thúng giữa biển lá xanh. Những chú chim trong vườn bay qua đều thốt lên:

- Đẹp tuyệt!

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa các vần *uyên*, *uyêt*, *uyt* (VD: thuyền, tuyết, nguýt,...).
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 79.

Bài 79. VẦN ÍT DÙNG (2 tiết)

uyu uynh uych uênh uêch

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *uyu*, *uynh*, *uych*, *uênh*, *uêch*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *khúc khuỷu*, *huênh hoang*, *huých tay*.

3. Nói và nghe

- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *uyu, uynh, uych, uênh, uêch*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ *khúc khuỷu, huênh hoang, huých tay* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *khúc khuỷu, huênh hoang, huých tay*.
- Tranh minh hoạ và thẻ câu của bài tập 2 (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Đọc vần từ ngữ

- Giáo viên yêu cầu HV dựa vào tên bài để nêu nội dung bài học.
- Giáo viên giới thiệu các vần ít dùng học trong bài.
- Học viên quan sát các vần *uyu, uynh, uych, uênh, uêch* và các chữ *khúc khuỷu, huênh hoang, huỳnh huých, nguệch ngoạc* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.
- Giáo viên có thể dạy học lần lượt từng vần *uyu, uynh, uych, uênh, uêch* hoặc dạy theo nhóm, VD: *uyu, uynh, uych/ uênh, uêch*.
- Học viên quan sát bài tập 1 trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *kh, h, ng*, các dấu: *huyền, sắc, hỏi* đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *uyu, uynh, uych, uênh, uêch*. GV hướng dẫn HV so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần theo nhóm: *uyu, uynh, uych, / uênh, uêch*.
- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:
 - + Tiếng *khúc* có âm đầu *kh*, vần *uc*; dấu *sắc*; đánh vần: *khờ - úc - khúc - sắc - khúc*; đọc trơn: *khúc*.
 - + Tiếng *khuỷu* có âm đầu *kh*, vần *uyu*; dấu *hỏi*; đánh vần: *khờ - uyu - khuyu - hỏi - khuỷu*; đọc trơn: *khuỷu*.
 - + Tiếng *huênh* có âm đầu *h*, vần *uênh*; đánh vần: *hờ - uênh - huênh*; đọc trơn: *huênh*.
 - + Tiếng *hoang* có âm đầu *h*, vần *oang*; đánh vần: *hờ - oang - hoang*; đọc trơn: *hoang*.
 - + Tiếng *huỳnh* có âm đầu *h*, vần *uynh*; dấu *huyền* đánh vần: *hờ - uynh - huynh - huyền - huỳnh*; đọc trơn: *huỳnh*.
 - + Tiếng *huých* có âm đầu *h*, vần *uych*; dấu *nặng* đánh vần: *hờ - uych - huych - nặng - huých*; đọc trơn: *huých*.
 - + Tiếng *nguệch* có âm đầu *ng*, vần *uêch*; dấu *nặng* đánh vần: *ngờ - uêch - nguêch - nặng - nguệch*; đọc trơn: *nguệch*.

+ Tiếng *ngoạc* có âm đầu *ng*, vần *oac*; dấu *nặng* đánh vần: *ngờ - oac – ngoac - nặng – ngoạc*; đọc trơn: *ngoạc*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

2. Ghép câu với hình thích hợp

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp):

+ Quan sát 4 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các câu (*Con đường khúc khuỷu./Cậu bé chạy huỳnh huých trên sân./Chữ viết nguệch ngoạc. /Thỏ huênh hoang cho rằng rùa sẽ thua cuộc.*) rồi góp ý cho nhau.

+ Ghép mỗi câu với tranh tương ứng.

- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết *khúc khuỷu, huênh hoang, huých tay*.

- Học viên nghe GV nêu cách nối các nét chữ trong *khúc khuỷu, huênh hoang, huých tay*.

- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.

- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.

- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân:

+ Quan sát tranh, nói nội dung tranh (sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh).

+ Đọc tiêu đề đoạn văn và các câu trong đoạn, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu / đoạn:

Chú cáo huênh hoang

Một ngày nọ, cáo nói với voi:

- Tớ chỉ cần huých khuỷu tay là cậu sẽ ngã lăn kèn!

- Ồ, cậu khoẻ thật!

Voi con vừa nói vừa khệnh chân, giờ vùi nhấc bổng cáo khỏi mặt đất. Cáo sợ quá, la toáng lên:

- Ồi, tớ ngã mất thôi.

Voi bảo:

- Từ nay, cậu chớ khoác lác nữa nhé!

Cáo lí nhí trả lời:

- Tớ... sẽ không thế nữa!

Từ đó, cáo không dám huênh hoang nữa.

- Giáo viên có thể nói cho HV biết: Chữ cái đầu của tiếng/ từ đầu mỗi câu trong đoạn phải viết hoa.

- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong bài.

- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 80.

Bài 80. eng ec uêu oao oeo oam oăm (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần *eng, ec, uêu, oao, oeo, oam, oăm*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *eng, ec, uêu, oao, oeo, oam, oăm*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh gắn với các từ *ngoằn ngoèo, sâu hoắm,...*

- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần *eng, ec, uêu, oao, oeo, oam, oăm*.

- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.

- Mẫu chữ *eng, ec, uêu, oao, oeo, oam, oăm* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD; HV viết chữ *eng, ec, uêu, oao, oeo, oam, oăm*.

- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên, đặc điểm của các sự vật trong tranh.

- Giáo viên giới thiệu các sự vật (con đường ngoằn ngoèo, vực sâu hoắm,...) trong bức tranh; dựa vào tranh để giới thiệu Bài 80.

- Học viên quan sát các chữ *beng, séc, ngoao, ngoeo, ngoàm, hoắm* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng vần *eng, ec, uêu, oao, oeo, oam, oăm* hoặc dạy theo nhóm, VD: *eng, ec / uêu / oao, oeo / oam, oăm*.

- Học viên quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *b, s, ng, h*, và các dấu thanh đã học ở các bài học trước. Vần mới của bài học hôm nay là: *eng, ec, uêu, oao, oeo, oam, oăm*. GV hướng dẫn HV phân tích cấu tạo từng vần, so sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần theo nhóm *eng, ec / uêu / oao, oeo / oam, oăm*.

- Học viên phân tích tiếng, đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV. Ví dụ:

+ Tiếng *beng* có âm đầu *b*, vần *eng*; đánh vần: *bờ - eng - beng*; đọc trơn: *beng*.

+ Tiếng *séc* có âm đầu *s*, vần *ec*; tiếng *séc* có dấu *sắc*; đánh vần: *sờ - ec - séc - sắc - séc*; đọc trơn: *séc*.

+ Tiếng *ngoao* có âm đầu *ng*, vần *oao*; đánh vần: *ngờ - oao - ngoao*; đọc trơn: *ngoao*.

+ Tiếng *ngoẹo* có âm đầu *ng*, vần *oeo*; tiếng *ngoẹo* có dấu *nặng*; đánh vần: *ngờ - oeo - ngoeo - nặng - ngoẹo*; đọc trơn: *ngoẹo*.

+ Tiếng *ngoàm* có âm đầu *ng*, vần *oam*; tiếng *ngoàm* có dấu *huyền*; đánh vần: *ngờ - oam - ngoam - huyền - ngoàm*; đọc trơn: *ngoàm*.

+ Tiếng *hoắm* có âm đầu *h*, vần *oăm*; tiếng *hoắm* có dấu *sắc*; đánh vần: *hờ - oăm - hoắm - sắc - hoắm*; đọc trơn: *hoắm*.

- Học viên luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- Giáo viên mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

b) Bài tập b

- Học viên nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- Học viên làm việc cá nhân: Viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- Học viên làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- Giáo viên hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

c) Bài tập c

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): quan sát 6 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*cái xẻng, xe təc, nguầu ngoào, khoeo chân, mỏ khoằm, gầu ngoạm*) rồi góp ý cho nhau.

- Giáo viên gắn 6 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 6 tranh.

TIẾT 2

3. Viết

- Học viên đọc các chữ sẽ viết: *eng, ec, uêu, oao, oeo, oam, oăm*.
- Học viên nghe GV nêu cách viết chữ: *eng, ec, uêu, oao, oeo, oam, oăm*.
- Học viên nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- Học viên viết nháp trước khi viết vào vở.
- Học viên góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát tranh và đọc câu dưới tranh, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu: *Trâu nhai cỏ nhồm nhoàm./ Bé Bi ngoéo tay với anh Nam./ Giếng nước sâu hoắm./ Lợn kêu eng éc./ Mèo kêu ngoao ngoao.*
- Học viên làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm một số từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong bài.
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 81.

Bài 81. ÔN TẬP (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các vần có âm đệm viết bằng hoặc o; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Chọn đúng *ng* hoặc *ngh* điền vào chỗ trống.
- Nhìn - viết được câu: *Tiếng nói cười ríu rít làm rộn rã cả xóm làng.*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh trong bài đọc.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa vần cần ôn.
- Nói được những điều mình biết hoặc mình nghĩ về nội dung bài đọc.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các hoạt động của bài học.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ thể hiện các vần cần ôn (bài tập 1).
- Bảng phụ thể hiện các bài viết (bài tập 4).
- Bảng phụ thể hiện bài đọc và các câu hỏi (bài tập 3).
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài tập 2 (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Tìm tiếng chứa một vần dưới đây (bài tập 1)

- Giáo viên gắn bảng phụ (bài tập 1), giới thiệu các vần cần ôn.
- Học viên đọc các vần; nhận xét điểm giống nhau giữa các vần cần ôn (đều bắt đầu bằng *u* hoặc *o*).
- Học viên nói một số từ ngữ chứa tiếng có vần cần ôn.

2. Ghép từ với hình thích hợp (bài tập 2)

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): Quan sát tranh, nói sự vật được vẽ trong mỗi tranh; đọc các từ ngữ bên cạnh mỗi tranh (*thuyền buồm, bông tuyết, hoa huệ, xe buýt, ghế xoay, đèn huỳnh quang*) tìm tiếng có vần cần ôn, phân tích cấu tạo tiếng (nếu cần) rồi góp ý cho nhau.
- Giáo viên gắn 6 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- Giáo viên mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 6 tranh.

3. Đọc bài (bài tập 3)

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc theo cặp):
 - + Đọc bài “*Rước đèn*”; tìm tiếng chứa vần đã ôn.
 - + Trả lời câu hỏi tìm hiểu bài.
- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

4. Viết (bài tập 4)

a) Chọn chữ ng hay ngh?

- Giáo viên gắn bảng phụ có bài tập 4a lên bảng; hướng dẫn HV làm bài.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp: chọn *ng/ngh* phù hợp với chỗ trống.
- Học viên viết lại từ ngữ: *nghe nhạc, ngồi nghỉ, ngành nghề*.
- Học viên đọc to từ ngữ trong nhóm và trước lớp.

b) Tập chép

- Giáo viên gắn bảng phụ có bài tập 4b lên bảng; mời HV đọc câu: *Tiếng nói cười ríu rít làm rộn rã cả xóm làng*.

- Giáo viên hướng dẫn HV viết hoa chữ cái đầu câu (có thể viết kiểu chữ in hoa), dấu chấm cuối câu.
- Học viên nhìn bảng, chép bài.
- Học viên đối chiếu kết quả với bài viết trên bảng phụ, sửa lỗi (nếu có).

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV tìm thêm các từ ngữ có tiếng chứa vần đã ôn.
- Giáo viên nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 82.

Bài 82. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng các âm, vần, từ, câu, đoạn, bài ngắn đã học. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nội dung của câu.

2. Viết

- Viết đúng từ ngữ chứa tiếng có âm, vần dễ lẫn.
- Viết được câu đơn giản để trả lời câu hỏi.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu học tập (bài kiểm tra đọc – viết).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Luyện đọc thành tiếng

- Giáo viên nêu yêu cầu: đọc to, rõ ràng các âm, vần, tiếng, từ, đoạn thơ /bài đồng dao.
- Từng HV đọc theo yêu cầu của bài kiểm tra.
- Giáo viên/ cả lớp nhận xét.

2. Viết

- Học viên làm bài tập viết theo yêu cầu.
- + Nối từ ngữ với hình thích hợp.
- + Nhìn tranh, chọn eo/oe điền vào chỗ trống để hoàn thành từ ngữ.
- + Nhìn tranh, tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu.
- + Viết tiếp để hoàn thành câu.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

- Học viên rà soát và sửa chữa bài làm.
- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả bài làm của HV.

LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

Chủ điểm: GIA ĐÌNH

Bài 1. CHIẾC ÁO MỚI NGÀY XUÂN (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Chiếc áo mới ngày xuân*. Kết hợp đọc chữ và xem tranh để hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Chiếc áo mới ngày xuân* theo câu hỏi gợi ý.

3. Viết: Tô và viết chữ hoa A, Ă, Â.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Mẫu chữ hoa A, Ă, Â phóng to; phần mềm hướng dẫn viết chữ A, Ă, Â.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Từng HV kể lại một việc người thân đã làm cho mình. Có thể nêu lí do vì sao mình nhớ việc làm đó của người thân.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Nhân vật xưng “tôi” trong câu chuyện kể lại kỉ niệm tuổi thơ của mình.
- Giáo viên / HV đọc toàn bài trước lớp. 3 HV đọc nối tiếp 3 đoạn.
- Học viên đọc nối tiếp trong nhóm.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Bạn nhỏ được mẹ mua áo mới vào dịp nào?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
- Học viên trả lời câu hỏi (Bạn nhỏ được mẹ mua áo mới vào dịp Tết).
- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Bạn cảm thấy thế nào khi mặc chiếc áo mới?).
- Học viên trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời, VD: Mặc áo mới mẹ mua, bạn nhỏ cảm thấy vui rộn ràng. Sau này, cuộc sống bớt khó khăn,

Tết nào cũng được mẹ mua cho quần áo mới, nhưng bạn nhỏ vẫn yêu nhất chiếc áo mới ngày xuân năm đó.

- Giáo viên nêu câu hỏi 3 (Vì sao bạn yêu nhất chiếc áo đó?).

- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau, VD: Chiếc áo mới ngày xuân năm đó nhắc nhở kỉ niệm về mẹ, lưu giữ tấm lòng yêu thương con vô bờ của cha mẹ. / Tấm áo đó có được là nhờ sự tảo tần, vất vả sớm hôm của cha mẹ./...

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo: Kể chuyện.

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Chiếc áo mới ngày xuân*.

- Học viên làm việc cá nhân: Tập kể lại câu chuyện dựa vào gợi ý.

- Học viên làm việc nhóm: Từng thành viên kể chuyện và nêu nhận xét về một nhân vật trong câu chuyện. Cả nhóm góp ý.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Tô và viết chữ hoa.

4. Viết

a) Tô và viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Tô và viết chữ hoa A, Ă, Â và câu ứng dụng: *Anh em thuận hoà là nhà có phúc*.

- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa A, Ă, Â; phân tích điểm giống và khác của 3 chữ đó.

- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa A, Ă, Â.

- Giáo viên có thể hướng dẫn cụ thể chữ A như sau:

- + Chữ hoa A cao 5 li.
- + Chữ hoa A được viết bằng 3 nét: Nét 1 gần giống nét móc ngược trái nhưng hơi lượn sang bên phải ở phía trên. Nét 2 là nét móc ngược phải. Nét 3 là nét lượn ngang.
- + Cách viết:
 - Nét 1: Đặt bút ở đường kẻ 3, viết nét móc ngược trái từ dưới lên, lượn sang phải ở phía trên đến đường kẻ 6 thì dừng lại.
 - Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết tiếp nét móc ngược phải, đến đường kẻ 2 thì dừng lại.
 - Nét 3: Từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên khoảng giữa thân chữ gần phía bên trái nét 1, viết nét lượn ngang thân chữ từ trái qua phải, dừng bút cách bên phải nét 2 một đoạn ngắn.

- Chữ Ă và Â, cách viết tương tự, nhưng thêm nét như sau:
- + Chữ Ă: viết nét cong dưới nhỏ trên đỉnh đầu chữ A (dấu á).
- + Chữ Â: viết nét thẳng xiên ngắn trái nối với nét thẳng xiên ngắn phải để tạo dấu mũ (đầu nhọn của dấu mũ chạm đường kẻ 7) trên đầu chữ A.
- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng: *Anh em thuận hoà là nhà có phúc.*

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng, nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

IV. Củng cố, dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 1.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà đọc hoặc kể lại câu chuyện *Chiếc áo mới ngày xuân* cho người thân nghe.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 2.

Bài 2

KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

- 1. Đọc:** Đọc đúng, rõ ràng đoạn thơ, biết ngắt hơi ở chỗ kết thúc dòng thơ. Hiểu được suy nghĩ, cảm xúc, lời tâm tình của người mẹ thể hiện qua lời thơ.
- 2. Nói và nghe:** Biết nói về người thân trong gia đình (qua chủ điểm luyện nói: *Công cha nghĩa mẹ*).
- 3. Viết:** Viết đúng chính tả bài ca dao theo hình thức nhìn – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng c, k.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* (có thể giới thiệu để HV tìm đọc).
- Tranh ảnh thể hiện tình cảm của người thân trong gia đình (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Học viên làm việc theo nhóm: Từng HV đọc hoặc hát một vài câu hát ru (hoặc nêu cảm xúc của mình khi nghe các làn điệu hát ru).

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Nhân vật chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc trong bài thơ là người mẹ đang đợi con lên nương trả bắp.
- Giáo viên đọc toàn bài (đoạn thơ) trước lớp, sau đó 2 – 3 HV đọc bài trước lớp.
- Học viên đọc cá nhân (đọc nhắm/ đọc thầm), sau đó từng HV đọc theo nhóm, cả nhóm góp ý.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Theo bạn, bài thơ là lời của ai nói với ai?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
- 2 – 3 HV trả lời câu hỏi. (Bài thơ là lời của người mẹ nói với con – em cu Tai).
- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Vì sao em cu Tai ngủ trên lưng mẹ?)
- Học viên trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời, VD: Vì mẹ đợi em lên nương trả bắp./ Vì người mẹ đảm đang, vừa trông con, vừa làm nương rẫy./...
- Giáo viên nêu câu hỏi 3. (Hai dòng thơ cuối muốn nói điều gì?)
- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm nhận xét câu trả lời của mỗi thành viên.
- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các ý kiến hợp lí, VD: Con là “mặt trời” của mẹ./ Nếu mặt trời đem lại sự sống cho muôn cây bắp và vạn vật thì con đem lại niềm vui, sức sống, niềm hy vọng của mẹ./...
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo: Nói và nghe về chủ đề *Công cha nghĩa mẹ*.

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu luyện nói theo chủ đề: *Công cha nghĩa mẹ*.
- 1 – 2 HV đọc trước lớp yêu cầu và gợi ý trong sách.
- Học viên làm việc cá nhân: Chuẩn bị nội dung trình bày dựa vào gợi ý.
- Học viên làm việc nhóm: Từng thành viên phát biểu ý kiến theo suy nghĩ, cảm xúc chân thực của mình. Cả nhóm góp ý.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Nhìn – viết bài ca dao và làm bài tập phân biệt quy tắc viết từ ngữ chứa tiếng mở đầu bằng c/ k.

4. Viết

a) Nhìn – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp bài ca dao.

- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày các câu 6 chữ, câu 8 chữ trong bài ca dao lục bát; GV nhắc HV chú ý viết hoa các chữ cái đầu dòng thơ (có thể viết chữ hoa in).

- Học viên làm việc cá nhân: Chép bài ca dao vào vở, sau đó đọc soát và sửa lỗi.

- Học viên làm việc nhóm: Đọc bài để góp ý cho nhau.

- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

b) Làm bài tập phân biệt c/ k

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.

- Học viên nhìn tranh và nêu lên các từ có tiếng mở đầu bằng c/ k.

- Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.

- Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

- Giáo viên nhắc HV ghi nhớ quy tắc viết c/ k. (Chữ k + e, ê, i).

IV. Củng cố, Dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 2.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà đọc cho người thân nghe bài thơ đã học hoặc tìm đọc toàn bộ bài thơ theo nguyên tác.

- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 3.

Bài 3. CON YÊU BỐ (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng, rõ ràng đoạn thơ, biết ngắt hơi ở chỗ kết thúc dòng thơ. Hiểu được suy nghĩ, tình cảm của người con qua việc kể lại những gì bố làm cho mình.

2. Luyện từ và câu (Luyện tập gắn với văn bản đọc): Tìm được những từ ngữ chỉ người thân trong gia đình; biết sử dụng từ ngữ tìm được để nói câu thể hiện cảm nghĩ về người thân.

3. Viết: Tìm được từ ngữ thích hợp để hoàn thành câu và viết câu đã hoàn thành vào vở.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Những tập thơ hoặc bài thơ nói về tình cảm gia đình (có thể giới thiệu để HV tìm đọc).

- Tranh ảnh, sơ đồ thể hiện mối quan hệ của các nhân vật trong gia đình (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Học viên làm việc theo nhóm: Từng HV nêu ý kiến của mình/ trả lời câu hỏi: Theo bạn, những người con mong muốn điều gì ở cha mình?

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Nhân vật (người con/ bạn nhỏ) chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình về những điều bố làm cho mình.
- Giáo viên đọc toàn bài (3 khổ thơ) trước lớp, sau đó 3 HV đọc nối tiếp 3 khổ thơ trước lớp.
- Học viên đọc cá nhân (đọc nhẩm/ đọc thầm), sau đó từng HV đọc theo nhóm, cả nhóm góp ý.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Bạn nhỏ thấy bữa sáng thế nào?) và 3 phương án lựa chọn.
- Học viên đọc lướt lại khổ thơ đầu để chọn phương án trả lời đúng.
- 1 – 2 HV trả lời câu hỏi. (Phương án thứ 3 - Bạn nhỏ thấy bữa sáng thật vui).
- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Bố đã làm những gì cho bạn nhỏ?).
- Học viên đọc lướt 3 khổ thơ để tìm câu trả lời.
- Học viên trao đổi nhóm, thống nhất cách trả lời đúng và đầy đủ, VD: Bố cùng mẹ nấu bữa sáng. Bố đưa đón con đi học. Bố chơi cùng, học bài cùng, giúp con làm những bài tập khó...
- Giáo viên nêu yêu cầu 3. (Nêu nhận xét của bạn về người bố trong bài thơ.)
- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm nhận xét câu trả lời của mỗi thành viên.
- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các ý kiến hợp lí, VD: Bố yêu con, quan tâm, chăm sóc con./ Bố luôn ở bên con./...
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo: Luyện tập gắn với bài đọc.

2. Luyện từ và câu (Luyện tập gắn với văn bản đọc)

- Giáo viên nêu yêu cầu: Có 3 bài tập. Bài 1 và 2 yêu cầu tìm những từ ngữ chỉ người thân trong gia đình; bài 3 yêu cầu sử dụng từ ngữ tìm được để nói 2 - 3 câu về người thân.
- Bài tập 1, 2: Học viên làm việc nhóm. Từng HV nêu các từ ngữ tìm được.
- + Từ ngữ chỉ người thân có trong bài *Con yêu bố*: bố, mẹ, con.
- + Tìm thêm từ ngữ chỉ người thân: anh, chị, em, ông, bà,...

Lưu ý: Giáo viên có thể hướng dẫn HV hiểu về quy mô gia đình lớn, nhỏ để tìm được nhiều từ ngữ. Có thể sử dụng sơ đồ để HV nêu được nhiều từ ngữ về người trong gia đình bên nội, bên ngoại.

- Bài tập 3: Học viên làm việc cá nhân (chuẩn bị 2 – 3 câu nói về gia đình), sau đó làm việc nhóm. Từng HV phát biểu ý kiến, cả nhóm góp ý.

- Giáo viên mời 2 – 3 HV nói trước lớp. GV và cả lớp nhận xét.

4. Viết

- Giáo viên giới thiệu thêm tranh ảnh về ngày Tết sum họp.

- Giáo viên mời nhiều HV nói câu về nội dung tranh ảnh được quan sát.

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc yêu cầu của hoạt động viết trước lớp.

- Giáo viên mời nhiều HV nêu nội dung tranh trong sách.

- Học viên làm việc cá nhân, tự tìm từ ngữ thích hợp để hoàn thành câu dưới tranh.

- Học viên làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp: từng HV nói câu của mình, các thành viên khác và GV nhận xét, góp ý:

+ Câu hoàn thành có phù hợp với nội dung tranh hay không?

+ Câu đã trình bày ý trọn vẹn hay không?

IV. Củng cố, dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 3.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà đọc cho người thân nghe bài thơ đã học hoặc tìm đọc toàn bộ bài thơ theo nguyên tác.

- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 4.

Chủ điểm: THIÊN NHIÊN ĐẤT NƯỚC

Bài 4. SỰ TÍCH VÙNG ĐẤT ĐỎ TÂY NGUYÊN (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Sự tích vùng đất đỏ Tây Nguyên*. Hiểu nội dung và ý nghĩa câu chuyện: Giải thích nguồn gốc của vùng đất đỏ Tây Nguyên.

2. Nói và nghe: Dựa vào tranh và gợi ý, kể lại được câu chuyện *Sự tích vùng đất đỏ Tây Nguyên*.

3. Viết: Tô và viết chữ hoa B, P, R.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Mẫu chữ hoa B, P, R phóng to; phần mềm hướng dẫn viết chữ B, P, R.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

- Giáo viên nêu câu hỏi trong sách (Khu vực Tây Nguyên của nước ta gồm những tỉnh nào? Ở Tây Nguyên có sản vật gì nổi tiếng?).
- Học viên trao đổi theo cặp; phát biểu ý kiến trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, bổ sung thông tin:
 - + Các tỉnh Tây Nguyên: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng.
 - + Tây Nguyên có nhiều sản vật nổi tiếng, VD: cà phê, hồ tiêu, sâm Ngọc Linh, các loại hoa trái,...
- Giáo viên giới thiệu bài đọc *Sự tích vùng đất đỏ Tây Nguyên*.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn truyện; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài (VD: *Đó /chính là vùng đất đỏ Tây Nguyên giàu có và đẹp đẽ / ngày nay.*).
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Học viên đọc cá nhân, nhóm, lớp (nối tiếp, đồng thanh,...): đọc từ ngữ, đọc câu, đọc bài.

b) Đọc hiểu

- Học viên đọc thầm câu hỏi, trao đổi theo cặp; sau đó nêu ý kiến trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, chốt câu trả lời đúng:
 - (1) Vì sao dân làng không chịu nổi sự xuất hiện của rồng lửa? (Vì rồng phun lửa làm nước sông suối sôi sùng sục.)
 - (2) Chàng Khoẻ đã làm gì để trừ họa cho dân làng? (Rồng lửa vừa bay đến, chàng Khoẻ nhổ một cây to, phang tới tấp; xách một quả núi, ném mạnh vào đầu rồng lửa khiến nó lăn ra chết.)
 - (3) Câu chuyện nhằm giải thích điều gì? (Câu chuyện nhằm giải thích nguồn gốc của vùng đất đỏ Tây Nguyên.)

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu: dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý để kể lại câu chuyện *Sự tích vùng đất đỏ Tây Nguyên*.
- Học viên làm việc cá nhân: Tập kể lại câu chuyện dựa vào gợi ý.
- Học viên làm việc nhóm: Từng thành viên kể chuyện và nêu nhận xét về một nhân vật trong câu chuyện. Cả nhóm góp ý.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Tô và viết chữ hoa.

4. Viết

a) Tô và viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Tô và viết chữ hoa P, B, R và từ ngữ ứng dụng (*Bình Phước, Phan Rang*).

- Giáo viên có thể hướng dẫn cụ thể chữ B như sau:

- + Chữ hoa B cao 5 li.
- + Chữ hoa B được viết bằng 2 nét. Nét 1: gần giống nét móc ngược trái nhưng phía trên hơi lượn sang phải, đầu móc cong vào phía trong. Nét 2: kết hợp 2 nét (cong trên và cong phải) nối liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ giữa thân chữ.
- + Cách viết:
 - Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ (ĐK) 6, hơi lượn bút sang trái viết nét móc ngược trái (đầu móc cong vào phía trong); DB trên ĐK 2.
 - Nét 2: Từ điểm DB của nét 1, lia bút lên ĐK 5 (bên trái nét móc) viết tiếp nét cong trên và cong phải liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ gần giữa thân chữ (ĐK 4); DB ở khoảng giữa ĐK 2 và ĐK 3.

- Viết chữ hoa P, R: Thực hiện tương tự như khi viết chữ hoa B. Lưu ý về cấu tạo độ cao và cách viết:

- Chữ hoa P:
 - + Chữ hoa P cao 5 li.
 - + Chữ hoa P được viết bằng 2 nét. Nét 1: giống nét 1 của chữ hoa B (phần móc hẹp hơn một chút). Nét 2: là nét cong trên hai đầu nét lượn vào trong không đều nhau.
 - + Cách viết:
 - Nét 1: Giống cách viết nét 1 của chữ hoa B.
 - Nét 2: Từ điểm DB của nét 1, lia bút lên ĐK 5 (bên trái nét móc) viết tiếp nét cong trên, cuối nét lượn vào trong; DB gần ĐK 5.
- Chữ hoa R:
 - + Chữ hoa R cao: 5 li.
 - + Chữ hoa R được viết bằng 2 nét. Nét 1: giống nét 1 của chữ hoa B. Nét 2: là kết hợp của hai nét cong trên (đầu móc ngược vào trong) và móc ngược phải nối liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ giữa thân chữ (tương tự như ở chữ hoa B).
 - Quy trình viết:
 - Nét 1: Giống cách viết nét 1 của chữ hoa B.
 - Nét 2: Từ điểm DB của nét 1, lia bút lên ĐK 5 (bên trái nét móc) viết tiếp nét cong trên, cuối nét lượn vào giữa thân chữ tạo vòng xoắn nhỏ (giữa ĐK 3 và ĐK 4) rồi viết tiếp nét móc ngược phải; DB trên ĐK 2.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng, nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 4.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà đọc hoặc kể lại câu chuyện *Sự tích vùng đất đỏ Tây Nguyên* cho người thân nghe.
- Đọc bài thơ “*Hạ Long*”.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 5.

Bài 5. VIỆT NAM (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu trong bài *Việt Nam*. Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài thơ: Bài thơ ca ngợi cảnh đẹp Việt Nam; thể hiện tình cảm yêu mến và niềm tự hào của tác giả đối với quê hương, đất nước.

2. Nói và nghe: Dựa vào gợi ý, trao đổi với bạn về hiểu biết và cảm xúc của bản thân về thiên nhiên, về những việc nên làm để thích nghi với thiên nhiên.

3. Viết:

- Nghe – viết được 4 dòng đầu của bài đọc *Việt Nam*.
- Chọn đúng chữ *g / gh* phù hợp với chỗ trống.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ viết sẵn đoạn thơ của bài tập chính tả; một số thẻ *g, gh* để HV gắn vào chỗ trống.
- Tranh và câu hỏi gợi ý hỗ trợ hoạt động nghe - nói (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

- Giáo viên nêu câu hỏi trong sách (Hãy nói về một vùng đất mà bạn biết trên đất nước ta. Thiên nhiên nơi đó để lại cho bạn ấn tượng gì?) và gợi ý thêm để HV trao đổi.
- Học viên trao đổi theo cặp; phát biểu ý kiến trước lớp.
- Giáo viên giới thiệu bài đọc *Việt Nam*.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn bài thơ; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc một số câu thơ (VD: *Việt Nam / đẹp khắp trăm miền. // Bốn mùa / một sắc trời riêng / đất này.*).

- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.

- Học viên đọc cá nhân, nhóm, lớp (nối tiếp, đồng thanh,...): đọc từ ngữ, đọc câu, đọc bài.

b) Đọc hiểu

- Học viên đọc thầm câu hỏi, trao đổi theo cặp; sau đó nêu ý kiến trước lớp.

- Giáo viên nhận xét, chốt câu trả lời đúng:

(1) Bài thơ nhắc đến những loại hoa, trái nào trên đất nước ta? (Bài thơ nhắc một số loại hoa, trái trên đất nước ta: sen, sầu riêng, xoài, cam, dừa, cau.)

(2) Những từ ngữ, hình ảnh nào trong bài thơ cho thấy “*Việt Nam đẹp khắp trăm miền*”? (Đó là các từ ngữ, hình ảnh: bốn mùa một sắc trời riêng đất này; xóm làng, đồng ruộng, rừng cây; non cao gió đặng; sông đầy nắng chan; sum sê xoài biếc, cam vàng, dừa nghiêng, cau thẳng hàng hàng nắng soi.)

(3) Dựa vào 2 dòng thơ yêu thích, nói cảm nhận về đẹp của đất nước ta. (HV nói cảm nhận về vẻ đẹp của đất nước thể hiện qua 2 dòng thơ. VD: 2 dòng thơ “*Xóm làng, đồng ruộng, rừng cây / Non cao gió đặng, sông đầy nắng chan*” cho thấy vẻ đẹp trù phú, tươi đẹp của đất nước ta).

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu: Hôm nay, chúng ta sẽ trao đổi về đề tài *Làm bạn với thiên nhiên*: những điều bạn biết, bạn nghĩ về thiên nhiên, những việc chúng ta nên làm để sống chung với thiên nhiên.

- Giáo viên hướng dẫn HV trao đổi trong nhóm theo 2 nhiệm vụ trong tài liệu học sinh.

(1) Nói về thiên nhiên địa phương

- Thời tiết địa phương dễ chịu hoặc không dễ chịu?
- Thiên nhiên (đồi núi, sông suối, cây cối,...) ở địa phương xinh đẹp (hoặc chưa đẹp) và giàu có (hoặc không giàu có) như thế nào? Vì sao?
- Thời tiết và đất đai ở địa phương phù hợp với để nuôi những con vật gì hoặc trồng những loại cây gì? Vì sao?

(2) Nói về những việc nên làm để thích nghi với thiên nhiên

- Nên chọn trang phục (quần áo, khăn, mũ nón,...) cho phù hợp thời tiết:
- Cần lợp lại mái nhà, đắp cao đường trước mùa mưa bão.
- Cần che chắn gió mưa cho con vật, cây cối vào mùa lạnh, mùa mưa,...

- Trao đổi trước lớp: Một số HV hỏi – đáp (theo cặp hoặc ngẫu nhiên), chia sẻ nội dung đã trao đổi trong nhóm.

- Học viên nhận xét, rút kinh nghiệm; GV góp ý thêm.

4. Viết

a) Nghe – viết: *Việt Nam* (4 dòng thơ đầu).

- Giáo viên nêu yêu cầu nghe – viết.
- Giáo viên mời 1 – 2 HV đọc lại đoạn thơ trước lớp.
- Giáo viên hướng dẫn HV:
 - + Viết hoa chữ cái đầu tên bài, đầu dòng thơ.
 - + Viết những tiếng khó hoặc tiếng dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.
- Giáo viên đọc tên bài, đọc từng dòng thơ cho HV viết vào vở.
- Giáo viên đọc lại đoạn thơ cho HV soát lại bài viết (hoặc dùng bảng phụ, máy chiếu).
- Giáo viên hướng dẫn HV chữa một số bài trên lớp; HV chữa bài của mình.

b) Chọn g hoặc gh thích hợp với mỗi chỗ trống

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập: chọn *g / gh* thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn thành hai đoạn thơ.
- Cả lớp làm bài vào vở.
- Giáo viên chữa bài trên bảng: *ghé, ghé gỗ, gồng gánh*.
- Giáo viên hướng dẫn HV chữa lỗi.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Giáo viên tổ chức cho HV viết 1 - 2 câu giới thiệu cảnh vật thiên nhiên ở địa phương. Nếu không còn thời gian, GV hướng dẫn HV luyện viết ở nhà.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 6.

Bài 6. HƯƠNG RỪNG (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Hương rừng*. Hiểu nội dung và ý nghĩa bài đọc: Nói về hương thơm kì diệu của rừng Cà Mau vào mùa tràm nở hoa.

2. Nói và nghe:

- Nêu được cảm nhận về một loại hoa hoặc trái cây mà mình yêu thích.
- Dựa vào tranh, nói về cảnh đẹp đất nước ta.
- Nêu được suy nghĩ của bản thân về những việc cần làm để bảo vệ cây xanh.

3. Viết

- Chọn được từ ngữ cho sẵn để hoàn thành các câu văn.
- Dựa vào tranh, viết được câu về cảnh đẹp đất nước ta.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh và câu hỏi gợi ý hỗ trợ hoạt động nghe - nói (nếu chuẩn bị được).
- Bảng phụ viết sẵn bài tập chính tả; tranh/ảnh phục vụ bài nói, viết – bài tập 2 (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

- Giáo viên gợi ý để HV nói cảm nhận về một loại hoa hoặc trái cây yêu thích.
- Học viên trao đổi theo cặp; phát biểu ý kiến trước lớp. VD:
 - + Giới thiệu loại hoa hoặc trái cây yêu thích.
 - + Nói lí do mình yêu thích loại cây hoặc trái cây đó (về đẹp, hương vị,...).
- Giáo viên giới thiệu bài đọc *Hương rừng*.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn bài; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ khó phát âm hoặc có thể phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương (VD: *ngào ngọt, hửi, oằn sai, nhụy, nửa rừng,...*).
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc lời nói của nhân vật hoặc câu dài (VD: *Trên hàng vạt nhánh to nhánh nhỏ, / bàn tay thần nào / rắc lấm tấm hàng hà sa số đợt bông gòn / khắp tứ phía.*).
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Học viên đọc cá nhân, nhóm, lớp (nối tiếp, đồng thanh,...): đọc từ ngữ, đọc câu, đọc bài.

b) Đọc hiểu

- Học viên đọc thầm câu hỏi, trao đổi theo cặp; sau đó nêu ý kiến trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, chốt câu trả lời đúng:
 - (1) Những chi tiết nào cho thấy Kim rất ngạc nhiên về sự xuất hiện nhanh chóng của hoa trà? (Kim hít mạnh để hửi cho kĩ, để nhớ rõ nhưng nhớ mãi không ra; Kim ngẩng đầu lên, trở mắt nhìn những bông trà, nhưng không nhận ra đó chính là hoa của những cây trà.)
 - (2) Tìm từ ngữ miêu tả hoa trà.
 - Về đẹp của hoa trà: như hàng hà sa số đợt bông gòn khắp tứ phía; bông kết oằn sai, mịn màng, trắng tuyết; đài, cánh đâu không thấy chỉ thấy toàn là nhụy ngọt.
 - Hương thơm của hoa trà: hương trà thơm, ngọt như mùi mật ong; mùi hương ngào ngọt rất đậm (như muôn ngàn hũ mật ong).
 - (3) Vì sao chú Tư Lập ví những chùm hoa trà như những hũ mật ong?

3. Nói và nghe (Luyện tập gắn với bài đọc)

- Giáo viên nêu nhiệm vụ.
- Học viên làm bài (hoạt động cá nhân hoặc trao đổi theo cặp).
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác và GV nhận xét, thống nhất đáp án đúng:

(1) Tìm câu hỏi trong bài đọc. Cuối câu hỏi có dấu câu gì?
- Trong bài có 2 câu hỏi (*Rừng cây gì vậy, chú Tư?; Hửi mà không biết mùi mật ong sao?*).

- Cuối câu hỏi có dấu *chấm hỏi*.

(2) Thêm dấu chấm để tách đoạn trích thành 3 câu:

Khi cà phê vào mùa trở bông, cả đất trời Đắk Lắk đều ngan ngát một mùi hương vừa nồng nàn vừa tinh khiết. Đi đến đâu, ta cũng ngửi thấy mùi hương ngào ngạt, quyến rũ ấy. Hương cà phê len lỏi vào tận các ngõ ngách, quyện vào trong tóc, như thấm vào hơi thở, giọng nói của người dân nơi đây.

(Theo Thu Hà)

4. Viết

a) Chọn từ ngữ thích hợp với mỗi chỗ trống

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Chọn từ ngữ trong ngoặc thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn thành các câu nói về hoa trà.
- Học viên làm bài cá nhân, sau đó trao đổi kết quả trong nhóm.
- Một số HV báo cáo kết quả trong lớp; HV khác nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, chốt kết quả đúng:

*Trà đã nở hoa. Những chùm hoa trà **sai** chi chút làm cho cành **oằn** xuống. Mùi hương hoa trà thơm ngọt như mùi mật ong. Hương rừng thật là **kì diệu**.*

b) Đặt câu về cảnh vật ở địa phương

- Giáo viên treo tranh (ảnh) hoặc gợi ý để HV quan sát tranh trong tài liệu học viên, nói về cảnh vật trong tranh (nói về người, con vật, cây cối, dòng sông, bãi cỏ,...).
- Học viên viết lại câu đã nói (khuyến khích HV viết nhiều hơn 1 câu).
- Một số HV đọc câu trước lớp; HV khác bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu cho đúng và hay (nếu cần).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Giáo viên hướng dẫn HV trao đổi với người thân về những việc cần thực hiện để bảo vệ cây xanh; có hành động phù hợp để bảo vệ cây cối.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 7.

Chủ điểm: CUỘC SỐNG QUANH TA

Bài 7. TIẾNG THÁC LENG GUNG (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Tiếng thác Leng Gung*.
Hiểu nội dung bài: ca ngợi tình yêu quê hương của người Mông.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Tiếng thác Leng Gung* theo câu hỏi gợi ý.

3. Viết: Tô và viết chữ hoa D, Đ.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Mẫu chữ hoa D, Đ phóng to; phần mềm hướng dẫn viết chữ D, Đ.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Nói về một cảnh đẹp ở địa phương.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về thác Leng Gung.
- Giáo viên / HV đọc toàn bài trước lớp. 3 học viên đọc nối tiếp 3 đoạn.
- Học viên đọc nối tiếp trong nhóm.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Dòng thác Leng Gung nằm ở đâu?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
 - Học viên trả lời câu hỏi (Dòng thác Leng Gung nằm dãy núi Nậm Nung).
- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Vì sao chàng Dăm Xum tìm về được quê hương?) hoặc HV đọc câu hỏi 2 trước lớp.
 - Học viên trả lời câu hỏi (Lần theo tiếng thác reo, Dăm Xum lội suối băng rừng, cuối cùng đã về được đến chân thác, tức là về đến quê hương).
- Giáo viên nêu câu hỏi 3. (Âm thanh của tiếng thác có ý nghĩa như thế nào với những người con xa quê?) hoặc HV đọc câu hỏi 3 trước lớp.
 - Học viên làm việc nhóm: Từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.
 - Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến, VD: Âm thanh của tiếng thác như tiếng gọi của quê hương, gọi những người con xa quê trở về buôn làng. / Âm

thanh của tiếng thác như tình cảm của những người ở buôn làng, luôn chờ đợi những người con xa quê trở về. /...

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo: Kể chuyện.

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Tiếng thác Leng Gung*.
- Học viên làm việc cá nhân: Tập kể lại câu chuyện dựa vào gợi ý.
- Học viên làm việc nhóm: Từng thành viên kể chuyện và nêu nhận xét về nhân vật trong câu chuyện. Cả nhóm góp ý.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Tô và viết chữ hoa.

4. Viết

a) Tô và viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Tô và viết chữ hoa D, Đ.
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa D, Đ; phân tích điểm giống và khác của hai chữ đó.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa D, Đ.
- Giáo viên có thể hướng dẫn cụ thể chữ D như sau:

- + Chữ hoa D cao 5 li.
- + Chữ hoa D được viết bằng 1 nét là kết hợp của 2 nét cơ bản – nét lượn hai đầu (dọc) và nét cong phải nối liền nhau, tạo thành một vòng xoắn nhỏ ở chân chữ.
- + Cách viết: Đặt bút trên ĐK 6, viết nét lượn hai đầu theo chiều dọc rồi chuyển hướng viết tiếp nét cong phải, tạo thành vòng xoắn nhỏ ở chân chữ, phần cuối nét cong lượn hẳn vào trong, DB ở ĐK 5.

- Chữ Đ, cách viết tương tự, nhưng thêm một nét thẳng ngang ngắn – khoảng 2/3 đơn vị chữ - đi qua nét thẳng đứng và nằm trên đường kẻ giữa.
- Học viên làm việc cá nhân, luyện tô các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

Dao có mài mới sắc, người có học mới nên.

Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng, nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 7.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà đọc hoặc kể lại câu chuyện *Tiếng thác Leng Gung* cho người thân nghe.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 8.

Bài 8. LỜI CỦA CÂY (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Lời của cây*. Hiểu nội dung bài: Bài thơ ghi lại một cách sinh động quá trình hạt phát triển thành cây; bài thơ cũng thể hiện tình cảm của tác giả với cây và gửi đến người đọc lời nhắn nhủ: Hãy yêu cây xanh vì cây xanh góp phần làm cho cuộc sống của chúng ta thêm tươi đẹp.

2. Nói và nghe: Dựa vào gợi ý, trao đổi với bạn về vai trò của cây cối với cuộc sống của chúng ta.

3. Viết:

- Nghe – viết bài *Câu chuyện của rễ*.
- Điền được các từ ngữ có chứa âm đầu *ng / ngh* phù hợp với tranh.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ viết sẵn đoạn thơ của bài tập chính tả; tranh ảnh để làm bài tập chính tả (nếu chuẩn bị được).
- Tranh và câu hỏi gợi ý hỗ trợ hoạt động nghe - nói (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Học viên Giáo viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Nói về sự phát triển của cây.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên / HV đọc toàn bài trước lớp. 4 học viên đọc nối tiếp 4 đoạn.
- Học viên đọc nối tiếp trong nhóm.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Hạt nằm lặng thinh khi nào?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.

- Học viên trả lời câu hỏi (Hạt nằm lặng thinh khi vẫn ở trên bàn tay của con người, chưa gieo xuống đất).
- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Khổ thơ nào nói đến mầm lớn lên thành cây?) hoặc HV đọc câu hỏi 2 trước lớp.
- Học viên trả lời câu hỏi (Khổ thơ thứ ba).
- Giáo viên nêu câu hỏi 3. (Khổ thơ cuối muốn nói điều gì?) hoặc HV đọc câu hỏi 3 trước lớp.
- Học viên làm việc nhóm: Từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.
- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến, VD: Cây muốn gửi đến người đọc lời nhắn nhủ: Cây xanh góp phần làm cho cuộc sống của con người, vạn vật thêm tươi đẹp./ Hãy yêu và bảo vệ cây xanh./...
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo: Luyện nói và nghe.

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu: Hôm nay, chúng ta sẽ trao đổi về đề tài *Cây cối với cuộc sống của chúng ta*.
- Giáo viên hướng dẫn HV trao đổi trong nhóm theo 2 nhiệm vụ trong sách học viên:

- (1) Nói về hiện tượng phá rừng (HV có thể quan sát thêm tranh ảnh về hiện tượng phá rừng):
- Rừng bị tàn phá như thế nào?
 - Cây cối bị chặt phá ra sao?
 - Nguồn nước có bị ảnh hưởng và cạn kiệt vì phá rừng không?...
- (2) Nói về tầm quan trọng của cây cối với cuộc sống của con người:
- Cây cối giúp bảo vệ môi trường sống của con người:
 - Cây cối làm giảm ô nhiễm môi trường;
 - Cây cối giúp tiết kiệm nước và chống xói mòn đất;
 - Cây cối giúp cải thiện sức khỏe cho con người;...

- Trao đổi trước lớp: Một số HV hỏi – đáp (theo cặp hoặc ngẫu nhiên), chia sẻ nội dung đã trao đổi trong nhóm.
- Học viên nhận xét, rút kinh nghiệm; GV góp ý thêm.

4. Viết

a) Tập chép: Câu chuyện của rễ.

- Giáo viên nêu yêu cầu nghe – viết.
- Giáo viên mời 1 – 2 HV đọc 2 khổ thơ trước lớp.
- Giáo viên hướng dẫn HV:
- + Viết hoa chữ cái đầu tên bài, đầu dòng thơ.

+ Viết những tiếng khó hoặc tiếng dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

- Giáo viên đọc tên bài, đọc từng dòng thơ cho HV viết vào vở.
- Giáo viên đọc lại đoạn thơ cho HV soát lại bài viết (hoặc dùng bảng phụ, máy chiếu).
- Giáo viên hướng dẫn HV chữa một số bài trên lớp; HV chữa bài của mình.

b) Điền từ có âm đầu ng hoặc ngh phù hợp dưới mỗi tranh

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập: quan sát tranh, tìm từ ngữ có âm đầu *ng/ng* phù hợp với mỗi tranh.
- Cả lớp làm bài vào vở.
- Giáo viên chữa bài trên bảng: *ngồi, nghĩ, nghe, ngủ*.
- Giáo viên hướng dẫn HV chữa lỗi.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 8.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà trao đổi với người thân về những việc chúng ta có thể làm để giữ gìn tài nguyên rừng.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 9.

Bài 9. BUỔI SÁNG MÙA HÈ TRONG THUNG LŨNG

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Buổi sáng mùa hè trong thung lũng*. Hiểu nội dung bài: Tả cảnh thung lũng và cảnh lao động của bà con nông dân ở miền núi phía Bắc vào một buổi sáng mùa hè.

2. Luyện tập gắn với văn bản đọc

- Tìm những từ chỉ sự vật ở miền núi trong bài *Buổi sáng mùa hè trong thung lũng*.
- Tìm được thêm một số từ ngữ về miền núi.
- Điền đúng dấu câu vào chỗ trống trong đoạn truyện.

3. Viết

- Tìm từ ngữ thích hợp để hoàn thành câu dưới tranh.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh và câu hỏi gợi ý hỗ trợ hoạt động nghe - nói (nếu chuẩn bị được).
- Bảng phụ viết sẵn bài tập 3 (Luyện tập gắn với văn bản đọc); tranh/ảnh phục vụ bài viết (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: nói về vẻ đẹp của buổi sáng mùa hè ở quê hương.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên / HV đọc toàn bài trước lớp. 2 học viên đọc nối tiếp bài đọc.
- Học viên đọc nối tiếp trong nhóm.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Bản làng thức giấc nhờ những âm thanh nào?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.

- Học viên trả lời câu hỏi (Bản làng thức giấc nhờ những âm thanh: tiếng gà gáy, tiếng ve kêu, tiếng chim cuốc, ...).

- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Câu văn nào tả cảnh bà con đi làm đồng rất vui?) hoặc HV đọc câu hỏi 2 trước lớp.

- Học viên trả lời câu hỏi (Ngoài bờ ruộng đã có bước chân người đi, tiếng nói chuyện rì rầm, tiếng gọi nhau í ới.).

- Giáo viên nêu câu hỏi 3, (Nội dung chính của bài văn là gì?), hoặc HV đọc câu hỏi 3 trước lớp.

- Học viên làm việc nhóm: Từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến (Tả cảnh thung lũng và cảnh lao động của bà con nông dân ở miền núi phía Bắc vào một buổi sáng mùa hè).

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo: Luyện tập.

3. Luyện tập gắn với văn bản đọc

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: luyện nói về từ ngữ chỉ sự vật ở miền núi, luyện tập về dấu câu.

- Học viên trao đổi theo cặp.

- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung, thống nhất kết quả đúng.

(1) Tìm những từ ngữ chỉ sự vật ở miền núi trong bài *Buổi sáng mùa hè trong thung lũng*:

VD: Rừng núi, thung lũng, bếp lửa, suối, bản làng, ruộng,...

(2) Tìm thêm các từ ngữ chỉ miền núi:

VD: thác nước, ruộng bậc thang, nhà sàn,...

(3) Điền dấu câu thích hợp vào ô trống □:

Thỏ cất giọng khe khẽ:

- Cậu có thích thu hoạch cà rốt không?

Sóc thích thú gật đầu. Thế nhưng, sóc chẳng biết phải nhổ cà rốt thế nào. Chú bẽn lẽn:

- Cậu dạy cho tớ cách làm được không?

- Được chứ! Cậu nhìn tớ nhé!

Buổi thu hoạch cà rốt hôm đó thật vui vẻ.

4. Viết

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Tìm từ ngữ thích hợp với chỗ trống để hoàn thành câu dưới tranh.

- Học viên làm bài cá nhân: Quan sát tranh, đọc và tìm hiểu nội dung câu; tìm từ ngữ phù hợp với chỗ trống để hoàn thành câu.

- Học viên trao đổi kết quả theo cặp.

- Một số HV báo cáo kết quả trong lớp; HV khác nhận xét, bổ sung.

VD: Trên cánh đồng, bà con nông dân đang cấy lúa. / Trên cánh đồng, bà con nông dân đang chăm chỉ làm việc...

- Giáo viên nhận xét chung.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 9.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà trao đổi với người thân về những từ ngữ thường dùng ở miền núi.

- Đọc bài ca dao.

- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 10.

Chủ điểm: GIA ĐÌNH

BÀI 10. TẤM GƯƠNG HIẾU HỌC (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài *Tấm gương hiếu học*. Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài. Hiểu nội dung và ý nghĩa câu chuyện: kể về tấm gương hiếu học Mạc Đĩnh Chi.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Tám gương hiếu học* và nêu được ý nghĩa của câu chuyện đối với bản thân.

3. Viết: Tô và viết chữ cái hoa E, Ê.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Mẫu chữ viết hoa E, Ê phóng to; phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa E, Ê.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

- Giáo viên nêu yêu cầu: Hãy kể về một tấm gương hiếu học ở địa phương/ làng/ xóm hoặc trên báo, đài, vô tuyến mà bạn biết.

- Học viên trao đổi theo cặp; phát biểu ý kiến trước lớp.

- Giáo viên nhận xét, giới thiệu bài đọc *Tám gương hiếu học*.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn truyện; HV đọc thầm theo.

- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.

- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài (VD: Mạc Đĩnh Chi sớm mồ côi cha/ nhà nghèo/ mẹ thường đi nhặt củi/ bán lấy tiền đóng gạo nuôi con.)

- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ khó đối với HV.

- Học viên đọc cá nhân, nhóm, lớp (nối tiếp, đồng thanh,...): đọc từ ngữ, đọc câu, đọc bài.

b) Đọc hiểu

- Học viên đọc thầm câu hỏi, trao đổi theo cặp; sau đó nêu ý kiến trước lớp.

- Giáo viên nhận xét, chốt câu trả lời đúng:

+ Mạc Đĩnh Chi sinh ra trong một gia đình nghèo, mồ côi cha từ nhỏ.

+ Ông học vào những lúc đi chăn trâu.

+ Ông là một vị quan thanh liêm, giản dị, đem hết tâm lực và trách nhiệm để phục vụ đất nước.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo: Kể chuyện.

3. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Tám gương hiếu học*

- Học viên làm việc cá nhân: Tập kể lại câu chuyện dựa vào gợi ý.

- Học viên làm việc nhóm: Từng thành viên kể chuyện và nêu nhận xét về một nhân vật trong câu chuyện. Cả nhóm góp ý.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Tô và viết chữ hoa.

4. Viết

a) Tô và viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Tô và viết chữ hoa E, Ê.

- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa E, Ê; phân tích điểm giống và khác của hai chữ đó.

- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa E, Ê.

- Giáo viên có thể hướng dẫn cụ thể chữ E như sau:

+ Chữ hoa E cao 5 li.
+ Chữ hoa E được viết bằng 3 nét: Nét 1 là kết hợp của 3 nét cơ bản, 1 nét cong dưới (gần giống như đầu chữ C nhưng hẹp hơn), 2 nét cong trái nối liền nhau tạo một vòng xoắn nhỏ ở giữa thân chữ.
+ Cách viết: Đặt bút trên ĐK 6, viết nét cong dưới rồi chuyển hướng viết tiếp 2 nét cong trái tạo vòng xoắn to ở đầu chữ và vòng xoắn nhỏ ở giữa thân chữ, phần cuối nét cong trái thứ hai lượn vòng lên ĐK 3 rồi lượn xuống. Dừng bút trên ĐK 2.

- Chữ Ê cách viết tương tự, nhưng thêm nét như sau: Nét 2 và 3 là hai nét thẳng xiên ngắn trái và phải. Từ điểm DB của nét 1 lia bút lên đầu chữ để viết dấu mũ thật cân đối (đầu mũ chạm ĐK 7) tạo thành chữ Ê.

- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng, nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp và câu ứng dụng (*Êch ngồi đáy giếng./Ên bay thấp mưa ngập bờ ao./Ên bay cao mưa rào lại tạnh.*).

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

IV. Củng cố, vận dụng

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 10.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà đọc hoặc kể lại câu chuyện *Tám gương chiếu* học cho người thân nghe.

- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 11.

Bài 11. EM YÊU NHÀ EM (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài *Em yêu nhà em*. Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài thơ: Bài thơ miêu tả cảnh đẹp của nhà em và tình cảm của em đối với ngôi nhà của mình.

2. Nói và nghe: Dựa vào gợi ý, trao đổi với bạn về gia đình và tình cảm của mình đối với gia đình.

3. Viết

- Nghe – viết được 4 dòng đầu của bài đọc *Em yêu nhà em*.
- Chọn đúng chữ c / k phù hợp với chỗ trống để hoàn thiện các từ.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Một số thẻ c / k để HV gắn vào chỗ trống.
- Tranh và câu hỏi gợi ý hỗ trợ hoạt động nghe - nói (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

- Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: HV kể lại niềm vui của mình khi đi xa về nhà gặp lại người thân.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của nhà em và tình cảm của em đối với ngôi nhà của mình.
- Giáo viên / HV đọc toàn bài trước lớp.
- Học viên đọc nối tiếp trong nhóm.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Em nhỏ trong bài thơ kể những gì về nhà của mình?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
 - Học viên trả lời câu hỏi. (Em nhỏ trong bài thơ nhắc đến các loài vật và trái cây trong vườn nhà: chim sẻ, gà mái mơ, ếch, dế mèn, cá cờ; cây, trái: chuối mật, bắp ngô, rau muống, hoa sen)
- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Bạn thích cảnh vật nào qua lời kể của em nhỏ?)
 - Học viên trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời, VD: con gà mái mơ đang cục ta cục tác; hay đàn cá cờ bơi dưới ao,...

- Giáo viên nêu câu hỏi 3. (Theo bạn, vì sao em nhỏ thấy “*Chẳng đâu vui được như nhà của em*”?).

- Học viên làm việc cá nhân: Từng người trả lời câu hỏi.

- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau, VD: Bài thơ là những hình ảnh đẹp, thân thuộc về ngôi nhà thân yêu của em,...

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo: Nói và nghe.

3. Nói và nghe

- Giáo viên yêu cầu HV nói về gia đình mình qua những câu hỏi gợi ý.

- Học viên làm việc cá nhân: Tập kể về gia đình mình dựa vào gợi ý.

- Học viên làm việc nhóm: Về những việc có thể làm cho gia đình. Từng thành viên nói lên suy nghĩ của mình. Cả nhóm góp ý.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên nêu yêu cầu tập chép.

- Giáo viên đọc mẫu đoạn thơ; giới thiệu: 4 câu thơ sẽ viết là 4 câu đầu trong bài thơ *Em yêu nhà em*.

- Giáo viên mời 1 – 2 HV đọc lại đoạn thơ trước lớp.

- Học viên nhìn sách (hoặc bảng phụ), viết vào vở.

- Học viên nhìn sách (hoặc bảng phụ), soát lại bài viết, sửa lỗi (nếu cần).

- Giáo viên hướng dẫn HV chữa một số bài trên lớp; HV chữa bài của mình.

b) Nhìn tranh, viết tên các vật có tiếng mở đầu bằng c hoặc k

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập:

+ Dựa vào tranh để tìm các từ ngữ chứa tiếng có âm đầu c hoặc k.

+ Viết lại các từ ngữ đó.

- Cả lớp làm bài vào vở.

- Giáo viên chữa bài trên bảng: *cái kéo, cánh đồng, kim chỉ, que kem, cây cà phê, chim công*.

- Giáo viên hướng dẫn HV chữa lỗi.

IV. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên hướng dẫn HV về nhà viết 1 - 2 câu nói về tình cảm của mình đối với người thân trong gia đình.

- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 12.

BÀI 12. CHỊ THOA CHĂM HỌC (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài *Chị Thoa chăm học*. Hiểu nội dung và ý nghĩa của câu chuyện: Câu chuyện nói về một người phụ nữ nông thôn nghèo nhưng ham học, quyết tâm đi học lớp xóa mù chữ và đã biết đọc, biết viết.

2. Nói và nghe: Nêu được công dụng dấu hỏi chấm và dấu chấm.

3. Viết

- Chọn được từ ngữ cho sẵn để hoàn thành các câu văn.
- Viết được câu theo tranh.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh và câu hỏi gợi ý hỗ trợ hoạt động nghe - nói (nếu chuẩn bị được).
- Bảng phụ viết sẵn bài tập luyện viết.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

- Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Nói về lý do mình tham gia lớp học xóa mù chữ.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Học viên đọc cá nhân, nhóm, lớp (nối tiếp, đồng thanh,...): đọc từ ngữ, đọc câu, đọc bài.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Chị Thoa đi học xóa mù chữ ở đâu?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
- Học viên trả lời câu hỏi. (Chị Thoa đi học xóa mù chữ ở Trung tâm Học tập cộng đồng.)
- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Biết chị Thoa muốn đi học lớp xóa mù chữ, mẹ chị băn khoăn điều gì?)
- Học viên trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời (Mẹ chị lo chị không có thời gian để học).

- Giáo viên nêu câu hỏi 3. (Kết quả của việc chị Thoa tham gia lớp xóa mù chữ là gì?)

- Học viên trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời (Chị đã đọc được sách báo, biết thêm nhiều điều nên làm ăn cũng đỡ vất vả hơn).

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo: Nói và nghe.

3. Nói và nghe (Luyện tập gắn với văn bản đọc)

- Giáo viên nêu yêu cầu bài tập 1: Tìm trong văn bản *Chị Thoa chăm học* câu hỏi và cho biết dấu hiệu để nhận ra câu hỏi?

- Học viên trao đổi theo cặp.

- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung (Dấu hỏi chấm, dấu hỏi dùng để kết thúc một câu hỏi).

- Giáo viên nêu yêu cầu bài tập 2: Yêu cầu HV thay các ô vuông bằng dấu câu.

- Học viên làm việc cá nhân. Một số HV lên bảng làm bài tập; HV khác và GV nhận xét, bổ sung (Dấu chấm đặt ở cuối câu báo hiệu câu đã kết thúc).

4. Viết

a) Chọn từ ngữ thích hợp vào chỗ ô trống

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Chọn từ ngữ thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn thành các câu.

- Học viên làm bài cá nhân: Đọc và tìm hiểu nội dung đoạn văn; tìm từ ngữ phù hợp với chỗ trống.

- Học viên trao đổi kết quả theo cặp.

- Một số HV báo cáo kết quả trong lớp; HV khác nhận xét, bổ sung.

- Giáo viên nhận xét, chốt kết quả đúng.

*Thành công chỉ đến với người **siêng năng**, không đến với kẻ **lười biếng**. Trong học tập cũng vậy, hãy **cố gắng** hết mình, bạn sẽ có được **thành công** như mong muốn.*

b) Đặt một câu theo tranh và viết lại câu đó

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập:

+ Dựa vào tranh để đặt câu theo nội dung tranh theo mẫu.

+ Viết lại câu đó.

- Cả lớp làm bài vào vở.

- Giáo viên chữa bài viết của HV.

- Giáo viên hướng dẫn HV chữa lỗi.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Giáo viên hướng dẫn HV về nhà trao đổi với người thân về lợi ích của việc biết chữ.

- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 13.

Chủ điểm: THIÊN NHIÊN – ĐẤT NƯỚC

Bài 13. ĐÁM MÂY ĐEN (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Đám mây đen*. Kết hợp đọc thầm câu chuyện và xem tranh để hiểu suy nghĩ, cảm xúc của từng nhân vật trong câu chuyện.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Đám mây đen* theo tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.

3. Viết: Tô và viết chữ hoa C, G.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Mẫu chữ hoa C, G phóng to; phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa C, G.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Từng HV trả lời câu hỏi: Khi nào trên trời xuất hiện những đám mây đen? (VD: Trước cơn mưa./ Lúc sắp mưa./...)

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh.

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài đọc là câu chuyện tưởng tượng kể về 2 nhân vật mây trắng và mây đen. Chúng ta đọc để biết tính tình, đặc điểm của mỗi nhân vật và ý nghĩa rút ra từ câu chuyện.

- Giáo viên / HV đọc toàn bài trước lớp.

- Học viên đọc theo cặp (đọc cả bài hoặc mỗi HV nối tiếp).

- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Mây trắng nói gì với mây đen?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.

- Học viên trả lời câu hỏi, VD: Mây trắng yếu điệu lượn gần mây đen, bầu trời: “Nhẹ nhem nhẹ nhem thế mà cũng gọi là mây!”.

- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Thái độ của mây đen thế nào trước lời lẽ, cử chỉ của mây trắng?).

- Học viên trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời, VD: Nghe mây trắng chê bai, coi thường mình như vậy, nhưng mây đen chỉ im lặng vì còn mãi nhìn những cánh đồng dưới mặt đất nứt nẻ, khô cằn. Nó nghĩ: “Mình phải làm gì để giúp cô bác nông dân được nhỉ?”.

- Giáo viên nêu câu hỏi 3. (Vì sao mọi vật dưới mặt đất cảm ơn mây đen?).

- Học viên đọc thầm lại toàn bài, tìm câu trả lời của mình.

- Học viên làm việc nhóm: Từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm nhận xét câu trả lời của từng thành viên.

- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau, VD: Vì mây đen biết thương mặt đất khô hạn, thương bác nông dân vất vả, thương đồng lúa khát nước./ Vì mây đen đem cho mưa xuống mặt đất, mọi vật hồi sinh trở lại./...

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo: Kể chuyện.

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Đám mây đen*.

- Học viên làm việc cá nhân: Tập kể lại câu chuyện dựa vào từng tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.

- Học viên làm việc nhóm: Từng thành viên kể chuyện lại từng đoạn câu chuyện hoặc toàn bộ câu chuyện.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Tô và viết chữ hoa.

4. Viết

a) Tô và viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Tô và viết chữ hoa C, G.

- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa C, G; phân tích điểm giống và khác của hai chữ đó.

- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa C, G.

- Giáo viên có thể hướng dẫn cụ thể chữ C như sau:

- Chữ C hoa cao 5 li, viết liền 1 nét.
- Nét viết chữ hoa C là kết hợp của hai nét cơ bản. Nét cong dưới và cong trái nối liền nhau, tạo vòng xoắn to ở đầu chữ.
- Cách viết: Đặt bút trên ĐK 6, viết nét cong dưới rồi chuyển hướng viết tiếp nét cong trái, tạo thành vòng xoắn to ở đầu chữ. Phần cuối nét cong trái lượn vào, DB bút trên ĐK 2.

- Giáo viên có thể hướng dẫn cụ thể chữ G như sau:

- Chữ G hoa gồm 2 nét:
- + Nét 1: Giống như viết chữ hoa C.
- + Nét 2: Viết nét khuyết dưới.

- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Học viên đọc yêu cầu viết ứng dụng:

+ *Cây cao bóng cả*

+ *Góp gió thành bão*

- Giáo viên hướng dẫn viết ứng dụng, nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 13.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà đọc bài thơ theo yêu cầu trong sách, có thể kể lại câu chuyện *Đám mây đen* cho người thân nghe.

- Đọc bài thơ “*Ông trời bật lửa*”.

- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 14.

Bài 14. CON CHIM CHIÊN CHIỆN (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng, rõ ràng đoạn thơ, biết ngắt hơi ở chỗ kết thúc dòng thơ. Hiểu được nội dung bài thơ: tiếng hót rất hay, rất đẹp của chim trong không gian thiên nhiên trong lành của đồng quê.

2. Nói và nghe: Biết chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình về vẻ đẹp của thiên nhiên và ý nghĩa, vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người.

3. Viết: Viết đúng chính tả một đoạn của bài *Con chim chiên chiên* theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng *g, gh*.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình ảnh con chim chiên chiên, video ghi tiếng hót chim chiên chiên (nếu có).
- Tranh ảnh đẹp về cảnh vật thiên nhiên (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Học viên làm việc theo nhóm: Từng HV nói về một hoặc những loài vật mình yêu thích, có thể giải thích lí do hoặc nêu điểm đáng yêu của những loài vật đó.

2. Đọc

a) *Đọc thành tiếng*

- Học viên nêu nội dung tranh.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Đây là một bài thơ rất hay kể, tả về tiếng hót của chim chiến chiến giữa không gian làng quê thanh bình.
- Giáo viên đọc toàn bài (đoạn thơ) trước lớp, sau đó 2 hoặc 4 HV đọc nối tiếp 4 khổ thơ trước lớp.
- Giáo viên hướng dẫn tìm hiểu/ đọc lời giải nghĩa các từ khó trong bài.
- Học viên đọc cá nhân (đọc nhắm/ đọc thầm), sau đó từng HV đọc theo nhóm, cả nhóm góp ý.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) *Đọc hiểu*

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Con chim chiến chiến bay lượn ở đâu?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
- 2 – 3 HV trả lời câu hỏi. (Chim chiến chiến bay lượn giữa bầu trời cao vợi trên cánh đồng quê).
- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Tìm những từ ngữ nói về tiếng hót của chim chiến chiến? Em thích từ ngữ nào?).
- Học viên trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời, VD:
 - + *Khúc hát ngọt ngào*
 - + *Tiếng hót long lanh / Như cành sương chổi.*
 - + *Tiếng ngọc trong veo / Chim gieo từng chuỗi.*
- Học viên nêu ý kiến cá nhân “thích từ ngữ nào” trong những từ ngữ tác giả dùng để tả tiếng hót chim chiến chiến. (HV có thể giải thích rõ lí do mình yêu thích từ ngữ đó).
- Giáo viên nêu câu hỏi 3. (Nêu nhận xét về tiếng hót của chim chiến chiến được miêu tả trong bài thơ).
- Học viên làm việc nhóm: Từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm nhận xét câu trả lời của mỗi thành viên.
- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các ý kiến nêu được cảm nhận chân thực của người nói.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo: Nói và nghe về chủ đề: *Thiên nhiên kì thú*.

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu luyện nói theo chủ đề: *Thiên nhiên kì thú*.
- 1 – 2 HV đọc trước lớp yêu cầu và gợi ý trong sách.
- Học viên làm việc cá nhân: Chuẩn bị nội dung trình bày dựa vào gợi ý.
- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên phát biểu ý kiến theo hiểu biết, vốn sống, cảm xúc của mình. Cả nhóm góp ý.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Nhìn – viết 1 đoạn trong bài *Con chim chiến chiến* và làm bài tập phân biệt quy tắc viết từ ngữ chứa tiếng mở đầu bằng *g/ gh*.

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn thơ sẽ nghe – viết.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày các dòng thơ, khổ thơ; GV nhắc HV chú ý viết hoa các chữ cái đầu dòng thơ (có thể viết chữ hoa in).
- Học viên nghe GV đọc từng dòng thơ và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

b) Làm bài tập phân biệt *g/ gh*

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.
- Học viên tự làm bài tập trước khi đối chiếu kết quả theo nhóm.
- Giáo viên yêu cầu HV viết các từ vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp (lưu ý HV có thể tìm nhiều từ ngữ để điền).

- | |
|---|
| <p>a) Con đường lên núi <i>gập ghềnh/ gồ ghề/ gập khúc</i>, rất khó đi.</p> <p>b) Hương thơm quả chín trong vườn <i>gọi</i> chim bay về từng đàn.</p> <p>c) Mấy chú nhím đào hang dưới <i>gốc</i> cây.</p> |
|---|

- Giáo viên nhắc HV ghi nhớ quy tắc viết *g/ gh*. (Chữ *gh* + e, ê, i).

IV. Củng cố, Dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 14.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà viết 1 - 2 câu giới thiệu cảnh vật thiên nhiên ở địa phương hoặc tìm đọc toàn bộ bài thơ theo nguyên tác.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 15.

Bài 15. RỪNG CỌ QUÊ TÔI (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng, rõ ràng bài đọc, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu được suy nghĩ, tình cảm của nhân vật “tôi” đối với cây cọ và đối với cảnh vật thiên nhiên thân thương của quê hương.

2. Luyện tập gắn với văn bản đọc: Bước đầu nhận biết câu và dấu ngắt câu (dấu chấm cuối câu).

3. Viết: Viết được từ ngữ chỉ tên một số loài cây, viết được câu nói về một loài cây.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, thơ ca viết về cây cọ.
- Bài *Rừng cọ quê tôi* (bản đầy đủ).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Học viên làm việc theo nhóm: Giới thiệu về một loài cây có nhiều ở địa phương mình.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Nhân vật xưng “tôi” (bạn nhỏ) chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình về những cây cọ ở quê hương mình).
- Giáo viên đọc toàn bài trước lớp, sau đó 1 - 2 HV đọc.
- Học viên đọc cá nhân (đọc nhắm/ đọc thầm), sau đó từng HV đọc theo nhóm, cả nhóm góp ý.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Em cảm nhận được những gì qua câu mở đầu bài đọc?).
- Học viên đọc lại câu mở đầu, suy nghĩ để tìm câu trả lời.
- 1 – 2 HV trả lời câu hỏi trước lớp, các HV khác nhận xét và đưa ý kiến của mình. GV xác nhận các ý kiến có sức thuyết phục, VD: Câu mở đầu giới thiệu về quê hương với tất cả niềm tự hào./ Câu mở đầu tác giả giới thiệu vùng quê tươi đẹp với những rừng cọ trập trùng, qua đó khẳng định tình yêu quê hương tha thiết của mình./...

- Giáo viên nêu câu hỏi 2: Cây cọ được tả như thế nào? (thân cọ, lá cọ, búp cọ).
- Học viên đọc lướt lại bài đọc, tìm thông tin để trả lời.
- Học viên trao đổi nhóm, thống nhất cách trả lời đúng và đầy đủ, VD:
 - + Tác giả tả cây cọ rất cụ thể.
 - + Thân cọ vút thẳng trời hai ba chục mét cao, gió bão không thể quật ngã.
 - + Búp cọ vuốt dài như thanh kiếm sắc vung lên.
 - + Ở những cây non, lá cọ xoà sát mặt đất; lá cọ tròn xoè ra nhiều phiến nhọn dài, trông xa như một rừng tay vẫy, trưa hè lấp loá nắng như rừng mặt trời mới mọc.
- Giáo viên nêu yêu cầu 3 (Rừng cọ hiện ra đẹp thế nào trong mùa hè, mùa xuân?).
- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm nhận xét câu trả lời của mỗi thành viên.
- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các ý kiến đúng. VD:
 - + Mùa hè: Vào buổi trưa hè lấp loá nắng, lá cọ xoè như rừng mặt trời mới mọc.
 - + Mùa xuân: Chim chóc kéo về từng đàn, chỉ nghe tiếng hót líu lo mà không thấy bóng chim đâu.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo: Luyện tập gắn với văn bản đọc.

2. Luyện tập gắn với văn bản đọc

- Giáo viên nêu yêu cầu: Bài tập giúp các em nhận biết về câu (phân biệt câu với từ ngữ) và biết sử dụng dấu ngắt câu (dấu chấm cuối câu).
- Bài tập 1: Học viên làm việc cá nhân, sau đó thống nhất kết quả trong nhóm. Từng HV nêu số câu trong đoạn văn. (Đáp án: có 6 câu).
- Bài tập 2: Học viên làm việc cá nhân hoặc trao đổi theo cặp, sau đó thống nhất kết quả trong nhóm. (Đặt dấu chấm vào các ô trống→ đặt dấu chấm cuối mỗi câu).

4. Viết

- Học viên làm việc cá nhân, thực hiện các yêu cầu 1 và 2.
- Học viên làm việc nhóm:
 - + Bài tập 1: Từng thành viên đọc bài làm của mình (đọc tên cây tương ứng với tranh), cả nhóm thống nhất cách viết đúng.
 - + Bài tập 2: Từng HV đọc câu mình đã viết (theo mẫu). Cả nhóm góp ý để chỉnh sửa.
- Giáo viên mời nhiều HV trình bày bài làm của mình trước lớp.
- Cả lớp và GV nhận xét.
- Học viên chỉnh sửa bài làm.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 15.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Trao đổi với người thân về ích lợi của cây cối.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 16.

Chủ điểm: CUỘC SỐNG QUANH TA

Bài 16. LÃO NÔNG NGƯỜI MÔNG TRỒNG RỪNG (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Lão nông người Mông trồng rừng*. Hiểu nội dung và ý nghĩa câu chuyện: Giới thiệu ông Sáng – một nông dân người Mông – biết vận động bà con cùng trồng rừng, góp phần phát triển kinh tế gia đình.

2. Nói và nghe: Dựa vào gợi ý, kể lại được câu chuyện *Lão nông người Mông trồng rừng*; trao đổi được về câu chuyện và nhân vật trong truyện.

3. Viết: Tô và viết chữ hoa O, Ô, Ơ, Q.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Mẫu chữ hoa O, Ô, Ơ, Q phóng to; phần mềm hướng dẫn viết chữ O, Ô, Ơ, Q.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

- Giáo viên nêu yêu cầu trong sách: Kể về một tấm gương biết vượt khó và thành công trong cuộc sống.
- Học viên trao đổi theo cặp; phát biểu ý kiến trước lớp.
- Giáo viên nhận xét; giới thiệu bài đọc *Lão nông người Mông trồng rừng*.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn truyện; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài (VD: Ông khuyên vợ con / trồng thêm ngô, / sắn và các cây lương thực, / hoa màu ngấn ngày khác xen canh / khi cây rừng chưa kịp khép tán. // Nguồn thu từ cây ngấn ngày / đã giúp gia đình ông vượt qua đói nghèo / và có thêm tiền / để chăm sóc, / bảo vệ rừng.).

- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của những từ ngữ có thể khó đối với HV.

- Học viên đọc cá nhân, nhóm, lớp (nối tiếp, đồng thanh,...): đọc từ ngữ, đọc câu, đọc bài.

b) Đọc hiểu

- Học viên đọc thầm câu hỏi, trao đổi theo cặp; sau đó nêu ý kiến trước lớp.

- Giáo viên nhận xét, chốt câu trả lời đúng:

(1) Ông Sáng đã làm gì khi có người nói trồng rừng vừa vất vả vừa lâu được hưởng lợi? (Ông không nản chí, vẫn quyết tâm trồng và chăm sóc rừng. Ông còn vận động bà con trong thôn, xã cũng tham gia trồng rừng.)

(2) Ông và vợ con đã làm gì để gia đình vượt qua đói nghèo và có thêm tiền chăm sóc, bảo vệ rừng? (Ông và vợ con trồng thêm ngô, sắn và các cây lương thực, hoa màu ngắn ngày khác xen canh khi cây rừng chưa kịp khép tán.)

(3) Theo bạn, nhờ đâu gia đình ông Sáng trở thành một trong những hộ giàu nhất xã? (Ý c đúng: nhờ chăm chỉ và khéo tính toán.)

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu: dựa vào gợi ý để kể lại câu chuyện *Lão nông người Mông trồng rừng*.

- Học viên làm việc cá nhân: Tập kể lại câu chuyện dựa vào gợi ý.

- Học viên làm việc nhóm: Từng thành viên kể chuyện và nêu nhận xét về nhân vật trong câu chuyện. Cả nhóm góp ý.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Tô và viết chữ hoa.

4. Viết

a) Tô và viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Tô và viết chữ hoa O, Ô, Ơ, Q.

- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa O, Ô, Ơ, Q; phân tích điểm giống và khác của 4 chữ đó.

- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa O, Ô, Ơ, Q.

- Giáo viên có thể hướng dẫn cụ thể chữ O như sau:

- + Chữ hoa O cao 5 li.
- + Chữ hoa O được viết bằng 1 nét cong kín, phần cuối nét lượn vào trong bụng chữ.
- + Cách viết: Đặt bút trên ĐK 6, đưa bút sang trái để viết nét cong kín, phần cuối nét lượn vào trong bụng chữ; đến ĐK 4 thì lượn lên một chút rồi DB.

- Chữ hoa Ô, Ơ, Q có cấu tạo và cách viết tương tự như chữ hoa O, nhưng thêm nét như sau:

+ Chữ hoa Ô: Viết nét thẳng xiên ngắn trái nối với nét thẳng xiên ngắn phải để tạo dấu mũ, đặt cân đối trên đầu chữ O hoa.

+ Chữ hoa Ơ: Đặt bút trên ĐK 6, viết nét cong nhỏ (nét râu) bên phải chữ hoa O (đỉnh nét râu cao hơn ĐK 6 một chút).

+ Chữ hoa Q: Từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút xuống gần ĐK 2 (bên trong chữ O) viết nét lượn ngang từ trong lòng chữ ra ngoài; dừng bút trên ĐK 2.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng (*Ôn cũ biết mới./ Ở hiền gặp lành./ Quyết chí bền gan.*), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 16.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà đọc hoặc kể lại câu chuyện *Lão nông người Mông trồng rừng* cho người thân nghe.

- Đọc bài cao dao *Trâu ơi!*

- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 17.

Bài 17. TIẾNG RU (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu trong bài *Tiếng ru*. Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài thơ: Bài thơ nói về cách ứng xử tích cực với cộng đồng (yêu quý và tôn trọng mọi người; biết chung tay với mọi người, góp phần làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn).

2. Nói và nghe: Dựa vào gợi ý, trao đổi với bạn về quan hệ hàng xóm láng giềng.

3. Viết:

- Nhìn – chép đúng 4 dòng cuối của bài thơ *Tiếng ru* (những câu thơ chưa được đưa vào bài đọc).

- Dựa vào hình ảnh, tìm và viết đúng một số tiếng có âm đầu *ng / ngh*.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ viết sẵn đoạn thơ của bài tập chính tả.

- Bảng phụ hoặc thẻ từ ngữ viết sẵn các từ ngữ (1, 2, 3), (a, b, c) trong câu hỏi 2 của bài đọc.

- Tranh và câu hỏi gợi ý hỗ trợ hoạt động thực hiện bài tập 2 - chính tả (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

- Một số HV hát vài câu hát ru (có thể bắt đầu bằng “À ơi ...” / “Àu ơ ...” hoặc là những câu hát theo làn điệu khác).

- Giáo viên giới thiệu bài đọc *Tiếng ru*.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn bài thơ; HV đọc thầm theo.

- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.

- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc một số câu thơ (VD: *Con người muốn sống, / con ơi. // Phải yêu đồng chí, / yêu người anh em.*).

- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.

- Học viên đọc cá nhân, nhóm, lớp (nối tiếp, đồng thanh,...): đọc từ ngữ, đọc câu, đọc bài.

b) Đọc hiểu

- Học viên đọc thầm câu hỏi, trao đổi theo cặp; sau đó nêu ý kiến trước lớp.

- Giáo viên nhận xét, chốt câu trả lời đúng:

(1) Theo bài thơ, vì sao con ong yêu hoa, con cá yêu nước, con chim yêu trời? (Vì hoa cung cấp mật ngọt là nguồn thức ăn của ong; cá bơi trong nước, sống nhờ nước; chim bay trên cao, sống nhờ bầu trời.)

(2) Bạn hiểu 4 dòng thơ cuối như thế nào? (HV ghép các ý phù hợp: 1 – c; 2 – a; 3 – b.)

(3) Câu thơ nào trong bài khuyên con người sống giữa cộng đồng phải yêu thương anh em, bạn bè, đồng chí? (Toàn bộ bài thơ đều hướng tới lời khuyên này. Tuy nhiên, hai dòng thơ cuối thể hiện lời khuyên rõ nhất.)

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu: Hôm nay, chúng ta sẽ trao đổi về đề tài *Hàng xóm láng giềng*: Nên ứng xử với hàng xóm láng giềng cho đúng; Thế nào là người hàng xóm tốt?

- Giáo viên hướng dẫn HV trao đổi trong nhóm theo 2 nhiệm vụ trong sách học viên:

(1) Bạn tán thành cách ứng xử nào? (*Đền nhà ai, nhà ấy rặng? Bán anh em xa, mua láng giềng gần.*)

- + Giáo viên giải thích nội dung thành ngữ / tục ngữ.
- + Học viên trao đổi, nêu ý kiến về mỗi cách ứng xử; nói rõ: Mình tán thành cách ứng xử nào, tại sao?

(2) Bạn mong muốn ở gần một gia đình hàng xóm như thế nào?

- + Học viên nêu mong muốn của bản thân; giải thích vì sao mình mong muốn như vậy.

- Trao đổi trước lớp: Một số HV nói trước lớp; những HV khác tranh luận, bổ sung ý kiến.

- Học viên nhận xét, rút kinh nghiệm; GV góp ý thêm.

4. Viết

a) Tập chép: *Tiếng ru*

- Giáo viên nêu yêu cầu tập chép.
- Giáo viên đọc mẫu đoạn thơ; giới thiệu: 4 câu thơ sẽ viết là 4 câu cuối trong bài thơ *Tiếng ru* của nhà thơ Tố Hữu (4 câu thơ này không được đưa vào bài đọc, vì bài đọc đã dài).

- Giáo viên mời 1 – 2 HV đọc lại đoạn thơ trước lớp.

- Giáo viên hướng dẫn HV:

+ Đây là các câu thơ được viết theo thể lục bát; cần viết dòng 6 chữ cách lề khoảng 2 ô vuông lớn, viết dòng 8 chữ cách lề khoảng 1 ô vuông lớn. Viết hoa chữ cái đầu tên bài, đầu dòng thơ; viết đúng, đủ các dấu câu.

- Học viên nhìn sách (hoặc bảng phụ), viết vào vở.
- Học viên nhìn sách (hoặc bảng phụ), soát lại bài viết, sửa lỗi (nếu cần).
- Giáo viên hướng dẫn HV chữa một số bài trên lớp; HV chữa bài của mình.

b) Nhìn tranh, nói và viết tên các sự vật và hành động có tiếng mở đầu bằng ng hoặc ngh

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập:

+ Dựa vào tranh để tìm các từ ngữ chứa tiếng có âm đầu *ng* hoặc *ng*.

+ Viết lại các từ ngữ đó.

- Cả lớp làm bài vào vở.

- Giáo viên chữa bài trên bảng: **nghe, ngô, nghệ, một nghìn, ngòi, ngã, ngáp, ngủ.**

- Giáo viên hướng dẫn HV chữa lỗi.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Giáo viên hướng dẫn HV trao đổi với người thân về cách ứng xử với hàng xóm theo phương châm “*Bán anh em xa, mua láng giềng gần*”.

- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 18.

Bài 18. TIẾT KIỆM NƯỚC (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Tiết kiệm nước*. Hiểu nội dung và ý nghĩa bài đọc: Nước là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá; nguồn nước không phải là vô tận; chúng ta cần phải tiết kiệm nước để nguồn nước không bị cạn kiệt.

2. Nói và nghe

Nêu được ích lợi của nước, một số biện pháp tiết kiệm nước.

3. Viết

- Chọn được từ ngữ cho sẵn để hoàn thành các câu văn.
- Viết được câu về vai trò của nước đối với sự sống và tầm quan trọng của việc tiết kiệm nước.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh và câu hỏi gợi ý hỗ trợ hoạt động nghe - nói (nếu chuẩn bị được).
- Bảng phụ viết sẵn bài tập luyện viết.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

- Giáo viên gợi ý để HV nói về ích lợi của nước (Con người cần nước để làm gì?).
- Học viên trao đổi theo cặp; phát biểu ý kiến trước lớp. VD: Con người cần nước để uống, tưới cây, tắm giặt, rửa xe cộ,...
- Giáo viên giới thiệu bài đọc *Tiết kiệm nước*.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn bài; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ khó phát âm hoặc có thể phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài (VD: *Đây là một trong nhiều nguyên nhân / khiến nguồn nước sạch / ngày càng khan hiếm.*).
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Học viên đọc cá nhân, nhóm, lớp (nối tiếp, đồng thanh,...): đọc từ ngữ, đọc câu, đọc bài.

b) Đọc hiểu

- Học viên đọc thầm câu hỏi, trao đổi theo cặp; sau đó nêu ý kiến trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, chốt câu trả lời đúng:

(1) Nước có vai trò quan trọng như thế nào? (Nước là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá, rất cần cho mọi sự sống và phát triển. Nước dùng để ăn uống, tưới cây, giặt rũ; để đi lại (đường thủy), làm thủy điện, điều hoà nhiệt độ môi trường sống,...).

(2) Bạn hãy nêu một nguyên nhân khiến cho nguồn nước sạch ngày càng khan hiếm. (Do trái đất nóng lên làm nước bốc hơi. Ngoài ra còn nhiều nguyên nhân khác: áp lực dân số, tình trạng lãng phí nước, khai thác cạn kiệt nguồn nước,...).

(3) Cần làm gì để ngừa hậu quả của tình trạng thiếu nước? (Cần tiết kiệm nước: xây bể chứa nước mưa, không xả nước bừa bãi, sử dụng chậu khi rửa bát, dùng cốc khi đánh răng,...).

3. Luyện tập gắn với văn bản đọc

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: luyện nói, luyện viết về ích lợi của nước và một số biện pháp tiết kiệm nước.
- Học viên trao đổi theo cặp.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) Kể thêm những ích lợi khác của nước.

Nước để chăn nuôi, làm mát không khí, làm mát máy móc.

(2) Kể thêm một số biện pháp tiết kiệm nước:

Tắt nước khi không sử dụng, kiểm tra để biết chắc nước không rò rỉ, tưới cây vào buổi sáng, dùng vòi hoa sen thông minh, tận dụng nước xả để dùng nhiều lần, tắm trong thời gian ngắn hơn,....

(3) Bạn tán thành hoặc không tán thành những việc làm nào dưới đây? Vì sao?

- Những tranh thể hiện việc làm được khuyến khích: tranh 3 (tiết kiệm nước).

- Những tranh thể hiện việc làm không được khuyến khích: tranh 1, 2 (không tiết kiệm nước).

4. Viết

a) Tìm từ ngữ thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn thành câu

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Chọn từ ngữ thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn thành các câu nói về vai trò của nước và việc tiết kiệm nước.
- Học viên làm bài cá nhân: Đọc và tìm hiểu nội dung đoạn văn; tìm từ ngữ phù hợp với chỗ trống.
- Học viên trao đổi kết quả theo cặp.
- Một số HV báo cáo kết quả trong lớp; HV khác nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, chốt kết quả đúng.

Nước rất **quan trọng/ có ích** đối với con người và mọi vật. Chúng ta cần phải **tiết kiệm** nước để Trái Đất không xảy ra tình trạng **thiếu nước / cạn kiệt nguồn nước**.

b) Viết lại câu

- Học viên viết câu đã hoàn thành vào vở.
- Giáo viên nhận xét một số bài; HV sửa bài viết (nếu cần).

IV. Củng cố, vận dụng

- Giáo viên hướng dẫn HV trao đổi với người thân về vai trò của nước và những việc cần làm để tiết kiệm nước.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 19.

Chủ điểm: GIA ĐÌNH

Bài 19. CUỘC SỐNG CỦA GIA ĐÌNH CÁ CON (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Cuộc sống của gia đình cá con*. Hiểu nội dung bài: nói về cuộc sống vui vẻ của gia đình nhà cá bên một khúc sông, tiếc là dòng sông sau đó đã bị ô nhiễm nên gia đình cá đã phải đi tìm nơi khác sinh sống.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Cuộc sống của gia đình cá con* theo câu hỏi gợi ý.

3. Viết: Tô và viết chữ hoa M, N.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Mẫu chữ hoa M, N phóng to; phần mềm hướng dẫn viết chữ M, N.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Nói về môi trường sống của loài cá.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh.
- Giáo viên / HV đọc toàn bài trước lớp. 2 học viên đọc nối tiếp bài đọc.
- Học viên đọc nối tiếp trong nhóm.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Vì sao lúc đầu bầy cá con thích nơi ở của mình?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
- Học viên trả lời câu hỏi (Vì nơi đàn cá sống có nước rất sạch và trong lành).
- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Điều gì xảy ra khiến họ hàng nhà cá hoảng sợ?) hoặc HV đọc câu hỏi 2 trước lớp.
- Học viên trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi (Con người đã sử dụng máy móc để đào cát trên sông).
- Giáo viên nêu câu hỏi 3. (Gia đình cá con đi tìm nơi có cuộc sống như thế nào?) hoặc HV đọc câu hỏi 3 trước lớp.
- Học viên trả lời câu hỏi (Gia đình cá con đi tìm nơi có môi trường trong lành và có cuộc sống hạnh phúc hơn).
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo: Kể chuyện.

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu: Nêu nội dung từng tranh dựa vào câu hỏi dưới mỗi tranh, rồi dựa vào tranh và gợi ý để kể lại câu chuyện *Cuộc sống của gia đình cá con*.
- Giáo viên nêu từng câu hỏi dưới mỗi tranh để HV lần lượt trả lời.
- Học viên làm việc cá nhân: Tập kể lại câu chuyện dựa vào tranh và gợi ý.
- Học viên làm việc nhóm: Từng thành viên kể chuyện. Cả nhóm góp ý.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Tô và viết chữ hoa.

4. Viết

a) Tô và viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Tô và viết chữ hoa M, N.
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa M, N; phân tích điểm giống và khác của hai chữ đó.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa M, N.
- Giáo viên có thể hướng dẫn cụ thể chữ M như sau:

- + Chữ hoa M cao 5 li.
- + Chữ hoa M được viết bằng 4 nét: móc ngược trái, thẳng đứng, thẳng xiên và móc ngược phải.
- + Cách viết:
 - Nét 1: Đặt bút trên ĐK 2, viết nét móc từ dưới lên, lượn sang phải, DB ở ĐK 6.
 - Nét 2: Từ điểm DB của nét 1, đổi chiều bút, viết một nét thẳng đứng xuống ĐK 1.
 - Nét 3: Từ điểm DB của nét 2, đổi chiều bút, viết một nét thẳng xiên (hơi lượn ở hai đầu) lên ĐK 6.
 - Nét 4: Từ điểm DB của nét 3, đổi chiều bút, viết nét móc ngược phải, DB trên ĐK 2.

- Viết chữ hoa N: Thực hiện tương tự như khi viết chữ hoa M. Lưu ý về cấu tạo độ cao và cách viết:

+ Chữ hoa N cao 5 li.
+ Chữ hoa N được viết bằng 3 nét: móc ngược trái, thẳng xiên và móc xuôi phải.
+ Cách viết:
Nét 1: Đặt bút trên ĐK 2, viết nét móc ngược trái từ dưới lên, lượn sang phải, DB ở ĐK 6 (như viết nét 1 của chữ M).
Nét 2: Từ điểm DB của nét 1, đổi chiều bút, viết một nét thẳng xiên xuống ĐK 1.
Nét 3: Từ điểm DB của nét 2, đổi chiều bút, viết một nét móc xuôi phải lên ĐK 6, rồi uốn cong xuống ĐK 5.

- Học viên làm việc cá nhân, luyện tô các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

+ *Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.*

+ *Nói lời hay, làm việc tốt.*

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng, nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 19.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà cùng đọc với người thân những câu ca dao về tình cảm gia đình.

- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 20.

Bài 20. LỬA ẤM BẢN HON (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Lửa ấm bản Hon*. Hiểu nội dung bài: Bài thơ nói tới nỗi nhớ và tình cảm tha thiết của người con về bếp lửa nhà mình, về quê hương.

2. Nói và nghe: Dựa vào gợi ý, trao đổi với bạn về quê hương – nơi sinh ra và lớn lên.

3. Viết:

- Nghe – viết được khổ thơ thứ hai bài *Lửa ấm bản Hon*.

- Chọn đúng chữ c / k phù hợp với chỗ trống để hoàn chỉnh câu.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ viết sẵn đoạn thơ của bài tập chính tả; một số thẻ *c, k* để HV gắn vào chỗ trống trong câu.

- Tranh và câu hỏi gợi ý hỗ trợ hoạt động nghe - nói (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Nói về ý nghĩa của bếp lửa nhà sàn trong cuộc sống đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên / HV đọc toàn bài trước lớp. 3 HV đọc nối tiếp 3 đoạn.

- Học viên đọc nối tiếp trong nhóm.

- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Người con trong bài thơ cất tiếng khóc đầu tiên ở đâu?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.

- Học viên trả lời câu hỏi (Người con trong bài thơ cất tiếng khóc đầu tiên ở bên bếp lửa nhà sàn).

- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Mẹ đã làm những gì cho con của mình?) hoặc HV đọc câu hỏi 2 trước lớp.

- Học viên trả lời câu hỏi (Mẹ đã cất rốn cho con, tắm cho con, cho con ăn, dạy dỗ con nên người).

- Giáo viên nêu câu hỏi 3. (Vì sao dù đi đâu, người con vẫn nhớ về “lửa ấm bản Hon”?) hoặc HV đọc câu hỏi 3 trước lớp.

- Học viên làm việc nhóm: Từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến, (VD: Vì nơi đó có gia đình, có quê hương./ Vì nơi đó chứa đựng biết bao kỉ niệm thời thơ ấu, chứa đựng tình yêu của mẹ với con./...).

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo: Luyện nói và nghe.

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu: Hôm nay, chúng ta sẽ trao đổi về đề tài *Gia đình sum họp*.

- Giáo viên hướng dẫn HV trao đổi trong nhóm theo 2 nhiệm vụ trong tài liệu học viên:

(1) Nói về quê hương, nơi mỗi người được sinh ra và lớn lên:

- Anh/chị được sinh ra ở đâu?

- Quê hương anh/chị có gì đặc biệt khiến anh/chị luôn nhớ...

(2) Nói về những việc làm để đóng góp cho quê hương mình:

VD: Học tập tốt để có thể góp phần xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp...

- Trao đổi trước lớp: Một số HV hỏi – đáp (theo cặp hoặc ngẫu nhiên), chia sẻ nội dung đã trao đổi trong nhóm.

- Học viên nhận xét, rút kinh nghiệm; GV góp ý thêm.

4. Viết

a) Nghe – viết: *Lửa ấm bản Hon* (khổ thơ thứ hai).

- Giáo viên nêu yêu cầu nghe – viết.

- Giáo viên mời 1 – 2 HV đọc lại đoạn thơ trước lớp.

- Giáo viên hướng dẫn HV:

+ Viết hoa chữ cái đầu tên bài, đầu dòng thơ.

+ Viết những tiếng khó hoặc tiếng dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

- Giáo viên đọc tên bài, đọc từng dòng thơ cho HV viết vào vở.

- Giáo viên đọc lại đoạn thơ cho HV soát lại bài viết (hoặc dùng bảng phụ, máy chiếu).

- Giáo viên hướng dẫn HV chữa một số bài trên lớp; HV chữa bài của mình.

b) Điền c hoặc k vào chỗ trống

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập: chọn c / k thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn thành câu.

- Cả lớp làm bài vào vở.

- Giáo viên chữa bài trên bảng: a) cá; b) kê; c) kì; d) cọ.

- Giáo viên hướng dẫn HV chữa lỗi.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Giáo viên tổ chức cho HV viết 1 - 2 câu giới thiệu cảnh vật thiên nhiên ở địa phương mình. Nếu không còn thời gian, GV hướng dẫn HV luyện viết ở nhà.

- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 21.

Bài 21. VỀ THĂM BÀ (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Về thăm bà*. Hiểu nội dung bài: Tả về một người cháu về thăm bà, nơi luôn có sự quan tâm, chăm sóc của người bà dành cho cháu.

2. Luyện tập gắn với văn bản đọc

- Tìm những từ ngữ chỉ tình cảm gia đình trong bài *Về thăm bà*.
- Tìm được thêm một số từ ngữ chỉ tình cảm gia đình.
- Đóng vai Thanh nói với bà khi chia tay bà để đi xa.

3. Viết

- Chọn được từ ngữ cho sẵn để hoàn thành các câu thơ.
- Dựa vào bài thơ, viết được câu nói về tình cảm hai ông cháu.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ viết sẵn bài tập 1 (bài viết) (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Nói về cảm giác khi thăm người thân ở xa.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên / HV đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp bài đọc.
- Học viên đọc nối tiếp trong nhóm.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Bà được tả qua những chi tiết nào?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.

- Học viên trả lời câu hỏi (Tóc bạc phơ, chống gậy trúc, đôi mắt hiền từ).

- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Thanh có cảm giác như thế nào khi về thăm bà?) hoặc HV đọc câu hỏi 2 trước lớp.

- Học viên trả lời câu hỏi (Có cảm giác thông thả, bình yên, được bà che chở).

- Giáo viên nêu câu hỏi 3. (Bà có tình cảm như thế nào với Thanh?) hoặc HV đọc câu hỏi 3 trước lớp.

- Học viên làm việc nhóm: Từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến (VD: Bà luôn yêu mến và nhớ đến Thanh./ Bà luôn săn sóc, yêu thương và chờ đợi Thanh trở về nhà./...).
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo: Luyện tập gắn với văn bản đọc.

3. Luyện tập gắn với văn bản đọc

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: luyện nói về từ ngữ chỉ tình cảm gia đình.
- Học viên trao đổi theo cặp.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung, thống nhất kết quả đúng.

- (1) Tìm những từ ngữ chỉ tình cảm gia đình trong bài *Về thăm bà*:
Âu yếm, mến thương, mến yêu.
- (2) Tìm thêm một số từ ngữ chỉ tình cảm gia đình.
VD: đùm bọc, chăm sóc, giúp đỡ, đoàn kết, gắn bó, chia sẻ, thương yêu, nhường nhịn,...
- (3) Đóng vai Thanh nói với bà khi chia tay bà để đi xa:
VD: Bà ơi! Cháu xin phép bà cháu đi công tác. Cháu luôn nhớ mong bà ạ!/ Bà ơi! Cháu mong bà giữ gìn sức khỏe khi cháu đi xa. Cháu sẽ sớm trở về thăm bà ạ !/...

4. Viết

a) Chọn từ ngữ thích hợp vào chỗ trống trong bài thơ

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Chọn từ ngữ trong ngoặc thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn chỉnh các câu thơ.
- Học viên làm bài cá nhân, sau đó trao đổi kết quả trong nhóm.
- Một số HV báo cáo kết quả trong lớp; HV khác nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, chốt kết quả đúng: *vịt lớn, vịt con, chạy vòng, mắt sáng*.

b) Đặt câu nói về tình cảm của hai ông cháu trong bài thơ trên

- Giáo viên yêu cầu HV đọc lại bài thơ để viết câu nói về tình cảm của hai ông cháu trong bài thơ.
- Học viên viết lại câu (khuyến khích HV viết nhiều hơn một câu).
- Một số HV đọc câu trước lớp; HV khác bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu cho đúng và hay (nếu cần).

IV. Củng cố, Dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 21.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà trao đổi với người thân về những việc làm để gắn kết tình cảm gia đình.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 22.

Chủ điểm: THIÊN NHIÊN ĐẤT NƯỚC

Bài 22. TÀI NGUYÊN RỪNG VIỆT NAM (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Tài nguyên rừng Việt Nam*. Hiểu nội dung và ý nghĩa của văn bản: văn bản nói về sự phong phú về tài nguyên thiên nhiên của rừng Việt Nam cũng như thực trạng đang bị tàn phá của rừng hiện nay.

2. Nói và nghe

- Dựa vào gợi ý, kể lại được văn bản *Tài nguyên rừng Việt Nam*; trao đổi được về câu chuyện và nhân vật trong truyện.

- Nêu được những việc cần làm để bảo vệ rừng Việt Nam.

3. Viết: Tô và viết chữ hoa I, K, H.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Mẫu chữ hoa I, K, H phóng to; phần mềm hướng dẫn viết chữ I, K, H.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

- Học viên kể về thiên nhiên nơi mình đang sinh sống.
- Học viên trao đổi theo cặp; phát biểu ý kiến trước lớp.
- Giáo viên nhận xét; giới thiệu bài đọc *Tài nguyên rừng Việt Nam*.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.

- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc những câu dài (VD: *Ngoài các loại động vật thường gặp như hươu, nai, sơn dương,... còn có những loài quý hiếm như tê giác, hổ, bò rừng, sao la, công, trĩ, gà lôi đỏ,....*).

- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ có thể khó đối với HV.

- Học viên đọc cá nhân, nhóm, lớp (nối tiếp, đồng thanh,...): đọc từ ngữ, đọc câu, đọc bài.

b) Đọc hiểu

- Học viên đọc thầm câu hỏi, trao đổi theo cặp; sau đó nêu ý kiến trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, chốt câu trả lời đúng:

(1) Rừng Việt Nam có những loại cây, con nào? (gỗ quý: đinh, lim, sến, táu, cẩm lai; lâm sản có nấm hương, nấm linh chi, mật ong; động vật có chim, thú, bò sát, ếch, nhái).

(2) Những việc làm sai trái nào khiến cho rừng ngày càng cạn kiệt? (thực vật bị chặt phá, động vật bị săn bắt lên lút).

(3) Hậu quả của những việc làm sai trái đó? (gỗ và chim thú ngày càng cạn kiệt).

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu: dựa vào câu hỏi gợi ý để nói về những lợi ích của rừng đối với cuộc sống con người và những việc làm để bảo vệ rừng.

- Học viên làm việc cá nhân.

- Học viên làm việc nhóm: Từng thành viên trình bày ý kiến của mình. Cả nhóm góp ý.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Tô và viết chữ hoa.

4. Viết

a) Tô và viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Tô và viết chữ hoa I, K, H.

- Giáo viên có thể hướng dẫn cụ thể chữ I như sau:

- + Chữ hoa I cao 5 li.
- + Chữ hoa I được viết bằng 2 nét. Nét 1 là kết hợp của 2 nét cơ bản cong trái và lượn ngang. Nét 2 là nét móc ngược trái (đầu nét hơi lượn, đuôi nét lượn hẳn vào trong gần giống nét 1 ở chữ B.
- + Cách viết:
 - Nét 1 ĐB trên ĐK 5 viết nét cong trái rồi lượn ngang.
 - Nét 2 từ điểm DB của nét 1, hơi lượn xuống để viết nét móc ngược trái khi chạm ĐK 1 thì lượn cong lên rồi uốn vào trong, DB trên ĐK 2.

- Giáo viên có thể hướng dẫn cụ thể chữ K như sau:

- + Chữ hoa K cao 5 li.
- + Chữ hoa K được viết bằng 3 nét: Nét 1 và 2 giống cấu tạo chữ I. Nét 3: là kết hợp của 2 nét cơ bản móc xuôi phải và móc ngược phải nối liền nhau tạo một vòng xoắn nhỏ ở giữa thân chữ.
- + Cách viết:
 - Nét 1 ĐB trên ĐK 5, viết nét cong trái rồi lượn ngang giống nét đầu ở I.
 - Nét 2 từ điểm DB của nét 1, hơi lượn xuống để viết nét móc ngược trái khi chạm ĐK 1 thì lượn cong lên rồi uốn vào trong, DB trên ĐK 2.
 - Nét 3 từ điểm DB của nét 2, lia bút lên ĐK 5 để viết nét móc xuôi phải đến khoảng giữa thân chữ thì lượn vào trong và tạo vòng xoắn nhỏ lồng vào thân nét móc (nét 2) rồi viết tiếp nét móc ngược phải, DB trên ĐK 2.

- Giáo viên có thể hướng dẫn cụ thể chữ H như sau:

<ul style="list-style-type: none"> + Chữ hoa H cao 5 li. + Chữ hoa H được viết bằng 3 nét: Nét 1: Kết hợp 2 nét cơ bản cong trái và lượn ngang. Nét 2: Kết hợp của 3 nét cơ bản khuyết ngược, khuyết xuôi và móc phải. Nét 3: Nét thẳng đứng (nằm giữa đoạn nối của 2 nét khuyết). + Cách viết: <ul style="list-style-type: none"> • Nét 1 DB trên ĐK 5, viết nét cong trái rồi lượn ngang giống nét đầu ở K. • Nét 2 từ điểm DB của nét 1, viết nét khuyết ngược, nối liền sang nét khuyết xuôi, cuối nét khuyết xuôi lượn lên viết nét móc phải, DB trên ĐK 2. • Nét 3 từ điểm DB của nét 2, lia bút lên ĐK 4 viết một nét thẳng đứng cắt giữa đoạn nối 2 nét khuyết, DB trên ĐK 2.
--

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên mời HV đọc từ ngữ ứng dụng trong tài liệu học viên (*Ích nước lợi nhà./ Kiến tha lâu cũng đầy tổ./ Học đi đôi với hành.*)
- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng, nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

IV. Củng cố, dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 22.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà đọc đoạn văn về Động Phong Nha trong tài liệu học viên.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 23.

Bài 23. CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

- 1. Đọc:** Đọc đúng và đọc trơn từ, câu trong bài *Ca dao về quê hương đất nước*. Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài. Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài ca dao: ca ngợi cảnh đẹp quê hương đất nước.
- 2. Nói và nghe:** Trao đổi với bạn về khung cảnh thiên nhiên quê hương mình.
- 3. Viết:**
 - Nhìn – chép đúng 4 dòng đầu của bài *Ca dao về quê hương đất nước*.
 - Dựa vào hình ảnh, tìm và viết đúng một số tiếng có âm đầu *g* hay *gh*.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ viết sẵn bài *Ca dao về quê hương đất nước* và bài tập 2 (bài tập chính tả).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

- Giáo viên nêu câu hỏi trong tài liệu học viên, hướng dẫn HV đọc một vài câu ca dao nói về cảnh đẹp của quê hương mà HV biết.

- Học viên đọc các câu ca dao nói về cảnh đẹp của quê hương.

- Giáo viên nhận xét, giới thiệu bài đọc *Ca dao về quê hương đất nước*.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn bài thơ; HV đọc thầm theo.

- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.

- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc một số câu thơ có thể ngắt hơi không đúng.

- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.

- Học viên đọc cá nhân, nhóm, lớp (nối tiếp, đồng thanh,...): đọc từ ngữ, đọc câu, đọc bài.

b) Đọc hiểu

- Học viên đọc thầm câu hỏi, trao đổi theo cặp; sau đó nêu ý kiến trước lớp.

- Giáo viên nhận xét, chốt câu trả lời đúng:

(1) Hãy kể tên những địa danh được nhắc đến trong bài thơ? (hồ Hoàn Kiếm, cầu Thê Húc, chùa Ngọc Sơn, Đài Nghiên, Tháp Bút, Đồng Nai, Gia Định).

(2) Vì sao nói ngày mùng mười tháng ba là ngày Giỗ Tổ? (Tuần phủ Phú Thọ ông Lê Trung Ngọc vào năm 1917 (niên hiệu Khải Định năm thứ nhất) đã làm bản tấu trình lên Bộ Lễ, xin định lệ lấy ngày mùng 10/3 âm lịch hằng năm để nhân dân cả nước kính tế Quốc tổ Hùng Vương.)

(3) Nêu cảm nhận của bạn về quê hương đất nước mình? (Quê hương, đất nước có nhiều cảnh đẹp, sản vật quý. Mọi người cùng nhau giữ gìn cho con cháu muôn đời sau).

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu: Học viên kể tên những thắng cảnh thiên nhiên của quê hương và nói lên suy nghĩ của mình khi đến thăm một danh lam thắng cảnh.

- Giáo viên hướng dẫn HV trao đổi trong nhóm theo 2 nhiệm vụ trong tài liệu học viên.

- Trao đổi trước lớp: Một số HV nói trước lớp; những HV khác trao đổi, bổ sung ý kiến.

- Giáo viên nhận xét, góp ý thêm.

4. Viết

a) Tập chép:

- Giáo viên nêu yêu cầu tập chép 4 dòng đầu của bài *Ca dao về quê hương đất nước*.

- Giáo viên đọc mẫu đoạn thơ; giới thiệu: 4 câu thơ sẽ viết là 4 câu thơ đầu của bài *Ca dao về quê hương đất nước*.

- Giáo viên đọc 4 câu thơ đầu của bài ca dao một lần.

- Giáo viên mời 1 – 2 HV đọc lại đoạn thơ trước lớp.

- Học viên nhìn sách (hoặc bảng phụ), viết vào vở.

- Học viên nhìn sách (hoặc bảng phụ), soát lại bài viết, sửa lỗi (nếu cần).

- Giáo viên hướng dẫn HV chữa một số bài trên lớp; HV chữa bài của mình.

b) Điền vào chỗ trống g hoặc gh

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập:

+ Chọn *g* hoặc *gh* thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn thành câu văn.

+ Viết lại các từ ngữ đó.

- Cả lớp làm bài vào vở.

- Giáo viên chữa bài trên bảng: *Đàn **gà** đi trong sân./ Chị Hoa chăm chú **ghi** chép./ Tôi vừa **ghé** qua văn phòng./ Con **gấu** đang bắt cá.*

- Giáo viên hướng dẫn HV chữa lỗi.

IV. CÙNG CỐ, VẬN DỤNG

- Về nhà HV viết 2 - 3 câu kể về một danh lam thắng cảnh của quê hương hoặc HV biết.

- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 24.

Bài 24. LÀM SẠCH MÔI TRƯỜNG (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Làm sạch môi trường*. Hiểu nội dung và ý nghĩa bài đọc: Giới thiệu tấm gương bảo vệ môi trường không biết mệt mỏi của ông Nguyễn Thương.

2. Nói và nghe

- Nêu được tác hại của rác thải và một số hành động bảo vệ môi trường sống.

3. Viết

- Chọn được từ ngữ cho sẵn để hoàn thành các câu văn.
- Viết được 2 - 3 câu về những hành động bảo vệ môi trường.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh và câu hỏi gợi ý hỗ trợ hoạt động nghe - nói (nếu chuẩn bị được).
- Bảng phụ viết sẵn bài tập luyện viết.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

- Giáo viên gợi ý để HV nói về việc thu gom rác thải của địa phương nơi HV sinh sống đang diễn ra như thế nào.
- Học viên trao đổi theo cặp; phát biểu ý kiến trước lớp.
- Giáo viên giới thiệu bài đọc *Làm sạch môi trường*.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn bài; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ khó phát âm hoặc có thể phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài (VD: *Từ 6 giờ sáng/ ông Nguyễn Thương trú tại khối phố Phước Trạch,/ phường Cửa Đại,/ thành phố Hội An/ đã thoăn thoắt đẩy xe nhặt từng mảnh rác / mà không nhận một đồng thù lao nào.*).
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Học viên đọc cá nhân, nhóm, lớp (nối tiếp, đồng thanh,...): đọc từ ngữ, đọc câu, đọc bài.

b) Đọc hiểu

- Học viên đọc thầm câu hỏi, trao đổi theo cặp; sau đó nêu ý kiến trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, chốt câu trả lời đúng:
 - (1) Công việc của ông Nguyễn Thương là gì? (Ông Thương làm công việc thu gom rác thải).
 - (2) Điều làm ông Thương trăn trở là gì? (Ông Thương trăn trở làm sao để có thể thay đổi ý thức của người dân về việc xả rác).

(3) Nêu nhận xét của bạn về việc làm của ông Nguyễn Thương? (Tấm gương về giữ gìn, bảo vệ môi trường,...).

3. Luyện tập gắn với văn bản đọc

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: nêu tên các việc làm trong mỗi tranh.
- Học viên trao đổi theo cặp.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) *Vứt rác bừa bãi trên đường phố.*

(2) *Thu gom rác thải trên bờ biển.*

(3) *Lấy mẫu nước để kiểm tra.*

(4) *Thu gom rác trên đường phố.*

(5) *Vớt rác dưới ao, hồ.*

(6) *Trồng cây xanh.*

- Giáo viên chiếu/treo lên bảng những hành động trong tài liệu học viên hoặc GV có thể sưu tầm thêm và yêu cầu HV trả lời tán thành/không tán thành hành động nào. Vì sao?

- Học viên làm việc cá nhân, phát biểu trước lớp. GV nhận xét.
- Giáo viên nhận xét, bổ sung.

4. Viết

a) Tìm từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Chọn từ ngữ thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn thành các câu nói lợi ích của việc phân loại rác thải.

- Học viên làm bài cá nhân: Đọc và tìm hiểu nội dung đoạn văn; tìm từ ngữ phù hợp với chỗ trống.

- Học viên trao đổi kết quả theo cặp.
- Một số HV báo cáo kết quả trong lớp; HV khác nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, chốt kết quả đúng.

*Việc phân loại **rác thải** vừa mang lại lợi ích bảo vệ môi trường, vừa tiết kiệm được nguồn tài nguyên thiên nhiên. Nếu các **gia đình** luôn có ý thức phân loại rác thải sẽ mang lại lợi ích lớn cho cộng đồng, góp phần **bảo vệ** môi trường xanh, sạch hơn.*

b) Viết câu

- Giáo viên nêu yêu cầu: Viết 2 - 3 câu về những hành động bảo vệ môi trường vào vở.

- Giáo viên nhận xét một số bài; HV sửa bài viết (nếu cần).

IV. CÙNG CỐ, VẬN DỤNG

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 24.
- Giáo viên hướng dẫn HV trao đổi với người thân về tác hại của việc vứt rác bừa bãi đối với môi trường và sức khỏe.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 25.

Chủ điểm: CUỘC SỐNG QUANH TA

Bài 25. TƯƠNG THÂN TƯƠNG ÁI (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Cháy nhà hàng xóm*. Hiểu nội dung và ý nghĩa câu chuyện: Câu chuyện này khuyên ta cần phải quan tâm, giúp đỡ người khác, đặc biệt là cần quan tâm giúp đỡ hàng xóm láng giềng.

2. Nói và nghe

- Nói được những việc nên làm nếu gặp một người cần giúp đỡ.
- Dựa vào gợi ý, kể lại được câu chuyện *Cháy nhà hàng xóm*; trao đổi được về câu chuyện và nhân vật trong truyện.

3. Viết: Tô và viết chữ hoa V, L, T.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Mẫu chữ hoa V, L, T phóng to; phần mềm hướng dẫn viết chữ V, L, T.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

- Giáo viên nêu câu hỏi để HV nêu ý kiến (có thể giả định tình huống cụ thể): Chúng ta nên làm gì nếu gặp một người cần được giúp đỡ?

- Học viên trao đổi theo cặp; phát biểu ý kiến trước lớp.
- Giáo viên nhận xét; giới thiệu bài đọc *Cháy nhà hàng xóm*.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn truyện; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc lời thoại và câu không có dấu giữa câu (VD: *Nhà cửa và cửa cải của ông ta / đã bị ngọn lửa thiêu sạch.*).

- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.

- Học viên đọc cá nhân, nhóm, lớp (nối tiếp, đồng thanh,...): đọc từ ngữ, đọc câu, đọc bài.

b) Đọc hiểu

- Học viên đọc thầm câu hỏi, trao đổi theo cặp; sau đó nêu ý kiến trước lớp.

- Giáo viên nhận xét, chốt câu trả lời đúng:

(1) Thấy có nhà cháy, người hàng xóm và những người khác trong làng đã hành động khác nhau như thế nào? (Những người trong làng ra sức tìm cách dập đám cháy, còn người hàng xóm vẫn đứng dưng, nằm trùm chần).

(2) Kết thúc câu chuyện ra sao? (Lửa ngày càng cháy to, gió thổi mạnh làm lửa bén sang mái nhà ông hàng xóm khiến nhà cửa và của cải của ông ta bị thiêu sạch.)

(3) Câu chuyện khuyên ta điều gì? (Phải biết quan tâm, giúp đỡ hàng xóm.)

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu: dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý để kể lại câu chuyện *Cháy nhà hàng xóm*.

- Học viên làm việc cá nhân: Tập kể lại câu chuyện dựa vào gợi ý.

- Học viên làm việc nhóm: Từng thành viên kể chuyện và nêu nhận xét về một nhân vật trong câu chuyện. Cả nhóm góp ý.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Tô và viết chữ hoa.

4. Viết

a) Tô và viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Tô và viết chữ hoa V, L, T

- Giáo viên có thể hướng dẫn cụ thể chữ V như sau:

+ Chữ hoa V cao 5 li.

+ Chữ hoa V được viết bằng 3 nét. Nét 1: Là kết hợp của nét cong trái và nét lượn ngang (giống ở đầu chữ hoa H, I, K). Nét 2: Là nét thẳng đứng (hơi lượn ở hai đầu). Nét 3: Là nét móc xuôi phải, lượn ở phía dưới.

+ Cách viết:

Nét 1: Đặt bút trên ĐK 5, viết nét con trái rồi lượn ngang; DB trên ĐK 6.

Nét 2: Từ điểm DB là nét 1, chuyển hướng đầu bút đi xuống để viết nét thẳng đứng lượn ở hai đầu; đến ĐK 1 thì dừng lại.

Nét 3: Từ điểm DB là nét 2, chuyển hướng đầu bút lượn lên để viết tiếp nét móc xuôi phải; DB ở ĐK 5.

- Viết chữ hoa L, T: Thực hiện tương tự như khi viết chữ hoa V. Lưu ý về cấu tạo độ cao và cách viết:

- Chữ hoa L:

+ Chữ hoa L cao 5 li.

+ Chữ hoa L được viết bằng 1 nét: Là kết hợp của 3 nét (cong dưới, lượn dọc, lượn ngang) nối liền nhau, tạo vòng xoắn to ở đầu chữ (gần giống phần đầu của các chữ hoa C, G) và vòng xoắn nhỏ ở chân chữ (giống chân chữ hoa D).

+ Cách viết: Đặt bút trên ĐK 6, viết nét cong dưới lượn trở lên ĐK 6, chuyển hướng bút viết tiếp nét lượn dọc (lượn hai đầu), rồi chuyển hướng bút viết nét lượn ngang (lượn hai đầu), tạo vòng xoắn nhỏ ở chân chữ; DB ở ĐK 2.

- Chữ hoa T:

+ Chữ hoa T cao 5 li.

+ Chữ hoa T được viết bằng 1 nét: Là kết hợp của 3 nét cong trái (nhỏ), lượn ngang (ngắn) và cong trái (to) nối liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ ở đầu chữ.

+ Cách viết: Đặt bút giữa ĐK 4 và ĐK 5, viết nét cong trái nhỏ nối liền với nét lượn ngang từ trái sang phải, sau đó lượn trở lại viết tiếp nét cong trái (to), cắt nét lượn ngang và cong trái (nhỏ), tạo vòng xoắn nhỏ ở đầu chữ, phần cuối nét cong lượn vào trong (giống ở chữ hoa C); DB trên ĐK 2.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên mời HV đọc từ ngữ ứng dụng trong tài liệu học viên (*Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau./ Vì người, người lại vì mình./ Thương người như thể thương thân.*).

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng, nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

IV. Củng cố, dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 25.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà đọc hoặc kể lại câu chuyện *Cháy nhà hàng xóm* cho người thân nghe.

- Đọc đoạn thơ *Bầm ơi!*.

- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 26.

Bài 26. NHỚ ƠN (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu trong bài *Nhớ ơn*. Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài. Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài ca dao: nói về một phẩm chất tốt đẹp cần gìn giữ và phát huy – phẩm chất biết ơn.

2. Nói và nghe: Dựa vào gợi ý, trao đổi với bạn về lòng biết ơn.

3. Viết:

- Nhìn – chép đúng 4 dòng của bài *Ca dao về lao động sản xuất*.
- Dựa vào hình ảnh, tìm và viết đúng một số tiếng có âm đầu *ng / ngh*.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ viết sẵn bài *Ca dao về lao động sản xuất* và bài tập 1 (bài tập chính tả).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

- Giáo viên nêu câu hỏi trong tài liệu học viên, hướng dẫn HV trao đổi: Câu tục ngữ “*Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây*.” khuyên ta điều gì?
- Học viên trao đổi về câu tục ngữ “*Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây*.”
- Giáo viên giới thiệu: Câu tục ngữ “*Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây*.” khuyên ta biết ơn với những người đã đem lại cho ta điều tốt đẹp. Hôm nay, chúng ta sẽ đọc một bài đồng dao cũng nói về lòng biết ơn. Đó là bài *Nhớ ơn*.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn bài thơ; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc một số câu thơ có thể ngắt hơi không đúng (VD: *Ăn / một quả đào. // Nhớ / người vun gốc. // Ăn / một con ốc, // Nhớ / người đi mò.*).
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ khó đối với HV.
- Học viên đọc cá nhân, nhóm, lớp (nối tiếp, đồng thanh,...): đọc từ ngữ, đọc câu, đọc bài.

b) Đọc hiểu

- Học viên đọc thầm câu hỏi, trao đổi theo cặp; sau đó nêu ý kiến trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, chốt câu trả lời đúng:
 - (1) Bài đồng dao nhắc đến những ai? (Bài đồng dao nhắc đến những người đem lại điều tốt đẹp cho cộng đồng: người cày ruộng, người đào ao, người chăm sóc cây, người mò ốc, người chèo đò, người mắc võng, người trồng cây).
 - (2) Những người đó đã làm được những việc gì có ích? (Họ đã giúp ta có cuộc sống no đủ hơn, đủ tiện nghi hơn, dễ chịu hơn: có cơm, rau, trái cây, thực phẩm để ăn, giúp ta có thể đi lại, giúp ta có chỗ nghỉ ngơi, có bóng cây che mát.)
 - (3) Bài đồng dao khuyên ta điều gì? (Ý đúng nhất là c: Khi được hưởng một điều tốt đẹp, hãy biết ơn người tạo ra nó.)

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu: Hôm nay, chúng ta sẽ trao đổi về đề tài *Tổ lòng biết ơn*: Nên bày tỏ lòng biết ơn như thế nào?

- Giáo viên hướng dẫn HV trao đổi trong nhóm theo 2 nhiệm vụ trong tài liệu học viên:

- (1) Nói về những việc mà một người (thầy giáo, hàng xóm, bạn bè, người thân,...) đã giúp đỡ bạn.
Bạn muốn nói về ai?
Người đó đã giúp bạn trong trường hợp nào?
Người đó đã làm gì để giúp đỡ bạn?
- (2) Bạn sẽ nói gì, làm gì để tỏ lòng biết ơn đối với người đó?
Bạn suy nghĩ gì (hoặc có cảm xúc gì) khi được người đó giúp đỡ?
Bạn sẽ nói gì, làm gì để tỏ lòng biết ơn đối với người đó?

- Trao đổi trước lớp: Một số HV nói trước lớp; những HV khác trao đổi, bổ sung ý kiến.

- Học viên nhận xét, rút kinh nghiệm; GV góp ý thêm.

4. Viết

a) Tập chép: Ca dao về lao động sản xuất

- Giáo viên nêu yêu cầu tập chép.
- Giáo viên đọc bài ca dao một lần.
- Giáo viên mời 1 – 2 HV đọc lại bài ca dao trước lớp.
- Giáo viên hướng dẫn HV:
 - + Tên bài có 7 chữ, nên viết cách lề khoảng 2 ô vuông lớn.
 - + Đây là các câu ca dao được viết theo thể lục bát; cần viết dòng 6 chữ cách lề khoảng 2 ô vuông lớn, viết dòng 8 chữ cách lề khoảng 1 ô vuông lớn.
 - + Viết hoa chữ cái đầu tên bài, đầu dòng; viết đúng, đủ các dấu câu.
- Học viên nhìn sách (hoặc bảng phụ), viết vào vở.
- Học viên nhìn sách (hoặc bảng phụ), soát lại bài viết, sửa lỗi (nếu cần).
- Giáo viên hướng dẫn HV chữa một số bài trên lớp; HV chữa bài của mình.

b) Chọn chữ ng hoặc ngh thích hợp với mỗi chỗ trống

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập:
 - + Chọn *ng* hoặc *ngh* thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn thành đoạn văn.
 - + Viết lại các từ ngữ đó.
- Cả lớp làm bài vào vở.
- Giáo viên chữa bài trên bảng: **nghèo, ngân hàng, kinh nghiệm, người, Ngoài ra, nông nghiệp, ngắn ngày.**
- Giáo viên hướng dẫn HV chữa lỗi.

IV. CÙNG CỐ, VẬN DỤNG

- Giáo viên nói hoặc làm một việc cụ thể để thể hiện lòng biết ơn của bạn với người đã giúp đỡ bạn; chuẩn bị kể lại cho bạn nghe về điều đó.

- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 27.

Bài 27. CỐ CÔNG MÀI SẮT CÓ NGÀY NÊN KIM (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Cố công mài sắt, có ngày nên kim*. Hiểu lời khuyên từ câu chuyện: Làm việc gì cũng phải kiên trì, nhẫn nại mới thành công.

2. Luyện tập gắn với văn bản đọc

- Tìm được những từ ngữ chỉ môn học, đồ dùng học tập, chỉ gộp đồ dùng học tập, chỉ hoạt động học tập.

- Đặt được câu với 1-2 từ ngữ về chủ đề học tập.

- Đóng vai một người bạn để khuyên bạn mình chăm chỉ học tập.

3. Viết

- Chọn được từ ngữ cho sẵn để hoàn chỉnh các câu tục ngữ.

- Viết được 1-2 câu về cách hiểu đối với một câu tục ngữ.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh hỗ trợ hoạt động nghe - nói (nếu chuẩn bị được).

- Bảng phụ viết sẵn bài tập viết – bài tập 1 (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Trả lời câu hỏi: Để có được kết quả trong học tập, người học cần có đức tính gì?

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên / HV đọc toàn bài trước lớp. 2 học viên đọc nối tiếp bài đọc.

- Học viên đọc nối tiếp trong nhóm.

- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Lúc đầu cậu bé học hành thế nào?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
- Học viên trả lời câu hỏi (Lúc đầu, cậu bé rất mau chán việc học: Mỗi khi cầm quyển sách, cậu chỉ đọc vài dòng là ngáp ngáp dài, rồi bỏ dở).
- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Khi cậu bé hỏi, bà cụ giải thích với cậu bé như thế nào?) hoặc HV đọc câu hỏi 2 trước lớp.
- Học viên trả lời câu hỏi (Bà cụ giảng giải cho cậu: Mỗi ngày mài thỏi sắt sẽ nhỏ đi một tí, sẽ có ngày nó thành kim. Cũng giống như cậu bé đi học, mỗi ngày học một ít sẽ có ngày thành tài).
- Giáo viên nêu câu hỏi 3. (Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?) hoặc HV đọc câu hỏi 3 trước lớp.
- Học viên làm việc nhóm: Từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.
- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến (VD: Làm việc gì cũng phải kiên trì, nhẫn nại, không ngại khổ thì mới thành công./ Cần phải chăm chỉ, kiên trì học tập thì mới có kết quả tốt./...)
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo: Luyện tập gắn với văn bản đọc.

3. Luyện tập gắn với văn bản đọc

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Luyện nói từ ngữ về học tập.
- Học viên trao đổi theo cặp, nhóm.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung, thống nhất kết quả đúng.

(1) Tìm các từ ngữ:

Chỉ môn học: Tiếng Việt, Toán, Tự nhiên và Xã hội, ...

Chỉ đồ dùng học tập: sách, vở, bút, thước kẻ,...

Chỉ gộp đồ dùng học tập: sách vở, bút thước,...

Chỉ hoạt động học tập: đọc sách, kể chuyện, vẽ tranh, hát, tập thể dục,...

(2) Đặt câu với 1-2 từ ngữ vừa tìm được:

VD: Em rất thích môn Toán./ Em có một chiếc bút máy mới./...

(3) Nói lời khuyên bạn học tập:

VD: Bạn hãy cố gắng đến lớp học. Tớ sẽ giúp đỡ bạn./ Nếu chúng mình không đi học thì sẽ không biết chữ, khó làm được việc gì có ích cho gia đình và quê hương./...

4. Viết

a) Chọn từ ngữ thích hợp với mỗi chỗ trống trong các câu tục ngữ

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Chọn từ ngữ trong ngoặc thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn chỉnh các câu tục ngữ.

- Học viên làm bài cá nhân, sau đó trao đổi kết quả trong nhóm.
- Một số HV báo cáo kết quả trong lớp; HV khác nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, chốt kết quả đúng:
 - + Học một **biết** mười.
 - + Người không **học** như ngọc không mài.
 - + Muốn **biết** phải hỏi, muốn **giỏi** phải học.

b) Viết 1-2 câu về cách hiểu đối với một trong các câu tục ngữ ở bài tập 1

- Giáo viên yêu cầu HV chọn một câu tục ngữ để viết 1-2 câu nêu cách hiểu của mình về câu tục ngữ đó.
- Một số HV đọc câu trước lớp; HV khác bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV (nếu cần).

IV. Củng cố, Dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 27.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà trao đổi với người thân về ý nghĩa của các câu tục ngữ đã học.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 28.

Chủ điểm: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

Bài 28. CHÀNG TRAI LÀNG PHÙ ỦNG (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Chàng trai làng Phù Ủng*. Hiểu nội dung câu chuyện: Phạm Ngũ Lão giàu lòng yêu nước nên đã được Trần Hưng Đạo đưa về kinh đô.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Chàng trai làng Phù Ủng* theo câu hỏi gợi ý.

3. Viết: Tô và viết chữ hoa U, Ʊ, Y, X.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ hoa U, U', Y, X phóng to; phần mềm hướng dẫn viết chữ U, U', Y, X.
- Tranh hỗ trợ HV kể chuyện (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: quan sát tranh và đoán xem chuyện gì đang xảy ra.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên / HV đọc toàn bài trước lớp. 2 học viên đọc nối tiếp bài đọc.
- Học viên đọc nối tiếp trong nhóm.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Chàng trai ngồi bên vệ đường làm gì?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
 - Học viên trả lời câu hỏi (Chàng trai ngồi đan sọt).
- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Vì sao quân lính đâm giáo vào đùi chàng trai?) hoặc HV đọc câu hỏi 2 trước lớp.
 - Học viên trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi (Vì chàng trai mãi mê đan sọt mà không nhận ra kiêu Trần Hưng Đạo đang tới nên quân mở đường giận dữ lấy giáo đâm vào đùi để chàng tỉnh ra).
- Giáo viên nêu câu hỏi 3. (Vì sao Trần Hưng Đạo đưa chàng trai về kinh đô?) hoặc HV đọc câu hỏi 3 trước lớp.
 - Học viên làm việc nhóm: Từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.
 - Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến (Trần Hưng Đạo đưa chàng trai về kinh đô vì Trần Hưng Đạo mến trọng người hiền tài, giàu lòng yêu nước, giáo đâm chảy máu đùi không thấy đau, trả lời trôi chảy chiến thuật dùng binh).
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo: Kể chuyện.

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu: Nêu nội dung từng tranh dựa vào tranh và gợi ý để kể lại câu chuyện *Chàng trai làng Phù Ủng*.
- Giáo viên nêu từng câu hỏi dưới mỗi tranh để HV lần lượt trả lời.
- Học viên làm việc cá nhân: Tập kể lại câu chuyện dựa vào tranh và gợi ý.
- Học viên làm việc nhóm: Từng thành viên kể chuyện. Cả nhóm góp ý.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Tô và viết chữ hoa.

4. Viết

a) Tô và viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Tô và viết chữ hoa U, U', Y, X.
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa U, U', Y, X; phân tích điểm giống và khác của các chữ đó.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa U, U', Y, X.
- Giáo viên có thể hướng dẫn cụ thể chữ U như sau:

+ Chữ hoa U cao 5 li.
+ Chữ hoa U được viết bằng 2 nét: nét móc hai đầu (trái – phải) và móc ngược phải.
+ Cách viết:
Nét 1: ĐB trên ĐK 5, viết nét móc hai đầu, đầu móc bên trái cuộn vào trong, đầu móc bên phải hướng ra ngoài, DB ở ĐK 2.
Nét 2: Từ điểm DB của nét 1, rê bút thẳng lên ĐK 6 rồi đổi chiều bút, viết nét móc ngược (phải) từ trên xuống dưới, DB ở ĐK 2.

- Viết chữ hoa U': Thực hiện tương tự như khi viết chữ hoa U, thêm một dấu râu trên đầu nét 2.
- Viết chữ hoa Y, X: Thực hiện tương tự như khi viết chữ hoa U. Lưu ý về cấu tạo độ cao và cách viết:

- Chữ hoa Y:
+ Chữ hoa Y cao 8 li (9 đường kẻ).
+ Chữ hoa Y được viết bằng 2 nét: nét móc hai đầu và nét khuyết ngược.
+ Cách viết:
Nét 1: Viết như nét 1 của chữ U.
Nét 2: Từ điểm đặt bút của nét 1, rê bút lên ĐK 6, đổi chiều bút, viết nét khuyết ngược, kéo dài xuống ĐK 4 dưới ĐK 1, DB ở ĐK 2 phía trên.

- Chữ hoa X:
+ Chữ hoa X cao 5 li.
+ Chữ hoa X được viết bằng 1 nét viết liền, là kết hợp của 3 nét cơ bản: 2 nét móc hai đầu và 1 nét xiên.
+ Cách viết:
Nét 1: ĐB trên ĐK 5, viết nét móc hai đầu bên trái, DB giữa ĐK 1 với ĐK 2.
Nét 2: Từ điểm DB của nét 1, viết nét xiên (lượn) từ trái sang phải, từ dưới lên trên, ĐB trên ĐK 6.
Nét 3: Từ điểm DB của nét 2, đổi chiều bút, viết nét móc hai đầu bên phải từ trên xuống dưới, cuối nét uốn vào trong, DB ở ĐK 2.

- Học viên làm việc cá nhân, luyện tô các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- + Uống nước, nhớ nguồn.
- + Yêu trường, yêu lớp.
- + Xuôi chèo, mát mái.
- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng, nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

IV. Củng cố, dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 28.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà đọc hoặc kể lại cho người thân câu chuyện *Chàng trai làng Phù Ủng*.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 29.

Bài 29. CỘT CỜ HÀ NỘI (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Cột cờ Hà Nội*. Hiểu nội dung và ý nghĩa bài thơ: Bài thơ nói về cột cờ Hà Nội với lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới, qua đó thể hiện lòng tự hào của người dân Thủ đô mỗi khi nhìn thấy lá cờ Tổ quốc tung bay.

2. Nói và nghe

- Nói được những việc làm góp phần xây dựng quê hương, đất nước, gia đình.

3. Viết:

- Nhìn – chép đúng 2 khổ thơ cuối bài thơ *Cột cờ Hà Nội*.
- Viết đúng một số tiếng có âm đầu c hay k.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ viết sẵn bài *Cột cờ Hà Nội* và bài tập 2 (bài tập chính tả).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

- Giáo viên yêu cầu HV đọc một vài câu ca dao nói về cảnh đẹp của quê hương mà HV biết.
- Học viên trao đổi theo cặp; phát biểu ý kiến trước lớp.
- Giáo viên nhận xét; giới thiệu bài đọc *Cột cờ Hà Nội*.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn bài thơ; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc một số câu thơ có thể ngắt hơi không đúng.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Học viên đọc cá nhân, nhóm, lớp (nối tiếp, đồng thanh,...): đọc từ ngữ, đọc câu, đọc bài.

b) Đọc hiểu

- Học viên đọc thầm câu hỏi, trao đổi theo cặp; sau đó nêu ý kiến trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, chốt câu trả lời đúng:
 - (1) Cột cờ Hà Nội nằm ở đường nào? (Cột cờ Hà Nội nằm ở đường Điện Biên Phủ, Thủ đô Hà Nội.)
 - (2) Lá cờ được miêu tả như thế nào? (Lá cờ màu đỏ chói, bay phấp phới giữa trời xanh).
 - (3) Màu cờ Tổ quốc gợi cho ta điều gì? (Nhìn lá cờ Tổ quốc gợi cho ta lòng tự hào dân tộc, tự hào về những chiến thắng hào hùng của quân và dân ta).

3. Nói và nghe

- Giáo viên nêu yêu cầu: Học viên nói về những việc làm tốt ở gia đình, cộng đồng, của những người xung quanh.
- Giáo viên hướng dẫn HV trao đổi trong nhóm theo 2 nhiệm vụ trong tài liệu học viên.
- Trao đổi trước lớp: Một số HV nói trước lớp; những HV khác trao đổi, bổ sung ý kiến.
- Giáo viên yêu cầu HV nói về những việc làm của bản thân để xây dựng kinh tế gia đình mình.
- Giáo viên nhận xét, góp ý và nhấn mạnh: muốn xây dựng đất nước trước hết cần có những việc làm tốt ở gia đình, cộng đồng, làng xóm.

4. Viết

a) Tập chép

- Giáo viên nêu yêu cầu tập chép 2 khổ thơ cuối bài thơ *Cột cờ Hà Nội*.
- Giáo viên đọc mẫu đoạn thơ; giới thiệu: 2 khổ thơ cuối bài thơ *Cột cờ Hà Nội* gồm có 8 dòng thơ, mỗi dòng 5 chữ.

- Giáo viên đọc 8 câu thơ đầu của bài thơ một lần.
- Giáo viên mời 1 – 2 HV đọc lại đoạn thơ trước lớp.
- Học viên nhìn sách (hoặc bảng phụ), viết vào vở.
- Học viên nhìn sách (hoặc bảng phụ), soát lại bài viết, sửa lỗi (nếu cần).
- Giáo viên hướng dẫn HV chữa một số bài trên lớp; HV chữa bài của mình.

b) Chọn chữ c hoặc k điền vào chỗ trống

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập:
- + Chọn c hoặc k thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn thành các câu thành ngữ.
- + Viết lại các câu thành ngữ đó.
- Cả lớp làm bài vào vở.
- Giáo viên chữa bài trên bảng: **Cày sâu cuốc bẫm./ Công thành danh toại./ Kể vai sát cánh.**
- Giáo viên hướng dẫn HV chữa lỗi.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 29.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà viết 2-3 câu kể về những việc mình đã làm để xây dựng kinh tế gia đình, bản làng, quê hương.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 30.

Bài 30. NGƯỜI CON GÁI ANH HÙNG (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu trong bài *Người con gái anh hùng*. Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài. Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài: kể về những chiến công và tấm gương chiến đấu anh dũng, kiên cường của chị Võ Thị Sáu.

2. Nói và nghe

- Nêu được những hành động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Viết

- Chọn được từ ngữ cho sẵn để hoàn thành các câu văn.
- Viết được câu về hành động đã làm vì cộng đồng.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh và câu hỏi gợi ý hỗ trợ hoạt động nghe - nói (nếu chuẩn bị được).
- Bảng phụ viết sẵn bài tập 3 (luyện tập).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

- Giáo viên gợi ý để HV kể về tấm gương xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở địa phương hoặc HV biết.

- Học viên trao đổi theo cặp; phát biểu ý kiến trước lớp.

- Giáo viên giới thiệu bài đọc *Người con gái anh hùng*.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn bài; HV đọc thầm theo.

- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ khó phát âm hoặc có thể phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.

- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài (VD: *Dù ra đi khi tuổi đời còn rất trẻ,/ tấm gương người nữ anh hùng Võ Thị Sáu/ vẫn còn mãi sáng ngời.*).

- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.

- Học viên đọc cá nhân, nhóm, lớp (nối tiếp, đồng thanh,...): đọc từ ngữ, đọc câu, đọc bài.

b) Đọc hiểu

- Học viên đọc thầm câu hỏi, trao đổi theo cặp; sau đó nêu ý kiến trước lớp.

- Giáo viên nhận xét, chốt câu trả lời đúng:

(1) Chị Võ Thị Sáu gia nhập Việt Minh từ năm bao nhiêu tuổi? (Chị Võ Thị Sáu gia nhập Việt Minh từ năm 14 tuổi).

(2) Chị làm những công việc gì? (Chị làm nhiệm vụ liên lạc, tiếp tế và tham gia chiến đấu).

(3) Khi bị bắt, chị Võ Thị Sáu là người như thế nào? (Khi không may bị bắt, bị tra tấn dã man nhưng chị vẫn bất khuất, hiên ngang, không một chữ phản bội đồng bào).

3. Luyện tập gắn với bài đọc

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Nhìn tranh, chỉ ra hành động nào là xây dựng Tổ quốc, hành động nào là bảo vệ Tổ quốc.

- Học viên trao đổi theo cặp.

- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung:

+ *Hành động bảo vệ Tổ quốc*: 1, 5

+ *Hành động xây dựng Tổ quốc*: 2, 3, 4, 6

- Giáo viên yêu cầu HV nêu những suy nghĩ của bản thân cần làm gì để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Học viên làm việc cá nhân, phát biểu trước lớp. GV nhận xét, bổ sung: *Chăm chỉ học tập, giữ gìn môi trường, làm kinh tế gia đình, không làm các việc xấu, nâng cao ý thức cảnh giác với những kẻ xấu,...*

- Giáo viên chiếu/treo lên bảng bài tập số 3 trong tài liệu học viên.

- Học viên làm việc cá nhân, phát biểu trước lớp. GV nhận xét.

- Giáo viên nhận xét, bổ sung:

Trung đi học về. Thấy em rất vui, mẹ hỏi:

- Hôm nay con được điểm tốt à?

- Vâng. Con được khen nhưng đó là nhờ con nhìn bạn Long. Nếu không bắt chước bạn ấy thì chắc con không được thầy khen như thế.

Mẹ ngạc nhiên:

- Sao con nhìn bài của bạn?

- Nhưng thầy giáo có cấm nhìn bạn tập đâu. Chúng con thi thể dục ấy mà.

4. Viết

a) Tìm từ ngữ thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn thành các câu

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Chọn từ ngữ thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn thành các câu nói về những hành động vì cộng đồng.

- Học viên làm bài cá nhân: Đọc và tìm hiểu nội dung đoạn văn; tìm từ ngữ phù hợp với chỗ trống.

- Học viên trao đổi kết quả theo cặp.

- Một số HV báo cáo kết quả trong lớp; HV khác nhận xét, bổ sung.

- Giáo viên nhận xét, chốt kết quả đúng.

*Mỗi người trong chúng ta hãy tích cực tham gia các **hoạt động** chung vì cộng đồng như: bảo vệ môi trường, chia sẻ với **đồng bào** vùng khó khăn,... Mỗi cá nhân khi cống hiến vì **cộng đồng** sẽ được phát huy những thế mạnh của bản thân, sống một cuộc sống có ích, ý nghĩa hơn.*

b) Viết lại câu

- Học viên viết câu kể lại việc mình đã làm vì cộng đồng.

- Giáo viên có thể gợi ý các hành động vì cộng đồng: *thu gom rác, giúp đỡ người nghèo, người già, ..., vận động trẻ em đi học,*

- Giáo viên nhận xét một số bài; HV sửa bài viết (nếu cần).

IV. CÙNG CỐ, VẬN DỤNG

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 30.
- Giáo viên hướng dẫn HV viết 3-4 câu nói về trách nhiệm của mình đối với gia đình /cộng đồng/ đất nước: *yêu thương vợ con, chăm chỉ lao động, làm ăn kinh tế, ...*
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 31.

Bài 31. ÔN TẬP (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn bài và trả lời đúng câu hỏi về bài đọc.

2. Viết

- Nghe – viết được đoạn văn/ đoạn thơ.
- Viết đúng từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *c/ k, g/ gh, ng/ ngh*.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu học tập (bài kiểm tra đọc – viết).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Luyện đọc thành tiếng

- Giáo viên nêu yêu cầu: đọc to, rõ ràng bài thơ.
- Từng HV đọc bài thơ *Lời ru của mẹ*, trả lời câu hỏi cuối bài đọc.

- a) Lời ru xuất hiện khi nào? (Khi con chào đời)
- b) Lời ru có ý nghĩa thế nào với con, ngay cả khi con đã lớn khôn? (Lời ru luôn ở bên con, đi theo con suốt cuộc đời./ Lời ru tượng trưng cho mẹ - mẹ luôn bên con, luôn dõi theo con, mang đến cho con sức mạnh vượt mọi gian khó./....
- c) Bài thơ muốn nói với chúng ta điều gì?
(Học viên trình bày theo suy nghĩ của mình)

- Giáo viên/ cả lớp nhận xét.

2. Nghe – viết

- Giáo viên/ 1 HV đọc đoạn *Trong lời mẹ ru*.
- Giáo viên nhắc HV chú ý những từ ngữ dễ viết sai lẫn do ảnh hưởng của phát âm địa phương.
- Giáo viên đọc từ câu/ vế câu. HV viết, đổi bài để rà soát, góp ý và sửa lỗi.
- Giáo viên nhận xét bài viết của HV.

3. Làm bài tập chính tả

- Học viên làm bài cá nhân, sau đó đối chiếu theo nhóm.
- Giáo viên mời HV chữa bài, thống nhất kết quả.

Cũng như mọi màu xanh trên khắp đất nước, màu xanh của dòng kinh quê hương gọi lên những điều quen thuộc... Vẫn như có một giọng hò đang ngân lên trong không gian có mùi quả chín, một mái xuồng vừa cập bến có tiếng trẻ reo mừng, và sau lưng tôi, tiếng giã sàng vừa ngưng lại thì một giọng đưa em bổng cất lên... Để thương làm sao giọng đưa em lạnh lốt của miền Nam vút lên đưa trẻ thơ vào giấc ngủ, đưa con người vào niềm vui.

(Theo Nguyễn Thi)

4. Viết câu trả lời cho câu hỏi: Bạn có cảm nghĩ gì về lời ru của mẹ?

- Học viên làm bài cá nhân, sau đó đọc câu mình đã viết theo nhóm.
- Giáo viên mời nhiều HV đọc trước lớp. Cả lớp và HV nhận xét, góp ý.

Bài 32. TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP (3 tiết)

Học viên tự thực hiện các yêu cầu trong đề tham khảo:

(1) Đọc thành tiếng bài *Nghe thầy đọc thơ*.

(2) Đọc câu chuyện *Hạt lúa* và trả lời câu hỏi.

a) Sau vụ gặt, người nông dân giữ lại những hạt lúa tốt để làm gì? (Để làm hạt giống cho mùa sau).

b) Vì sao có một hạt thóc không chịu ra đồng? (Vì hạt thóc đó không muốn thân mình nát tan trong đất, nên đã trốn trong nhà kho cho yên thân, an toàn).

c) Cuộc sống của những hạt lúa thế nào?

- Hạt lúa trốn trong nhà kho: bị héo khô ở góc nhà kho tối om, không ánh sáng, không nước uống, không bạn bè.

- Những hạt lúa gieo trên đồng: nảy mầm, đón ánh mặt trời rực rỡ, uống những giọt mưa mát lành và đùa vui với gió trong lành.

(3) Nghe viết: *Nghe thầy đọc thơ* (4 câu).

(4) Viết 1 – 2 câu giới thiệu về bản thân.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC XÓA MÙ CHỮ

TIẾNG VIỆT KỲ - 1

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

VPGD: Số 278 Tôn Đức Thắng, Q. Đống Đa - TP Hà Nội

ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860753

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập:

Vũ Thị Thu Ngân

Vẽ bìa:

Vũ Thị Bình Minh

Sửa bản in:

Phạm Thu Trang

Trình bày sách:

Phạm Thị Lê

Chế bản:

Phạm Thị Lê

LIÊN KẾT XUẤT BẢN: CÔNG TY CP SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ

In 1.140 bản, khổ 19×26,5cm tại Nhà máy In Bộ Quốc phòng, Địa chỉ: Thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản số: 3671-2023/CXBIPH/15-132/DT

Quyết định xuất bản số: 3219/QĐXB-NXBĐT do Nhà xuất bản Dân Trí cấp ngày 20 tháng 11 năm 2023.

Mã ISBN: 978-604-40-0237-8.

In xong, nộp lưu chiểu quý IV năm 2023